

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phường 2, ngày tháng năm 2020

DANH SÁCH CỬ TRI
Khu phố 5

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1	QUÁCH NGỌC ANH	28/08/1929		X	211 lô p C/C Ngô Gia Tự	
2	TRƯƠNG KIM LIÊN	10/11/1967		X	211 lô p C/C Ngô Gia Tự	
3	DIỆP CHIẾN	20/02/1948	X		108 lô p C/C Ngô Gia Tự	
4	TRẦN THỊ BA	10/03/1940		X	212 lô m C/C Ngô Gia Tự	
5	TỬ TRƯỜNG	12/12/1971	X		212 lô m C/C Ngô Gia Tự	
6	TỬ THỊ HẠNH	02/10/1969		X	212 lô m C/C Ngô Gia Tự	
7	TỬ TÚC Ý	22/08/1963		X	212 lô m C/C Ngô Gia Tự	
8	LÊ THỊ BÔNG	01/01/1931		X	339 lô M C/C Ngô Gia Tự	
9	TRƯƠNG VĂN HUÔI	02/02/1933	X		339 lô M C/C Ngô Gia Tự	
10	TRẦN TIÊU LIÊN	1942		X	203 lô M C/C Ngô Gia Tự	
11	DUƠNG VĂN GIÁM	26/01/1978	X		203 lô M C/C Ngô Gia Tự	
12	DUƠNG LÊ THU	10/11/1975		X	203 lô M C/C Ngô Gia Tự	
13	CHÂU LÊ HOA	16/06/1959		X	229 m C/C Ngô Gia Tự	
14	LÝ CHINH DINH	04/10/1988		X	229 m C/C Ngô Gia Tự	
15	LÝ TỔ HÀ	25/07/1932		X	202m C/C Ngô Gia Tự	
16	HUỲNH LÊ CHÁNH	10/12/1954		X	202m C/C Ngô Gia Tự	
17	DUƠNG VĂN LŨM	04/04/1948	X		126 lô n C/C Ngô Gia Tự	
18	TRẦN NGỌC HỒNG	23/10/1984		X	126 lô n C/C Ngô Gia Tự	
19	TRẦN NGỌC THỦY	06/02/1979		X	126 lô n C/C Ngô Gia Tự	
20	TRẦN NGỌC TUYẾT	14/02/1982		X	126 lô n C/C Ngô Gia Tự	
21	PHẠM THỊ BÉ	08/03/1956		X	126 lô n C/C Ngô Gia Tự	
22	LÂM THỊ THIÊN NGÀ	08/01/1962		X	126 lô n C/C Ngô Gia Tự	
23	TRẦN MINH SƠN	07/04/1957	X		224 lô o C/C Ngô Gia Tự	
24	TRẦN THỊ THANH TRANG	08/07/1970		X	224 lô o C/C Ngô Gia Tự	
25	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	06/03/1984		X	224 lô o C/C Ngô Gia Tự	
26	LÊ HÀ TỬ	15/08/1929	X		234 lô n C/C Ngô Gia Tự	
27	TRIỆU TRANG	29/11/1935		X	234 lô n C/C Ngô Gia Tự	
28	THÁI CHI SƠN	02/06/1928	X		217 lô n c/c Ngô Gia Tự	
29	LÂM PHỤNG NGHI	15/08/1936		X	217 lô n c/c Ngô Gia Tự	
30	THÁI VĂN MINH	28/08/1964		X	217 lô n c/c Ngô Gia Tự	
31	NHAN TÔ	15/04/1926		X	220 lô N C/C Ngô Gia Tự	
32	TRẦN NGỌC LAN	08/03/1943		X	210 lô m c/c Ngô Gia Tự	
33	VÕ VĂN PHÚC	30/10/1962	X		333 lô N C/C Ngô Gia Tự	
34	NGUYỄN THỊ VÂN	20/12/1972		X	204 lô m c/c Ngô Gia Tự	
35	TRẦN THỊ HẠNH	1974		X	204 lô m c/c Ngô Gia Tự	
36	ĐOÀN THỊ QUẾ	05/06/1937		X	11 lô n c/c Ngô Gia Tự	
37	CHIỀU VỊ MINH	25/12/1955	X		316 lô V c/c Ngô Gia Tự	
38	TẶNG NGỌC	08/03/1921		X	303 lô P c/c Ngô Gia Tự	
39	HUỲNH LÊ	20/01/1921	X		303 lô P c/c Ngô Gia Tự	
40	ĐỖ TỔ HÀ	08/05/1939	X		153 Trần Nhân Tôn	
41	LÂM QUỐC MẦN	27/09/1975	X		153 Trần Nhân Tôn	
42	LÂM QUỐC VINH	16/04/1973	X		153 Trần Nhân Tôn	
43	TRẦN KIM	26/08/1959	X		177-179 Trần Nhân Tôn	
44	LÊ TRẦN NỮ TUYẾT MAI	16/12/1967		X	177-179 Trần Nhân Tôn	
45	TRẦN BỘI DINH	04/03/1989		X	177-179 Trần Nhân Tôn	
46	TRẦN THỊ HOA	24/06/1947		X	68/10 Nguyễn Chí Thanh	
47	HỨA QUYẾT CHIẾN	21/05/1954	X		6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
48	CHIÊM THIỂU LINH	10/08/1955		X	206 Sư Vạn Hạnh	
49	NGUYỄN ĐÁNH KHAI	23/10/1984	X		206 Sư Vạn Hạnh	
50	LIÊU KỶ MẦN	27/08/1982	X		206 Sư Vạn Hạnh	
51	TRẦN THỊ HUỆ TRINH	17/08/1952		X	206 Sư Vạn Hạnh	
52	ĐỖ CÔNG HOÀNG	26/01/1961	X		6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
53	NGUYỄN THỊ DIỆP	24/09/1964		X	6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
54	ĐỖ HẢI ĐĂNG	27/07/1989	X		6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
55	ĐỖ HẢI QUẢN	27/07/1996	X		6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
56	DIỆP THỊ DUNG HẠNH	30/03/1973		X	48 Nguyễn Chí Thanh	
57	NGUYỄN THÀNH LỘC	08/04/1962	X		012 lô n C/C Ngô Gia Tự	
58	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	20/04/1967		X	012 lô n C/C Ngô Gia Tự	
59	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG XUÂN	26/02/1991		X	012 lô n C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
60	NGUYỄN THỊ NGỌC LỢI	27/03/1960		X	012 lô n C/C Ngô Gia Tự	
61	NGUYỄN THÀNH TÀI	24/03/1963	X		012 lô n C/C Ngô Gia Tự	
62	VIỄN GIA HÒA	28/05/1973	X		325 lô m C/C Ngô Gia Tự	
63	VÕ NGỌC LIÊN	28/07/1960		X	325 lô m C/C Ngô Gia Tự	
64	VÕ TUỖNG LINH	21/07/1964	X		325 lô m C/C Ngô Gia Tự	
65	VÕ TUỖNG KHOA	31/12/1966	X		325 lô m C/C Ngô Gia Tự	
66	TRẦN THỊ ANH	24/10/1956		X	6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
67	CHẾ ĐÌNH TƯỜNG	20/09/1981	X		6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
68	CHẾ ĐÌNH BÍCH UYÊN	11/06/1985		X	6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
69	PHẠM LAN TRINH	22/06/1972		X	112 lô n c/c Ngô Gia Tự	
70	NGUYỄN THỊ HẰNG	26/10/1925		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
71	NGUYỄN THỊ DUY ANH	22/04/1958		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
72	VƯƠNG ĐÌNH HUÂN	24/06/1922	X		88 Nguyễn Chí Thanh	
73	LÂN THỊ THỜI	22/09/1927		X	90 Nguyễn Chí Thanh	
74	DƯƠNG THỊ KIM LỆ	20/12/1941		X	038 lô n C/C Ngô Gia Tự	
75	DƯƠNG VĂN HÙNG	10/11/1971	X		038 lô n C/C Ngô Gia Tự	
76	DƯƠNG HỒNG NGỌC	22/07/1956		X	120 lô n c/c Ngô Gia Tự	
77	PHAN MINH HOÀNG	28/11/1981	X		120 lô n c/c Ngô Gia Tự	
78	PHAN MINH TRÍ	13/09/1984	X		120 lô n c/c Ngô Gia Tự	
79	PHÙNG LỆ KHANH	30/07/1951		X	119 lô n c/c Ngô Gia Tự	
80	DIỆP HẠ THANH	10/06/1974	X		119 lô n c/c Ngô Gia Tự	
81	TRẦN ĐỨC LUÂN KHA	06/12/1974	X		212 lô O c/c Ngô Gia Tự	
82	TRẦN THỨC KHÁNG	05/02/1949	X		212 lô O c/c Ngô Gia Tự	
83	TRẦN ANH TUẤN	04/03/1958	X		6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
84	VÕ THỊ TUYẾT HIỀN	03/05/1960		X	6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
85	TRẦN THỊ HOÀNG MINH	04/11/1995		X	6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
86	TRẦN THỊ HOÀNG ANH	06/03/2000		X	6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
87	TRẦN THỊ HOÀNG PHƯƠNG	12/02/1986		X	6-8-10 Nguyễn Chí Thanh	
88	PHÙNG HUỆ	09/09/1931		X	304 lô M C/C Ngô Gia Tự	
89	LÝ KỶ TRUNG	02/08/1987	X		304 lô M C/C Ngô Gia Tự	
90	LÝ MỸ VÂN	23/05/1992		X	304 lô M C/C Ngô Gia Tự	
91	ĐỖ THỊ PHỤNG	27/10/1957		X	304 lô M C/C Ngô Gia Tự	
92	LÝ DIỆU	17/11/1961	X		304 lô M C/C Ngô Gia Tự	
93	BUI TÂN KHÁNH	10/10/1937		X	147 Trần Nhân Tôn	
94	NGUYỄN VĂN BÁNH	02/04/1931	X		60 Nguyễn Chí Thanh	
95	TRẦN THỊ THANH VÂN	21/06/1967		X	60 Nguyễn Chí Thanh	
96	NGUYỄN THỊ THANH LAN	02/12/1986		X	60 Nguyễn Chí Thanh	
97	NGUYỄN NGỌC LAN HƯƠNG	19/10/1988		X	60 Nguyễn Chí Thanh	
98	NGUYỄN THANH BÌNH	27/12/1990	X		60 Nguyễn Chí Thanh	
99	VŨ THỊ THÈM	02/01/1936		X	60 Nguyễn Chí Thanh	
100	NGUYỄN NGỌC LÂM	29/06/1967		X	60 Nguyễn Chí Thanh	
101	LƯU VI HÙNG	12/10/1933	X		303 LÔ N c/c Ngô Gia Tự	
102	NGUYỄN THANH HẠNH	27/09/1964	X		303 LÔ N c/c Ngô Gia Tự	
103	LƯU KIM ĐỨC	24/09/1971	X		303 LÔ N c/c Ngô Gia Tự	
104	LÊ THỊ KIM HOÀNG	26/03/1957		X	211 lô O c/c Ngô Gia Tự	
105	HUỶNH MINH HÙNG	09/02/1951	X		211 lô O c/c Ngô Gia Tự	
106	HUỶNH LÊ HOÀNG HUY	24/04/1981	X		211 lô O c/c Ngô Gia Tự	
107	HUỶNH LÊ MINH HUY	03/06/1989	X		211 lô O c/c Ngô Gia Tự	
108	BUI THỊ LANG	04/03/1930		X	332 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
109	NGUYỄN VŨ ĐẠT	19/04/1984	X		332 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
110	KHA TÀI KHANG	18/02/1991		X	332 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
111	NGUYỄN VŨ THÔNG	04/10/1985	X		332 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
112	NGUYỄN VŨ CHÍ	31/05/1989	X		332 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
113	HUỶNH VĂN PHIÊN	01/06/1951	X		332 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
114	LƯU NGUYỆT MINH	30/05/1937		X	332 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
115	HUỶNH VĂN MINH	17/09/1969	X		332 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
116	THÁI VĂN NGỌC	16/01/1926	X		014 lô P C/C Ngô Gia Tự	
117	THANG DƯƠNG OAI	17/06/1951	X		206/4 Sư Vạn Hạnh	
118	TRẦN MUỘI	21/07/1958		X	206/4 Sư Vạn Hạnh	
119	TRANG MỸ CHI	09/10/1991		X	206/4 Sư Vạn Hạnh	
120	THANG MỸ NGHI	25/07/1988		X	206/4 Sư Vạn Hạnh	
121	DƯƠNG NGỌC HỒNG	24/12/1950		X	236 Sư Vạn Hạnh	
122	ĐẶNG VĂN PHÁT	13/04/1952	X		009 lô N c/c Ngô Gia Tự	
123	HOÀNG ĐOÀN THỊ THƠ	19/10/1968		X	009 lô N c/c Ngô Gia Tự	
124	NGUYỄN THỊ QUANG	28/01/1949		X	206/2 Sư Vạn Hạnh	
125	NGUYỄN THỊ VƯƠNG TRÂM	16/05/1974		X	011 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
126	ĐÀM THỊ HUỆ TÂM	01/01/1936		X	211 lô P C/C Ngô Gia Tự	
127	NGUYỄN NGỌC TIỀN	21/06/1967	X		103 lô N C/C Ngô Gia Tự	
128	LÊ THỊ THUYẾT NGÀ	03/12/1985		X	315 lô N C/C Ngô Gia Tự	
129	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÀ	25/12/1964		X	215 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
130	PHẠM THỊ QUYỀN	08/03/1936		X	009 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
131	TRẦN VĂN SÀN	05/04/1937	X		009 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
132	TRẦN THÁI SƠN	23/03/1968	X		009 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
133	TRẦN ANH KIẾT	17/02/1975	X		009 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
134	TRẦN ANH TUẤN	11/04/1973	X		009 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
135	DIỆP MỸ PHỤNG	28/04/1965		X	316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
136	LÝ NGỌC NHI	11/11/1991		X	316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
137	LÝ NGỌC ĐƯỜNG	09/04/1979	X		316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
138	LÝ HUỆ BÌNH	14/05/1981		X	316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
139	LÝ QUỐC TOÀN	17/06/1995	X		316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
140	LÝ HUỆ AN	08/10/1997		X	316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
141	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG	11/07/1987		X	316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
142	NGUYỄN THỊ CẨM DUNG	31/12/1990		X	316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
143	DIỆP NGÀ	24/09/1956		X	316 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
144	NGUYỄN VĂN THỌ	20/05/1963	X		116 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
145	PHÙNG THỊ NGỌC LỆ	23/10/1990		X	116 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
146	NGUYỄN THỊ CAM	09/03/1968		X	116 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
147	NGUYỄN TẤN PHÁT	31/05/1993	X		116 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
148	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	16/04/1999	X		116 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
149	NGUYỄN VĂN CHÂU	02/05/1960	X		116 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
150	NGÔ THỊ LANG	01/12/1937		X	023 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
151	TRẦN THANH NHÂN	26/05/1993	X		023 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
152	TRẦN THANH ĐỨC	01/06/1970	X		023 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
153	TRẦN THANH THIỆN	17/08/1967	X		023 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
154	ÂU CHÍ HƯƠNG	01/06/1948		X	140 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
155	TRẦN THỰC NHI	26/10/1977		X	140 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
156	LÝ TỔ MUỘI	11/10/1956		X	108 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
157	TÁT MỸ TÀN	09/06/1995		X	108 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
158	TÁT MỸ KIM	13/11/1993		X	108 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
159	NGUYỄN THỊ THU VÂN	01/09/1964		X	137 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
160	LÊ HOÀNG TRƯỞNG LONG	08/12/1984	X		137 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
161	LÊ HOÀNG THANH TÂM	11/05/1990		X	137 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
162	NGUYỄN THỊ THU	30/06/1966		X	137 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
163	LÊ THÀNH TẤN	24/05/1986	X		137 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
164	TẠ VĨ BÌNH	21/01/1997	X		003 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
165	TẠ MỸ LINH	13/03/1991		X	003 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
166	TRẦN THỊ NGUYỆT	01/03/1958		X	003 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
167	TRẦN THỊ THU CÚC	25/04/1963		X	003 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
168	ĐÀO NỮ	16/01/1958		X	104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
169	LIÊN VINH KHÁNG	09/08/1994	X		104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
170	HUỖNH TUẤN KIẾT	08/01/1986	X		104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
171	ĐẶNG HUỆ MẦN	07/10/1999		X	104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
172	ĐÀO TỔ HÀ	16/04/1955	X		104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
173	ĐÀO CHÁO NAM	03/03/1971	X		104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
174	ĐÀO LỆ NGÀ	09/02/1963		X	104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
175	ĐÀO GIANG	20/09/1968	X		104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
176	ĐÀO LỆ PHỤNG	02/12/1964		X	104 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
177	HỒ THỊ MỸ DUNG	11/11/1973		X	033 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
178	VĂN HỒ BÍCH TRẦN	14/11/1994		X	033 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
179	VĂN HỒ BÍCH TRANG	14/11/1994		X	033 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
180	HÀ NGỌC BÍCH	31/05/1966		X	038 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
181	HÀ NGỌC KIẾT	10/07/1975	X		038 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
182	HUỖNH NGỌC MAI	03/07/1973		X	038 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
183	HÀ NGỌC KHÁNH	31/10/1977	X		038 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
184	HUỖNH HOÀNG CƯỜNG	07/06/1962	X		011 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
185	HUỖNH HOÀNG HÙNG	09/09/1959	X		011 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
186	HUỖNH HOÀNG TUẤN	1970	X		011 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
187	HUỖNH HOÀNG MINH	1966	X		011 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
188	HỨA ÁNH HƯỜNG	28/07/1959		X	127 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
189	CHUNG DUY NHẤT	30/03/1986	X		127 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
190	NGUYỄN THỊ NHƯ NGUYỄN	01/02/1958		X	112 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
191	NGUYỄN KHÁC HUY	29/09/1983	X		112 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
192	NGUYỄN HOÀNG DUY	08/11/2002	X		112 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
193	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	26/06/1992		X	112 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
194	ĐOÀN THỊ THANH THỦY	09/04/1985		X	112 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
195	NGUYỄN THỊ NHƯ VY	07/06/1988		X	112 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
196	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH	01/01/1965		X	112 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
197	NGUYỄN ĐỨC HÌNH	10/10/1960	X		007 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
198	NGUYỄN ĐỨC THANH	01/10/1970	X		007 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
199	NGÔ CHUNG SING	10/08/1960	X		006 lô M C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
200	SẢN CẨM DÍNH	30/05/1956		X	006 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
201	NGÔ TIÊU MI	18/04/1987		X	006 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
202	NGÔ TIÊU PHƯỢNG	14/02/1984		X	006 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
203	LÊ THỊ BÍCH PHƯỢNG	27/01/1999		X	020 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
204	LÊ QUANG ĐỨC	11/07/1967	X		020 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
205	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	04/09/1964		X	020 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
206	NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN	23/12/1977		X	117 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
207	NGUYỄN PHÚ HỮU	01/02/1947	X		117 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
208	NGUYỄN PHÚ QUỐC	16/08/1970	X		117 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
209	NGUYỄN ĐỨC LỢI	20/09/1973	X		117 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
210	NGUYỄN THỊ QUYỀN	12/09/1976		X	117 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
211	PHẠM NGỌC TUẤN	27/05/1969	X		103 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
212	NGUYỄN THÀNH TÂN	26/10/1979	X		103 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
213	NGUYỄN THÁI DUY	14/06/1984	X		001 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
214	NGUYỄN TÂN HIỆP	23/01/1987	X		001 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
215	NGUYỄN THỊ LỆ DUNG	30/11/1958		X	001 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
216	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	14/04/1962		X	001 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
217	NGUYỄN THỊ TÌNH	15/08/1955		X	001 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
218	THÁI THỊ MỸ DUNG	03/01/1974		X	034 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
219	PHAN QUỲNH NHƯ	30/12/2001		X	034 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
220	LÊ THỊ SIÊNG	01/01/1936		X	034 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
221	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	16/04/1960		X	131 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
222	NGUYỄN KIM SƠN	14/01/1979	X		131 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
223	NGUYỄN THỊ ĐÌNH	06/09/1948		X	131 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
224	PHẠM THỊ THU THỦY	26/09/1966		X	025 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
225	DIỆP NĂNG DỪNG	29/10/1964	X		025 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
226	DIỆP PHẠM THỊ PHƯƠNG NHUNG	01/12/1991		X	025 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
227	DIỆP PHẠM PHƯƠNG UYÊN	10/01/1995		X	025 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
228	NGUYỄN THỊ HUỆ	28/12/1958		X	026 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
229	NGUYỄN THỊ YẾN	30/11/1980		X	026 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
230	ĐỖ HUY HOÀNG	22/10/2002	X		026 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
231	ĐỖ HỒNG HIỀN	27/08/1983		X	026 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
232	ĐỖ HỒNG HẢI	27/06/1976	X		026 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
233	ĐỖ HỒNG HUY	07/06/1978	X		026 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
234	PHAN NỮ THANH THỦY	23/05/1962		X	030 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
235	ĐỖ THIÊN TRUNG	27/12/1990	X		030 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
236	NGUYỄN THỊ NĂM	08/12/1954		X	305 LỘ P Ngõ Gia Tự	
237	VƯƠNG TUẤN KIẾT	17/02/1991	X		305 LỘ P Ngõ Gia Tự	
238	PHẠM NGỌC LÂM	28/07/1954	X		205 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
239	TẶNG THỊ NGÀ	28/04/1955		X	311 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
240	LÊ QUANG TRUNG	25/07/1948	X		214 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
241	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY	18/01/1986		X	214 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
242	NGUYỄN THỊ KIM LINH	10/12/1960		X	214 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
243	LÊ THỊ KIM GIANG	28/11/1983		X	214 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
244	LÊ QUANG TRƯỜNG	01/04/1982	X		214 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
245	LÊ QUANG SƠN	15/03/1988	X		214 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
246	LÊ THỊ THỦY TRANG	16/08/1990		X	214 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
247	PHÙNG QUẢNG OANH	01/12/1961	X		116 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
248	LÝ KIẾT LINH	28/04/1962		X	116 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
249	PHÙNG LỆ HOA	16/11/1984		X	116 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
250	PHÙNG GIA HỮU	10/06/1986	X		116 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
251	PHÙNG LỆ QUẢN	09/06/1988		X	116 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
252	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	08/01/1971		X	011 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
253	NGUYỄN THỊ BÍCH HƯƠNG	12/12/1992		X	011 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
254	ĐỖ MẠNH KHÔI	25/05/1962	X		011 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
255	ĐỖ MẠNH ĐẠO	19/08/1991	X		011 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
256	NGUYỄN THỊ TÂM	30/05/1959		X	002 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
257	ĐẶNG TÁT THỊNH	26/04/1980	X		002 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
258	NGUYỄN THỊ KIM HẠNH	23/12/1951		X	111 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
259	VƯƠNG ĐẠI	11/12/1947	X		111 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
260	LAI THỊ BẠCH TUYẾT	02/10/1955		X	314 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
261	QUÁCH HI NGUYỆT	27/03/1943		X	304 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
262	BÙI THỊ BÍCH THUẬN	08/12/1979		X	304 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
263	LÂM THIỀU TRUNG	28/07/1974	X		201 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
264	VỆ NGỌC KHANH	16/02/1976		X	201 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
265	LÊ HOÀNG ĐỨC	09/05/1971	X		3 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
266	NGUYỄN THỊ KIM THÁI	25/08/1973		X	3 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
267	LÊ HOÀNG THỦY MY	05/06/1997		X	3 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
268	LÊ HOÀNG THỦY TIỀN	17/05/1993		X	3 LỘ P C/C Ngõ Gia Tự	
269	HỦYNH THỊ KIM ANH	27/12/1947		X	007 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
270	NGÔ VĂN HÒA	31/10/1944	X		007 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
271	NGÔ THỊ KIM HẰNG	27/05/1985		X	007 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
272	NGUYỄN THỊ MIỀN	20/05/1964		X	02 Nguyễn Chí Thanh	
273	TẠ NHẬT THÚY VÂN	03/08/1993		X	02 Nguyễn Chí Thanh	
274	TẠ NHỰT THÚY QUỲNH	22/04/1988		X	02 Nguyễn Chí Thanh	
275	NGUYỄN QUỐC TÀI	28/06/1971	X		115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
276	VŨ NGỌC SƠN	07/11/1992	X		115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
277	DƯƠNG THƯỢNG LỆ	07/06/1970		X	115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
278	NGUYỄN NGỌC LINH	04/12/1994		X	115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
279	NGUYỄN NGỌC ANH	26/10/1997		X	115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
280	NGUYỄN THỊ LIÊN PHƯƠNG	11/11/1969		X	115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
281	NGUYỄN THU CÚC	03/05/1962		X	025 lô M C/C Ngô Gia Tự	
282	DIỆP THANH THANH	30/10/1991		X	025 lô M C/C Ngô Gia Tự	
283	DIỆP NGUYỄN MINH HUY	17/06/1984	X		025 lô M C/C Ngô Gia Tự	
284	NGUYỄN THỊ DUNG	20/05/1957		X	008 lô M C/C Ngô Gia Tự	
285	TRẦN THỊ PHƯỢNG	1985		X	008 lô M C/C Ngô Gia Tự	
286	DƯƠNG THỊ LINH PHƯỢNG	28/09/1981		X	008 lô M C/C Ngô Gia Tự	
287	NGUYỄN VĂN BÌNH	01/02/1962	X		008 lô M C/C Ngô Gia Tự	
288	NGUYỄN VĂN MINH	16/07/1964	X		008 lô M C/C Ngô Gia Tự	
289	BÙI THỊ CÚC	22/05/1946		X	129 lô M C/C Ngô Gia Tự	
290	PHAN THỊ THANH ĐẠM	02/08/1971		X	129 lô M C/C Ngô Gia Tự	
291	BÙI CHÍ DŨNG	12/01/1969	X		129 lô M C/C Ngô Gia Tự	
292	ĐỖ VĂN HẰNG	01/01/1934	X		024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
293	VÕ THỊ BA	02/02/1934		X	024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
294	ĐỖ VĂN HẢI	29/10/1955	X		024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
295	ĐỖ THANH HIỆP	11/05/1970	X		024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
296	TRẦN THỊ THU SƯƠNG	01/04/1981		X	024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
297	HUỲNH NỮ	09/07/1949		X	128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
298	BÙI THỊ LINH	10/04/1979		X	128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
299	HUỲNH TẤN	06/11/1973	X		128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
300	HUỲNH THIÊN	10/06/1978	X		128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
301	HUỲNH GIA LÊ	11/06/1984		X	128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
302	LÊ THỊ HẠNH	26/03/1943		X	122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
303	TRẦN LINH TÀI	07/04/1971	X		122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
304	TRẦN LINH AN	16/03/1967	X		122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
305	TRẦN LINH LỢI	27/03/1973	X		122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
306	TRẦN LINH TÂN	04/06/1969	X		122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
307	LƯU NGỌC YÊN	21/08/1977		X	113LÔ M Ngô Gia Tự	
308	LÝ NỮ	26/03/1941		X	113LÔ M Ngô Gia Tự	
309	LÝ CHÍ LƯƠNG	13/09/1974	X		113LÔ M Ngô Gia Tự	
310	LÝ HÙNG	28/05/1970	X		113LÔ M Ngô Gia Tự	
311	LÝ XƯƠNG	15/03/1967	X		113LÔ M Ngô Gia Tự	
312	NGUYỄN MINH TRUNG	17/03/1959	X		005 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
313	NGUYỄN NGỌC CHÂU VY	19/07/2001		X	005 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
314	NGUYỄN TUẤN TÀI	05/04/1999	X		005 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
315	NGUYỄN THỊ THÀNH	1969		X	005 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
316	NGUYỄN MINH ANH THƯ	07/06/2000		X	005 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
317	NGUYỄN TRUNG TÍN	06/07/1995	X		005 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
318	TÔ THỊ LAN	15/01/1955		X	111 lô M C/C Ngô Gia Tự	
319	PHAN THỊ BÍCH VÂN	06/09/1961		X	121 lô M C/C Ngô Gia Tự	
320	NGUYỄN PHAN NGỌC NGÂN	23/10/2001		X	121 lô M C/C Ngô Gia Tự	
321	NGUYỄN PHAN HOÀN MỸ	06/07/1996	X		121 lô M C/C Ngô Gia Tự	
322	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	26/09/1970	X		121 lô M C/C Ngô Gia Tự	
323	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	28/06/1974		X	120 lô M C/C Ngô Gia Tự	
324	LÊ THỊ KIM DUNG	26/01/1976		X	120 lô M C/C Ngô Gia Tự	
325	NGUYỄN TRỌNG CHẬP	01/04/1944	X		130 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
326	LÊ THỊ KIM YÊN	14/04/1972		X	130 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
327	NGUYỄN LÊ TRỌNG HIỆU	21/08/2000	X		130 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
328	NGUYỄN HUY CƯỜNG	16/11/1970	X		130 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
329	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	14/03/1968	X		130 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
330	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	20/04/1969	X		130 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
331	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	10/11/1957	X		009 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
332	ĐẶNG THỊ ÁNH MAI	04/06/1959		X	009 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
333	NGUYỄN ĐẶNG THIÊN ẮN	01/10/1998		X	009 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
334	NGUYỄN TUẤN ĐẶNG	09/12/1987	X		009 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
335	TRẦN THỊ LAN	25/06/1949		X	012 lô M C/C Ngô Gia Tự	
336	ĐỖ THANH TUẤN	15/12/1966	X		012 lô M C/C Ngô Gia Tự	
337	ĐỖ NGỌC THUY TIỀN	21/09/1972		X	012 lô M C/C Ngô Gia Tự	
338	LÊ THỊ THÚY	02/02/1970		X	040 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
339	TRÌNH VĂN HOA NA	02/09/1966	X		040 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
340	TRÌNH LÊ THIÊN PHÚC	12/07/1996	X		040 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
341	TRÌNH LÊ THIÊN PHÚ	14/01/1990	X		040 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
342	CAO THỊ NGỌC ÁNH	07/12/1958		X	110 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
343	TIÊU MỸ PHỤNG	11/10/1980		X	110 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
344	TRƯƠNG MINH ĐỨC	20/12/1959		X	105 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
345	CHÂU NGỌC LIÊN	23/09/1968		X	105 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
346	PHAN THỊ LÀI	08/05/1955		X	107 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
347	LÝ PHƯỚC	29/08/1927		X	139 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
348	LÝ KIM LINH	06/08/1965		X	139 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
349	LÝ KIM HAO	14/10/1967		X	139 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
350	TÙ QUÝ THÀNH	06/08/1964	X		109 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
351	LÝ MỸ DUNG	22/02/1968		X	109 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
352	TỬ KHAI THÔNG	07/09/1997	X		109 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
353	TỬ NGỌC HẰNG	01/04/1994		X	109 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
354	MẠCH TỔ HA	28/10/1961	X		109 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
355	LÂM TỔ MUỐI	06/02/1952		X	132 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
356	LÂM KIẾN ĐỒNG	15/05/1959	X		132 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
357	NGUYỄN THỊ NHỐN	01/01/1927		X	208 LÔ M,F2 Ngõ Gia Tự	
358	PHẠM DANH BÌNH	17/04/2000	X		208 LÔ M,F2 Ngõ Gia Tự	
359	PHẠM DANH HÒA	02/10/1968	X		208 LÔ M,F2 Ngõ Gia Tự	
360	PHẠM HOÀNG LONG	05/03/1956	X		208 LÔ M,F2 Ngõ Gia Tự	
361	PHẠM DANH HIẾU	01/02/1974	X		208 LÔ M,F2 Ngõ Gia Tự	
362	LỮ QUẾ PHƯƠNG	07/07/1969		X	102 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
363	CHUNG KIẾT DOANH	06/08/1996		X	102 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
364	CHUNG DIỆU PHONG	06/01/1998	X		102 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
365	CHUNG CHÍ QUỐC	29/12/1960	X		102 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
366	TRẦN ĐÌNH MINH	20/10/1960	X		317 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
367	NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	08/01/1961		X	317 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
368	TRẦN ĐỖ HỮU LỘC	02/05/1986	X		317 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
369	TRẦN ĐỖ HỮU PHÚC	08/06/1988	X		317 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
370	TRẦN HỮU ĐẠT	09/01/1984	X		317 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
371	NGUYỄN THỊ NỊ	10/03/1935		X	306 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
372	TRẦN THỊ HUỆ	14/11/1958		X	306 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
373	TRẦN THÚY PHƯƠNG	23/11/1969		X	306 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
374	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	12/04/1972	X		324 - 325 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
375	HỒ THỊ LỆ QUYÊN	11/03/1986		X	324 - 325 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
376	NGUYỄN THỊ NHUNG	08/03/1970		X	324 - 325 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
377	TRẦN ĐÌNH NINH	28/05/1972	X		317 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
378	ĐÀO THỊ TUYẾT MAI	07/06/1973	X		222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
379	TRẦN THỊ MINH CHÁU	20/10/1980		X	222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
380	TRẦN NGỌC MINH ẮN	22/04/1996	X		222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
381	HÀ THỊ THU HIỀN	21/10/1992		X	222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
382	HÀ THỊ THU THẢO	07/02/1991		X	222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
383	LƯU VĨ CƯỜNG	31/01/2002	X		222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
384	ĐÀO THỊ TUYẾT HOA	1969		X	222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
385	ĐÀO THỊ TUYẾT	12/01/1964		X	222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
386	ĐÀO THỊ NGỌC ÁNH	1965		X	222 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
387	LÝ MUỐI	13/06/1959		X	320 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
388	TẶNG YẾN BÌNH	22/02/1981		X	320 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
389	HUỶNH KIM PHƯƠNG	19/06/1947		X	320 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
390	TẶNG TỔ HÀ	18/03/1956	X		320 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
391	LÝ TẾ MUỐI	07/05/1953		X	320 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
392	TRƯƠNG VỊ THÔNG	22/10/1949	X		204 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
393	TRỊNH LỆ	28/12/1953		X	204 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
394	TRẦN TRUNG CƯỜNG	30/10/1992	X		305 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
395	LÝ BÁ LINH	27/02/1969	X		314 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
396	VĂN LỆ PHƯƠNG	11/05/1990		X	314 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
397	VĂN QUỐC HỒNG	16/01/1994	X		314 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
398	TẶNG PHI	30/06/1941		X	314 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
399	VĂN VĨ LAC	24/09/1968	X		314 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
400	LÝ CƯỜNG	21/01/1966	X		314 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
401	LÝ BÁ LƯƠNG	04/10/1971	X		314 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
402	LÝ LỤC MUỐI	19/03/1970		X	314 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
403	TRẦN THỊ CÁI	05/12/1939		X	301 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
404	NGUYỄN HUỶNH MỸ	25/04/1961	X		301 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
405	NGUYỄN HUỶNH TÀU	01/04/1968	X		301 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
406	NGUYỄN THỊ CÁT	21/06/1957		X	305 lô m C/C Ngõ Gia Tự	
407	NGUYỄN MINH TRÍ	04/05/1983	X		305 lô m C/C Ngõ Gia Tự	
408	NGUYỄN TRÍ TRUNG	19/11/1984	X		305 lô m C/C Ngõ Gia Tự	
409	NGUYỄN VĂN NỮA	26/09/1959	X		305 lô m C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
410	TRỊNH VĂN LIÊM	12/08/1938	X		338 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
411	NGUYỄN THỊ HỒNG THỦY	28/04/1972		X	338 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
412	HUỲNH THỊ MINH ANH	10/11/1996		X	338 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
413	TRỊNH TÀN THANH	03/06/1979	X		338 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
414	LÊ THỊ DIỆP	08/03/1938		X	338 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
415	TRỊNH VĂN THU	24/09/1968	X		338 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
416	TRỊNH VĂN GIỚI	08/08/1963	X		338 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
417	TRỊNH THU THẢO	09/07/1976		X	338 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
418	NGUYỄN VĂN GÀM	02/06/1957	X		324 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
419	BÙI MỸ LIÊN	08/12/1983		X	324 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
420	TRÌNH THỊ TUYẾT HOA	10/10/1962		X	324 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
421	NGUYỄN NGỌC THANH	20/08/1983	X		324 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
422	NGUYỄN NGỌC CHỈ	21/09/1960	X		217 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
423	TRẦN THỊ THU	07/05/1960		X	217 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
424	NGUYỄN TRẦN NGỌC TRẦN	19/03/1993		X	217 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
425	NGUYỄN VĂN TÀI	13/02/1965	X		221 LÔ M Ngõ Gia Tự	
426	NGUYỄN THỊ NHÂN	09/06/1949		X	221 LÔ M Ngõ Gia Tự	
427	NGUYỄN VĂN GIÀU	08/05/1970	X		220 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
428	LƯƠNG THỊ MỸ DUNG	09/04/1974		X	220 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
429	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	24/02/1996	X		220 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
430	NGUYỄN TẤN HÙNG	08/03/1973	X		220 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
431	LÊ MINH TOÀN	17/01/1967	X		214 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
432	NGUYỄN THANH THÚY	22/01/1973		X	214 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
433	LÊ THANH HIỀN	21/11/1996		X	214 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
434	NGUYỄN NGỌC VĨ	01/09/1969	X		312 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
435	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	22/06/1997		X	312 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
436	TRẦN THANH TUẤN	12/06/1993	X		312 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
437	NGUYỄN THỊ TRÂM	16/09/1981		X	312 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
438	VÕ THỊ THANH HỒNG	10/02/1967		X	312 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
439	NGUYỄN VĂN LONG	20/09/1974	X		312 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
440	NGUYỄN THỊ THẢO	17/09/1979		X	312 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
441	LÊ VĂN NHÂN	16/01/1942	X		225 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
442	LÊ QUANG THANH NGÂN	11/11/1988		X	225 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
443	LÊ THỊ DEO	03/06/1951		X	225 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
444	LÊ HOÀNG KHA	02/11/1969	X		225 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
445	LÊ THỊ KIM LOAN	03/03/1979		X	225 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
446	HOA VĂN DỪNG	10/06/1957	X		239 lô m C/C Ngõ Gia Tự	
447	NGUYỄN THỊ THUẬN	20/05/1960		X	239 lô m C/C Ngõ Gia Tự	
448	HOA XUÂN THẢO	20/09/1981		X	239 lô m C/C Ngõ Gia Tự	
449	HOA XUÂN HIẾU	22/03/1983		X	239 lô m C/C Ngõ Gia Tự	
450	HỒ THỊ ẸN	01/10/1939		X	210 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
451	HUỲNH THỊ ĐỒNG NGHI	10/03/1972		X	210 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
452	TRƯƠNG THUẬN PHÁT	05/03/2001	X		210 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
453	ĐẶNG HÙNG CƯỜNG	23/11/1998	X		210 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
454	TRƯƠNG YẾN NHI	23/03/1997		X	210 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
455	TRƯƠNG TẤN QUYỀN	10/05/1972	X		210 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
456	TRƯƠNG THỊ DIỄM HƯƠNG	22/06/1970		X	210 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
457	ĐẶNG QUAN THỀ	02/05/1974	X		210 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
458	PHAN VĂN ĐỨC	01/01/1946	X		334 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
459	HUỲNH VĂN KHAI	21/04/1976	X		334 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
460	HUỲNH VĂN CƯỜNG	28/04/1974	X		334 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
461	HUỲNH VĂN KIẾC	02/05/1969	X		334 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
462	PHAN VĂN HOÀNG	12/07/1978	X		334 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
463	NGUYỄN THỊ TƯƠI	13/11/1966		X	226 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
464	VÕ THỊ HƯƠNG	1939		X	226 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
465	NGUYỄN VĂN THANH	10/05/1970	X		226 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
466	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG	01/11/1979		X	226 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
467	NGUYỄN VĂN MINH	30/12/1971	X		226 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
468	LÊ THỊ LÂM	18/02/1978		X	010 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
469	LÊ VĂN TUẤN	04/08/1978	X		010 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
470	LÊ THỊ TRÚC MAI	18/09/2001		X	010 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
471	LÊ TUẤN ĐẠT	17/07/1999	X		010 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
472	LỆNH TRƯỞNG MUỐI	03/09/1962		X	228 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
473	LỆNH THỊ QUYỀN QUYỀN	02/07/1997		X	228 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
474	LÊ ANH VŨ	17/10/1991	X		228 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
475	LỆNH THỊ THANH THANH	23/08/1995		X	228 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
476	HUỲNH THỊ KIM THI	17/02/1998		X	228 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
477	LỆNH A THẮNG	11/02/1975	X		228 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
478	LỆNH A MÙI	03/07/1973		X	228 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
479	LỆNH LỤC MUỐI	07/06/1969		X	228 lô M C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
480	HỒ THỊ LOAN	16/04/1969		X	234 lô M C/C Ngô Gia Tự	
481	TỪ LỆ ANH	05/06/1957		X	329 lô M C/C Ngô Gia Tự	
482	ĐỖ THỊ MINH PHƯƠNG	26/10/1972		X	335 lô M C/C Ngô Gia Tự	
483	TRẦN MINH NHẬT	28/09/1995	X		335 lô M C/C Ngô Gia Tự	
484	TRẦN MINH CUÔNG	08/05/1990	X		335 lô M C/C Ngô Gia Tự	
485	CHÂU NGỌC MAI	29/07/1974		X	134 LÔ M Trần Nhân Tôn	
486	CHÂU NGỌC THÙY	16/07/1966		X	134 LÔ M Trần Nhân Tôn	
487	CHÂU QUỐC TÂN	14/10/1981	X		134 LÔ M Trần Nhân Tôn	
488	HUỲNH THỊ NGÀ	10/06/1956		X	021 lô M C/C Ngô Gia Tự	
489	NGUYỄN TUẤN THANH	01/10/1980	X		021 lô M C/C Ngô Gia Tự	
490	NGUYỄN CHÍ THANH	08/01/1977	X		021 lô M C/C Ngô Gia Tự	
491	TỪ LỆ ANH	01/01/1945		X	323 lô M C/C Ngô Gia Tự	
492	MAI VÕ THỊ ANH PHƯƠNG	16/02/1972		X	323 lô M C/C Ngô Gia Tự	
493	NGUYỄN THỊ DỤC	12/02/1943		X	328 lô M C/C Ngô Gia Tự	
494	HUỲNH VĂN PHÚ	05/05/1944	X		328 lô M C/C Ngô Gia Tự	
495	HUỲNH THỊ MINH HẠNH	30/03/1974		X	328 lô M C/C Ngô Gia Tự	
496	HUỲNH QUỐC BẢO	17/10/1962	X		328 lô M C/C Ngô Gia Tự	
497	HUỲNH QUỐC ĐẠT	18/03/1970	X		328 lô M C/C Ngô Gia Tự	
498	TRẦN THỊ THÚY	16/01/1953		X	233 lô M C/C Ngô Gia Tự	
499	NGUYỄN VĂN NHÚT	19/05/1965	X		325 lô M C/C Ngô Gia Tự	
500	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM	13/10/1996		X	325 lô M C/C Ngô Gia Tự	
501	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	26/06/1982		X	325 lô M C/C Ngô Gia Tự	
502	ĐÀO NGỌC ANH	14/02/1960		X	325 lô M C/C Ngô Gia Tự	
503	NGUYỄN VĂN THẨM	28/01/1962	X		325 lô M C/C Ngô Gia Tự	
504	NGUYỄN THỊ TUYẾT	02/09/1966		X	325 lô M C/C Ngô Gia Tự	
505	TRƯƠNG THỊ HỒI	29/09/1949		X	236 lô M C/C Ngô Gia Tự	
506	TẶNG MINH HOÀNG	08/08/1973	X		236 lô M C/C Ngô Gia Tự	
507	VÕ THỊ THÚY HIỀN	07/02/1985		X	236 lô M C/C Ngô Gia Tự	
508	TRƯƠNG THỊ BÔNG	28/04/1951		X	236 lô M C/C Ngô Gia Tự	
509	ĐẶNG VĨ HÙNG	30/11/1973	X		315 lô M C/C Ngô Gia Tự	
510	TRẦN KIM SUM	08/10/1977		X	315 lô M C/C Ngô Gia Tự	
511	LƯU TRUNG THẮNG	18/10/1978	X		206 lô M C/C Ngô Gia Tự	
512	LUÂN MUỘI	26/10/1937		X	206 lô M C/C Ngô Gia Tự	
513	LƯU TRUNG THÀNH	29/02/1976	X		206 lô M C/C Ngô Gia Tự	
514	PHẠM KIM THẮNG	07/09/1972		X	313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
515	PHẠM ĐỨC HÙNG	02/06/1982	X		313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
516	PHẠM THỊ ANH NGUYỆT	18/05/1968		X	313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
517	PHẠM CÔNG CHIẾN	06/05/1970	X		313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
518	PHẠM THỊ MINH THU	02/06/1964		X	313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
519	PHẠM ĐỨC HẠNH	07/06/1966	X		313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
520	LƯU KIẾN BÌNH	10/12/1979		X	230 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
521	PHẠM HÀNG KIẾN NHỰT HÀ	15/12/1992		X	230 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
522	TÀO TỔ NỮ	12/01/1948		X	230 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
523	TÀO KIẾN LINH	10/12/1973		X	230 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
524	LƯU KIẾN PHỤNG	16/06/1982		X	230 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
525	TỬ VĨNH KHƯƠNG	06/06/1973	X		216 lô M C/C Ngô Gia Tự	
526	TRẦN THỊ THANH TÂM	23/06/1975		X	216 lô M C/C Ngô Gia Tự	
527	TỬ HẠO NGUYỄN	20/06/1994	X		216 lô M C/C Ngô Gia Tự	
528	LÊ VĂN SỸ	12/12/1954	X		235 LÔ M 235 LÔ M	
529	ĐỖ THỊ HỢP	20/12/1954		X	235 LÔ M 235 LÔ M	
530	LÊ VĂN LONG	30/01/1996	X		235 LÔ M 235 LÔ M	
531	LÊ THỊ THANH VÂN	30/08/1987		X	235 LÔ M 235 LÔ M	
532	NGUYỄN THỊ LỆ	05/06/1958		X	224 lô M C/C Ngô Gia Tự	
533	NGUYỄN THANH SA	29/09/1980	X		224 lô M C/C Ngô Gia Tự	
534	TRẦN THỊ NGỌC MAI	05/07/1982		X	224 lô M C/C Ngô Gia Tự	
535	TRẦN THỊ NGỌC HƯƠNG	03/06/1984		X	224 lô M C/C Ngô Gia Tự	
536	NGUYỄN THỊ THU TRANG	11/06/1962		X	240 lô m C/C Ngô Gia Tự	
537	TRƯƠNG THỊ VIỆT MỸ	09/08/1989		X	240 lô m C/C Ngô Gia Tự	
538	PHAN TUẤN DŨNG	31/10/1980	X		303 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
539	NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	31/03/1985		X	303 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
540	NGUYỄN NGỌC AN	05/08/1958	X		205 lô M C/C Ngô Gia Tự	
541	HỨA QUỲ NGUYỄN	21/10/1961	X		309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
542	HUỲNH THỊ HUỆ	12/11/1965		X	309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
543	HỨA BÍCH DƯ	28/01/1988	X		309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
544	HỨA BÍCH LỢI	04/02/1991	X		309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
545	NGÔ VIÊM QUYÊN	06/07/1938		X	309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
546	HỨA THỊ TUYẾT LANG	01/01/1977		X	309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
547	LÂM QUỐC QUANG	16/10/2002	X		309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
548	HỨA THU	12/11/1960		X	309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
549	HỨA THUẬN TÀI	04/05/1963	X		309 lô M C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
550	HỨA THUẬN LỘC	21/04/1974	X		309 lô M C/C Ngô Gia Tự	
551	LÊ VĂN TUẤN	03/02/1964	X		201 lô M C/C Ngô Gia Tự	
552	PHẠM THANH TRÚC	12/10/1969		X	201 lô M C/C Ngô Gia Tự	
553	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	13/05/1962		X	010 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
554	ĐỖ THANH QUANG	03/04/1963	X		010 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
555	ĐỖ NGUYỄN ANH VŨ	14/03/1995	X		010 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
556	ĐỖ NGUYỄN BẢO CHÂU	28/01/1998		X	010 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
557	NGUYỄN THỊ TÌM	01/01/1966		X	137 LÔ M Ngô Gia Tự	
558	NGUYỄN VĂN TẤN LỘC	08/02/1990	X		137 LÔ M Ngô Gia Tự	
559	NGUYỄN THỊ ANH PHƯƠNG	05/11/1987		X	137 LÔ M Ngô Gia Tự	
560	CAO NGỌC TRÍ	01/11/1984	X		137 LÔ M Ngô Gia Tự	
561	PHAN THỊ KIM	26/12/1927		X	112 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
562	NGUYỄN ĐỒNG KHÔI	03/07/1985	X		112 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
563	HỒ HUỖNH NỮ TÚ UYÊN	05/11/1989		X	112 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
564	NGUYỄN THỊ MÃI	20/01/1945		X	126 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
565	TẠ VĂN THANH	25/11/1942	X		126 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
566	NGUYỄN THỊ GIÀU	28/08/1958		X	120 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
567	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	05/07/1999		X	120 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
568	NGUYỄN TÂM BẢO	14/01/2002	X		120 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
569	TIẾT THỊ NGỌC ANH	03/07/1979		X	120 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
570	TIẾT THỊ MỘNG TUYỀN	06/11/1981		X	120 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
571	ĐẶNG NGỌC ANH	30/03/1940	X		017 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
572	LÂM THỊ CÚC	04/01/1961		X	027 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
573	NGUYỄN LÂM HỒNG YẾN	04/07/1994		X	027 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
574	NGUYỄN LÂM HOÀNG TRANG	05/04/1985		X	027 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
575	NGUYỄN LÂM MAI VY	14/04/1996		X	027 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
576	LÊ KIM ÁI	19/11/1954		X	024-025 lô O C/C Ngô Gia Tự	
577	TẠ THỊ MỸ TRANG	04/06/1981		X	024-025 lô O C/C Ngô Gia Tự	
578	TRẦN PHƯỚC LỘC	02/06/1982	X		024-025 lô O C/C Ngô Gia Tự	
579	TRẦN ĐỨC KIỆM	20/09/1966	X		024 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
580	TRẦN THỊ MAI	18/08/1972		X	024 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
581	TRẦN THỊ LAN	08/06/1968		X	024 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
582	NGUYỄN QUỐC HÙNG	05/01/1972	X		128 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
583	TRẦN THỊ THU THANH	27/07/1973		X	128 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
584	NGUYỄN QUỐC VIỆT	25/01/1998	X		128 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
585	NGUYỄN VĂN TÂM	09/04/1957	X		016 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
586	HUỖNH THỊ NGHIỆM	22/04/1944		X	20 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
587	PHẠM VĂN NHÂN	21/02/1939	X		20 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
588	PHẠM THỊ PHƯƠNG	1978		X	20 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
589	PHẠM THỊ HOA	06/08/1971		X	20 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
590	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	01/05/1946	X		002 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
591	TRẦN THỊ MINH HOÀNG	20/10/1953		X	002 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
592	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	05/07/1980		X	002 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
593	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	06/04/1983		X	002 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
594	NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH	20/01/1978		X	002 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
595	NGUYỄN THỊ TRÂM	20/04/1943		X	108 LÔ ỏ C/C Ngô Gia Tự	
596	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	15/02/1976		X	108 LÔ ỏ C/C Ngô Gia Tự	
597	ĐẶNG THANH QUANG	28/07/1960	X		114 LÔ O Ngô Gia Tự	
598	ĐẶNG NGỌC HOÀNG PHI	17/02/1970	X		017 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
599	LÊ THỊ DIỄM CHINH	13/06/1984		X	017 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
600	VÕ VĂN KHÁCH	24/12/1928	X		14 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
601	NGUYỄN THỊ XUÂN TRÂM	07/12/1996		X	14 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
602	NGUYỄN VĂN THANH	17/08/1967	X		14 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
603	THÁI THÀNH	20/10/1952	X		109 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
604	HUỖNH THỊ MINH	25/05/1955		X	109 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
605	THÁI THỊ THỦY MAI	11/02/1975		X	109 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
606	THÁI ANH TUẤN	25/03/1977		X	109 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
607	THÁI ANH TIẾN	13/11/1982	X		109 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
608	LÊ THÀNH PHÁT	03/12/1960	X		115 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
609	NGUYỄN THỊ DIỆN	25/06/1962		X	115 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
610	LÊ THÀNH ĐẠT	29/11/1992	X		115 lô ỏ C/C Ngô Gia Tự	
611	LƯU CẨM NGHI	24/02/1954		X	023 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
612	LƯU TẤN PHÁT	07/02/1993	X		023 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
613	LƯU THỊ LỆ HẰNG	23/03/1983		X	023 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
614	LƯU CHÍ QUANG	23/03/1967	X		023 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
615	LƯU KIẾN HỒNG	30/06/1964	X		023 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
616	HỒ CÚN MÙI	14/12/1955		X	008 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
617	VŨ THỊ TUYỀN	25/05/1975		X	008 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
618	TCHANG NGỌC ANH	02/12/1998	X		008 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
619	NGUYỄN THỊ LỆ	07/03/1932		X	022 Lô O C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
620	MAI THỊ TUYẾT	03/09/1968		X	022 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
621	HUỲNH VĂN THÀNH	17/10/1960	X		022 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
622	HUỲNH THỊ MINH PHƯỢNG	13/12/1950		X	022 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
623	TRẦN THỊ MÙI	03/06/1926		X	4 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
624	ĐỖ THỊ MỘNG HUYỀN	12/05/1968		X	4 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
625	ĐỖ THỊ THANH THỦY	23/08/1965		X	4 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
626	PHẠM VĂN SÁU	15/07/1937	X		121 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
627	LẠI THỊ THU THỦY	05/04/1962		X	013 LÔ O Ngõ Gia Tự	
628	LÊ VIỆT LONG	24/09/1962	X		013 LÔ O Ngõ Gia Tự	
629	LÊ VIỆT NGUYỄN SƠN	06/12/2000	X		013 LÔ O Ngõ Gia Tự	
630	LÊ THIÊN VÂN	21/05/1992		X	013 LÔ O Ngõ Gia Tự	
631	LÊ THIÊN PHÚC	22/05/1996		X	013 LÔ O Ngõ Gia Tự	
632	TRẦN THỊ THANH VÂN	29/07/1990		X	125 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
633	TRẦN ANH HOÀNG	14/10/1977	X		125 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
634	TRẦN THANH NHÂN	24/01/1980		X	125 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
635	LƯƠNG XẢO BÌNH	08/08/1953		X	127 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
636	LƯƠNG XẢO PHAN	03/07/1956		X	127 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
637	TRẦN THỊ XUÂN HOA	12/08/1969		X	118 LÔ O Ngõ Gia Tự	
638	LẠI QUANG HUY	12/12/1999	X		118 LÔ O Ngõ Gia Tự	
639	LẠI QUANG HẢI	26/08/2002	X		118 LÔ O Ngõ Gia Tự	
640	LẠI QUANG HÙNG	05/12/1997	X		118 LÔ O Ngõ Gia Tự	
641	TẮT KHAI	23/09/1944	X		3 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
642	TẮT KIM VINH	30/05/1978	X		3 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
643	PHẠM ĐĂNG THANH	12/07/1975	X		216 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
644	CHÚC NGỌC LIÊN	15/07/1953		X	133 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
645	NGUYỄN THỊ THÚY HÀ	04/04/1970		X	237 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
646	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	21/08/1994		X	237 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
647	NGUYỄN THANH LÂM	16/05/1971	X		237 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
648	DƯƠNG SIÊU QUÂN	06/10/1965	X		340 lôM C/C Ngõ Gia Tự	
649	DƯƠNG CHÍ CƯỜNG	25/06/2002	X		340 lôM C/C Ngõ Gia Tự	
650	NGUYỄN THỊ KIM CHI	12/10/1974		X	340 lôM C/C Ngõ Gia Tự	
651	TRẦN THỊ THANH TRANG	01/01/1978		X	340 lôM C/C Ngõ Gia Tự	
652	DƯƠNG SIÊU HOA	29/12/1961	X		340 lôM C/C Ngõ Gia Tự	
653	DƯƠNG SIÊU MINH	20/09/1970	X		340 lôM C/C Ngõ Gia Tự	
654	DƯƠNG SIÊU VINH	19/07/1967	X		340 lôM C/C Ngõ Gia Tự	
655	TỬ TUYẾT HỒNG	25/10/1946		X	313 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
656	TỬ NGỌC LIÊN	15/07/1972		X	313 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
657	NGUYỄN PHI HÙNG	07/01/1970	X		204 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
658	NGUYỄN SƠN HAI LONG	20/02/1973	X		204 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
659	NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG	20/07/1970		X	204 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
660	NGUYỄN HÙNG MẠNH	16/04/1989	X		204 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
661	NGUYỄN HÙNG MINH	13/12/1993	X		204 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
662	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	15/04/1991	X		204 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
663	LƯƠNG CHÍ HUY	24/11/1970	X		002 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
664	LƯƠNG SANH	11/08/1933	X		002 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
665	ĐẶNG THỊ NGỌC PHƯƠNG	06/10/1927		X	34 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
666	TẶNG ÁI LOAN	08/11/1958		X	133 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
667	TRẦN CHÍ GIANG	13/07/1991	X		133 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
668	HÀ TẶNG KIM PHƯỢNG	15/06/1984		X	133 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
669	ĐẶNG THỊ YÊN	18/03/1968		X	010 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
670	ĐẶNG THỊ MỘT	18/04/1941		X	010 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
671	HOÀNG THỊ THU HẰNG	15/03/1968		X	003 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
672	VŨ HOÀNG MINH TRANG	03/11/1993		X	003 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
673	VŨ HOÀNG QUỐC VIỆT	18/09/1996	X		003 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
674	VŨ THỊ HIỀN	21/06/1966		X	003 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
675	NGUYỄN ĐỨC LAI	17/01/1949	X		138 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
676	TRẦN THỊ HIỀN	20/05/1950		X	138 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
677	NGUYỄN THỊ NHƯ PHƯỢNG	22/01/1978		X	138 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
678	NGUYỄN HÀ NGUYỄN	14/05/1944	X		137 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
679	PHẠM BÍCH THỦY	20/11/1977		X	137 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
680	NGUYỄN HÀ GIA NGHI	04/06/1998		X	137 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
681	TRẦN THỊ HẠNH	15/05/1949		X	137 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
682	NGUYỄN HÀ MAI THY	21/08/1981		X	137 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
683	NGUYỄN HÀ HÙNG	07/06/1969	X		137 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
684	NGUYỄN HOA BĂNG	23/03/1976	X		137 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
685	NGUYỄN THỊ XUÂN LAN	24/05/1957		X	123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
686	TRẦN QUỐC KHÁNH	20/12/1950	X		123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
687	TRẦN QUỐC DUỆ	23/09/1988	X		123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
688	TRẦN THỊ HOA HẠ	07/04/1983		X	123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
689	PHÙNG THÔI HẢO	27/07/1942		X	123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
690	VÔ THÚY PHƯƠNG	25/03/1985		X	123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
691	LƯƠNG BẢO PHONG	25/05/2001	X		123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
692	LƯƠNG ĐỨC PHÁT	04/04/1980	X		123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
693	LƯƠNG ĐỨC TÀI	03/09/1969	X		123 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
694	NGÔ LANG NGỌC	24/07/1948		X	36 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
695	NGÔ LANG KIỂM	24/07/1953		X	36 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
696	ĐẶNG KIM THÀNH	03/04/1959	X		113 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
697	ĐẶNG TUẤN ĐẠT	16/08/1999	X		113 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
698	HUỲNH PHỤNG NHI	01/10/1956		X	113 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
699	ĐẶNG NGỌC LANG	14/04/1961		X	113 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
700	ĐẶNG KIM KHIÊN	08/01/1964	X		113 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
701	ĐÀO THỊ THÀNH	15/09/1942		X	017 LÔ N Ngõ Gia Tự	
702	TRẦN DUY LY	08/03/1987		X	017 LÔ N Ngõ Gia Tự	
703	LẠI THỊ THU NGUYỆT	20/12/1960		X	017 LÔ N Ngõ Gia Tự	
704	TRẦN THỊ PHÚ HỮU	25/08/1973		X	129 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
705	KIM THỊ HOA	14/04/1958		X	32 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
706	KHUÛU CẨM MINH	14/05/1981	X		32 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
707	LƯƠNG THỊ THO	18/04/1967		X	006 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
708	NGUYỄN TẤN THẢO	24/12/1963	X		006 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
709	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	24/06/1992		X	006 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
710	NGUYỄN TẤN TÀI	04/02/1994	X		006 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
711	LƯƠNG VĂN LỘC	27/02/1964	X		006 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
712	NGUYỄN THỊ HÂN	10/10/1964		X	006 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
713	LƯƠNG HỮU LỢI	07/11/1985	X		006 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
714	LƯƠNG KIM NGỌC	30/11/1972		X	006 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
715	THÔNG XIỀNG MAI	10/01/1960		X	031 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
716	GIANG THÔNG PHƯƠNG MY	13/03/1990		X	031 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
717	GIANG THÔNG VŨ KHOÁNG	27/12/1992	X		031 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
718	GIANG THÔNG VŨ CHÍ	02/06/1985	X		031 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
719	GIANG HẢ	10/04/1947	X		016 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
720	GIANG VĂN XI	16/11/1988	X		016 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
721	GIANG PHỤNG HUỆ	09/08/1982		X	016 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
722	PHAN ĐÌNH HIỂN	1955	X		037 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
723	HÀ MỸ TRÚC	30/04/1991		X	037 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
724	NGUYỄN THỊ NGỌC TIỀN	1960		X	037 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
725	PHAN ĐỨC QUANG	16/08/1997	X		037 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
726	NGUYỄN THỊ TÂM	06/07/1957		X	139 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
727	NGUYỄN BẢO NGỌC	19/06/1992		X	139 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
728	NGUYỄN BẢO CHÂU	19/06/1992		X	139 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
729	LÝ QUỐC HƯNG	31/12/1970	X		110 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
730	LÝ HUỲNH LONG	09/01/2001	X		110 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
731	LÝ QUỐC MINH	21/04/1974	X		110 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
732	LÝ SUM SANH	24/12/1948	X		127 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
733	TÙ THỰC TRINH	20/11/1954		X	127 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
734	LÝ KIM CHI	25/11/1984		X	127 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
735	ĐÌNH VĂN DƯƠNG	26/12/1957	X		134 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
736	ĐÌNH THỊ TÂM	01/07/1951		X	134 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
737	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	30/01/1952		X	024 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
738	ĐẶNG THỊ XUÂN MAI	07/10/1981		X	024 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
739	ĐẶNG THÁI THUY	14/08/1985	X		024 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
740	NGUYỄN THỊ TRUNG	19/09/1956		X	029 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
741	NGUYỄN ANH DỪNG	31/10/1986	X		029 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
742	NGUYỄN NGỌC BÌNH	20/01/1966	X		029 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
743	NGUYỄN NGỌC TÂN	22/01/1959	X		029 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
744	NGUYỄN THỊ THỦY	19/11/1977		X	029 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
745	NGUYỄN NGỌC THẮNG	24/01/1971	X		029 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
746	NGUYỄN THỊ NĂM	01/05/1944		X	117 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
747	VÔ THỊ QUỲNH HƯƠNG	14/09/1980		X	117 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
748	VÔ THỊ VY QUỲNH	17/09/1978		X	117 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
749	HUỲNH CHÍ CHUNG	04/05/1990	X		132 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
750	ĐẶNG VĂN THANH TÂM	29/09/1967	X		009 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
751	PHẠM THỊ TỬ	01/01/1932		X	009 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
752	NGUYỄN VĂN TRUNG	12/12/1959	X		004 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
753	BÙI THỊ NGỌC HẠNH	01/01/1962		X	004 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
754	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LAN	10/11/1989		X	004 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
755	NGUYỄN TRUNG DUY	11/10/1995	X		004 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
756	PHẠM HUỲNH ĐĂNG KHOA	02/06/2001	X		102 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
757	PHẠM HUỲNH HỒNG NHIÊN	27/02/1994		X	102 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
758	HUỲNH THỊ NUƠNG	09/10/1969		X	102 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
759	PHẠM BẢO QUỐC	19/10/1954	X		102 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
760	PHẠM THỊ NGỌC HỒNG	23/07/1963		X	102 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
761	PHẠM CÔNG DÂN	27/06/1960	X		102 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
762	ĐƯƠNG QUÍ HẢO	11/12/1966		X	108 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
763	ĐƯƠNG QUÂN	1953		X	108 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
764	ĐƯƠNG TÔ NỮ	1965		X	108 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
765	LƯU KIM LONG	22/08/1935	X		040 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
766	ĐƯƠNG NỮ	28/07/1957		X	118 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
767	TIÊU VĨ TUẤN	10/09/1989	X		118 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
768	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	14/04/1969		X	7 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
769	HUỲNH NGỌC TRANG	20/04/1960	X		111 LÔ N Ngõ Gia Tự	
770	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	16/02/1960		X	111 LÔ N Ngõ Gia Tự	
771	HUỲNH THỊ KIM ANH	08/01/1990		X	111 LÔ N Ngõ Gia Tự	
772	NGUYỄN VĂN HAI	01/05/1953	X		130 LÔ N Ngõ Gia Tự	
773	PHAN THỊ OANH	02/04/1961		X	130 LÔ N Ngõ Gia Tự	
774	NGUYỄN THÀNH HUNG	20/10/1983	X		130 LÔ N Ngõ Gia Tự	
775	TRẦN CHÍ VINH	06/05/1980	X		026 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
776	HUỲNH NGỌC HẢI	13/10/1971	X		107 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
777	ĐẶNG HỒNG NHUNG	14/06/1981		X	107 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
778	HUỲNH TẤN LỘC	17/06/2001	X		107 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
779	ĐOÀN NGỌC HIẾU	26/05/1974		X	112 LÔ N Ngõ Gia Tự	
780	LƯƠNG TIÊU LỆ	14/12/1971		X	106 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
781	TAHÍ VŨ LINH	21/03/1971	X		106 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
782	LƯƠNG HỒNG NHẬT	25/03/1995	X		106 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
783	LƯƠNG GIA BẢO	08/12/1996	X		106 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
784	NGUYỄN THỊ NỐ	23/12/1945		X	115 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
785	LƯ' CHÍ DỪNG	15/08/1972	X		115 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
786	LÊ NGỌC TỐT	07/07/1951		X	012 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
787	ĐƯƠNG THÁI GIAO TRINH	23/02/1972		X	110 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
788	NGUYỄN VĂN CỪNG	10/10/1970	X		110 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
789	NGUYỄN ĐƯƠNG MỘNG TRINH	17/09/1992		X	110 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
790	LÊ HÙNG	22/09/1934	X		123 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
791	PHẠM THỊ MỸ DUNG	30/01/1969		X	131 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
792	TRẦN VĂN THẮNG	20/08/1964	X		131 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
793	TRẦN MINH CHIẾN	22/05/1999	X		131 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
794	HUỲNH MINH CƯỜNG	05/05/1957	X		131 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
795	TRẦN THỊ MINH	01/09/1951		X	020 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
796	HỒ VĂN BẾ	22/03/1958	X		028 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
797	PHAN KIM THỦY	15/05/1970		X	135 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
798	PHAN QUANG LONG PHỤNG	30/11/1989	X		135 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
799	PHAN THỊ THU THẢO	01/02/1996		X	135 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
800	NGUYỄN THỊ YẾN TRINH	17/07/1967		X	23 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
801	ĐƯƠNG VĂN VIỆT	10/10/1969	X		23 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
802	ĐƯƠNG NGUYỄN THÁI BÌNH	19/12/2002	X		23 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
803	ĐƯƠNG CƯỜNG MINH	13/10/1962	X		015 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
804	THÁI MỸ NGỌC	03/10/1966		X	015 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
805	ĐƯƠNG VĂN HỒN	07/05/1995	X		015 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
806	ĐƯƠNG VĂN SÂM	27/09/1992	X		015 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
807	ĐƯƠNG VĂN TRÍ	09/11/2002	X		015 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
808	LÊ VĂN SANG	25/12/1961	X		014-015 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
809	TRẦN THỊ NGỌC YẾN	08/03/1958		X	014-015 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
810	LÊ KIM NGỌC	17/03/1998		X	014-015 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
811	LÊ KIM NGÂN	25/08/1996		X	014-015 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
812	LÊ THỊ LỢI	12/06/1963		X	014-015 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
813	VÔ THỊ HẠNH	15/06/1968		X	014-015 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
814	NGUYỄN THỊ TÂM	15/05/1967		X	116 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
815	QUẢNG THỊ NGANG	12/06/1931		X	021 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
816	NGUYỄN THỊ NGÂN	30/04/1980		X	021 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
817	NGUYỄN THỊ THANH HƯỜNG	27/10/1993		X	021 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
818	ĐÀO TIẾN LỘC	10/09/1991	X		021 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
819	NGUYỄN THANH HÙNG	19/09/1975	X		021 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
820	TRẦN THỊ CHÍNH	23/03/1940		X	19 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
821	NGUYỄN THẾ LONG	28/09/1983	X		19 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
822	NGUYỄN TẤN LỢI	10/11/1961	X		19 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
823	HUỲNH TÔ NỮ	16/09/1957		X	128 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
824	TRẦN THẾ HÀ	20/11/1959	X		128 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
825	TRẦN GIA LỆ	06/03/1991		X	128 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
826	TRẦN GIA QUY	23/06/1996	X		128 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
827	TRƯƠNG THỊ CHÂU	05/08/1946		X	005 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
828	TRƯƠNG HOÀNG SANG	16/07/1992	X		005 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
829	PHẠM THANH NHỰT	11/12/1998	X		005 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
830	TRƯƠNG THỊ THANH NGÀ	30/10/1972		X	005 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
831	LÂM QUỐC HOA	06/01/1956	X		202 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
832	TRƯƠNG THỊ THANH ĐIỀN	10/12/1968		X	202 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
833	LÂM NHỰT MINH	20/01/1999	X		202 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
834	LÂM MỸ MIÊU	31/07/1997		X	202 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
835	TRẦN NGỌC TRINH	04/07/1968		X	206 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
836	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	31/07/1999		X	206 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
837	DUƠNG THỊ KIM DUNG	02/05/1974		X	301 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
838	TRẦN ĐỒNG	20/12/1959	X		228 LÔ O Ngõ Gia Tự	
839	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	08/04/1977		X	228 LÔ O Ngõ Gia Tự	
840	TRẦN CHÍ MINH	04/11/2001	X		228 LÔ O Ngõ Gia Tự	
841	TẮT BÌNH	08/12/1945		X	324 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
842	HOÀNG THỊ LAN	23/09/1984		X	324 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
843	LÝ YẾN PHƯƠNG	20/11/1966		X	324 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
844	TẮT LÝ KIẾN HỒN	10/01/1987	X		324 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
845	NGUYỄN THỊ ĐEP	24/12/1937		X	125 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
846	HỒ QUANG NGUYỄN	07/01/1987	X		125 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
847	LÊ THANH MINH	20/05/1992	X		125 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
848	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	31/10/2001		X	125 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
849	CHUNG VĂN PHÁT	30/09/1994	X		125 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
850	LÊ THANH CUỒNG	22/01/1991	X		125 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
851	LÊ KIM YẾN	04/02/1966		X	125 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
852	TRẦN CHÍ SINH	03/01/1971	X		204 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
853	NGUYỄN THỊ THANH THƠ	18/08/1976		X	204 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
854	TRƯƠNG THỊ MUỐI	23/03/1960		X	204 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
855	DU TUẤN KHANG	13/03/1999	X		204 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
856	TRẦN GIA HUY	04/05/1993	X		204 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
857	DU TUỆ SAN	15/05/2001		X	204 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
858	VƯƠNG LÀNH	12/01/1939		X	204 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
859	LÊ THÀNH TÂN	03/04/1952	X		328 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
860	LƯU THỊ THANH TÂM	01/06/1979		X	328 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
861	LÊ THỊ CẨM NHUNG	26/09/1955		X	328 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
862	HÀ NGỌC SANG	08/02/1966	X		205 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
863	BÙI THỊ XUÂN LAN	06/12/1966		X	205 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
864	HÀ NGỌC HẢI	22/08/2000	X		205 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
865	HÀ NGỌC PHÚC	27/08/1990	X		205 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
866	HÀNG BẢ SANG	02/09/1990	X		207 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
867	TRẦN THÀNH NHON	11/07/1988	X		207 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
868	TRẦN THỊ NHÀN	27/11/1967		X	207 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
869	PHÙNG CHÍ HẢO	01/02/1979	X		226 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
870	PHÙNG NỮ	22/02/1953		X	226 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
871	PHÙNG PHỔ CƯỜNG	18/05/1992	X		226 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
872	PHÙNG CHÍ SIÊU	16/12/1980	X		226 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
873	PHÙNG HUỆ NHI	30/11/1990		X	226 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
874	DIỆP MỘNG HÒA	08/10/1961		X	203 LÔ O Ngõ Gia Tự	
875	VÒNG PHÁT NGAY	09/09/1958	X		203 LÔ O Ngõ Gia Tự	
876	VÒNG BẢO QUÊ	18/09/1983		X	203 LÔ O Ngõ Gia Tự	
877	VÒNG BẢO LINH	10/12/1986		X	203 LÔ O Ngõ Gia Tự	
878	ĐẶNG PHI HỒ	08/01/1968	X		215 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
879	ĐẶNG THỊ MỸ DUNG	06/01/1979		X	215 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
880	ĐẶNG THANH MINH	23/06/1975	X		215 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
881	CHUNG THỊ BÂY	10/10/1944		X	320 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
882	ĐÀM QUANG TUẤN	10/08/1960	X		320 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
883	LỢI MUỐI	18/09/1940		X	310 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
884	LÂM VĂN DỪNG	19/09/1966	X		310 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
885	PHẠM VĂN QUỐC	14/07/1966	X		312 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
886	PHẠM LÊ KHAI	26/12/1997	X		312 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
887	PHẠM THỊ THU VÂN	10/02/1971		X	312 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
888	PHẠM VĂN BÌNH	06/08/1972	X		312 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
889	PHẠM VĂN AN	07/02/1976	X		312 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
890	VỠ THỊ KHÂM	04/05/1933		X	315 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
891	TRẦN THỊ DUYỀN	19/04/1978		X	315 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
892	PHẠM THỊ THU THẢO	04/10/2001		X	315 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
893	PHẠM VĂN THÌNH	09/02/1928	X		315 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
894	PHẠM ĐỨC THIÊN	15/02/1968	X		315 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
895	PHẠM THỊ THU KIẾN	05/10/1973		X	315 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
896	LÂM THỊ HOA	20/12/1942		X	307 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
897	NGÔ THUY TÀI	02/10/1972	X		307 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
898	NGÔ THUY LỘC	06/11/1976	X		307 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
899	NGUYỄN THỊ THÚY HÀ	13/12/1997		X	211 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
900	ĐỖ ĐOÀN UYÊN UYÊN	27/09/1993		X	211 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
901	PHẠM ĐĂNG THÁI SƠN	11/06/1990	X		326 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
902	PHẠM CÔNG AN	07/08/1956	X		326 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
903	PHẠM CÔNG THÀNH	15/01/1967	X		326 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
904	PHAN THỊ KIM HẠNH	01/01/1950		X	302 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
905	TRẦN ĐỨC THÁI	18/01/1965	X		302 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
906	LÂM MIÊU	1941		X	324-325 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
907	ĐẶNG QUỐC HẢI	1966	X		324-325 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
908	ĐẶNG TRÍ QUÝ	1963	X		324-325 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
909	TRỊ VĂN THỌ	18/04/1955	X		122 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
910	TRỊ KHOA TUẤN	16/04/1988	X		122 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
911	PHAN THỊ NGỌC THÙY	25/08/1969		X	123 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
912	MAI NGỌC NHƯ	08/02/1994		X	123 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
913	TRÌNH NGỌC SƯƠNG	03/01/1942		X	213 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
914	NGUYỄN THỊ ANH MINH	26/08/1979		X	213 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
915	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	05/11/1999		X	213 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
916	NGUYỄN THÀNH LIÊM	30/01/1966	X		213 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
917	LÊ VĂN THU	08/08/1966	X		119 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
918	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	14/06/1965		X	119 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
919	LÊ THỊ THANH THẢO	22/05/1988		X	119 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
920	LÊ VĂN HẢO	03/10/1970	X		119 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
921	TRẦN MUỐI MUỐI	29/04/1952		X	124 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
922	PHAN NGỌC HIỀN	26/07/1987		X	124 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
923	TRẦN TÚ ANH	10/01/1960		X	124 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
924	ĐINH THỊ BAY	03/01/1941		X	309 LÔ O Ngõ Gia Tự	
925	ĐỖ NGỌC TUYẾT NHI	02/07/2002		X	309 LÔ O Ngõ Gia Tự	
926	TRỊNH HƯƠNG	01/10/1955		X	113 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
927	NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM	09/09/1987		X	113 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
928	TRẦN HUY	01/10/1982	X		113 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
929	TRẦN TÚ NGỌC	14/12/1978		X	113 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
930	NGUYỄN QUỐC KHANH	16/06/1960	X		313 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
931	TỬ KIM	15/06/1925		X	316 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
932	TỬ NGỌC ANH	15/02/1954		X	316 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
933	TỬ TỔ HÀ	01/02/1957	X		316 lô o C/C Ngõ Gia Tự	
934	TÔ QUỐC TRỤ	04/06/1978	X		317 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
935	NGUYỄN VĂN A	31/10/1964	X		222 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
936	HUỲNH NGỌC QUÝ	30/01/1983		X	222 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
937	NGUYỄN ANH VŨ	09/04/1984	X		222 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
938	DU THỊ NHỎ	15/09/1947		X	112 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
939	LÝ THÚY VY	06/09/1994		X	112 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
940	LÝ VĨNH BẢO	05/08/1974	X		112 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
941	LÝ VĨNH CHUÔNG	28/08/1975	X		112 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
942	TRẦN THỊ BẠCH TUYẾT	15/08/1939		X	208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
943	NGÔ THỊ NGỌC THANH	16/02/1984		X	208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
944	LÊ THỊ NGỌC HẠNH	10/11/1971		X	208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
945	TRẦN NGHĨA THÁI	10/05/1999	X		208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
946	TRẦN NGHĨA THIÊN	03/02/1994	X		208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
947	TRẦN THỊ NGHĨA TÂM	24/05/1973		X	208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
948	TRẦN NGHĨA ĐỨC	19/05/1977	X		208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
949	TRẦN THỊ NGHĨA MAI	15/05/1968		X	208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
950	TRẦN NGHĨA GIÀU	26/04/1971	X		208 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
951	HOÀNG TUẤN KIẾT	05/04/1996	X		113 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
952	HOÀNG TUẤN NGỌC	09/10/1989		X	113 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
953	NGUYỄN THỊ KỶ	22/12/1936		X	113 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
954	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	04/07/1964		X	113 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
955	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	23/06/1961	X		113 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
956	NGUYỄN VĂN BÌNH	23/07/1956	X		113 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
957	VŨ ĐÌNH MINH	25/03/1958	X		202 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
958	VŨ THỊ LÝ	07/03/1966		X	202 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
959	VŨ ĐÌNH NIÊN	07/06/1969	X		202 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
960	QUÁCH VĂN PHÁT	13/09/1961	X		301 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
961	VŨ THỊ THU CÚC	17/10/1967		X	301 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
962	VŨ VŨ THU TRANG	06/06/1995		X	301 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
963	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	25/05/1950		X	315 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
964	NGUYỄN NHẬT QUANG	15/05/1992	X		315 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
965	HÒANG NGỌC THANH VÂN	05/02/1990		X	315 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
966	HÒANG NGỌC THANH VY	08/03/1988		X	315 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
967	TRẦN THANH THUY	10/03/1963		X	212 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
968	TẶNG THANH VŨ	03/10/1988	X		212 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
969	TẶNG THANH VỊ	03/10/1988		X	212 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
970	TĂNG THANH TRÚC	18/08/1985		X	212 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
971	PHAN VĨ CHÍ	17/11/1976	X		115 LÔ P Ngõ Gia Tự	
972	PHAN VĨ ĐẠT	20/11/1982	X		115 LÔ P Ngõ Gia Tự	
973	PHAN VĨ THÀNH	21/05/1988	X		115 LÔ P Ngõ Gia Tự	
974	DƯƠNG NỮ	16/04/1951		X	115 LÔ P Ngõ Gia Tự	
975	NGUYỄN VĂN NA	06/02/1960	X		208 LÔ P Ngõ Gia Tự	
976	NGÔ THỊ NGỌC XUÂN	23/02/1961		X	208 LÔ P Ngõ Gia Tự	
977	NGUYỄN XUÂN TRÍ	27/07/1994	X		208 LÔ P Ngõ Gia Tự	
978	HUỖNH VĂN PHÁT	28/04/1983	X		102 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
979	DƯƠNG MUỐI	06/03/1956		X	102 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
980	TÔ THỊ NGỌC DIỄM	17/01/1986		X	102 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
981	LẠI VĂN KHOA	22/08/1950	X		312 LÔ P Ngõ Gia Tự	
982	TRẦN THỊ HUỆ	15/04/1955		X	312 LÔ P Ngõ Gia Tự	
983	LẠI THỊ THÚY NGÀ	20/10/1977		X	312 LÔ P Ngõ Gia Tự	
984	LẠI TẤN TÀI	16/04/1983	X		312 LÔ P Ngõ Gia Tự	
985	LẠI QUỐC BẢO	20/02/1975	X		312 LÔ P Ngõ Gia Tự	
986	TRẦN THỊ XUÂN	02/06/1935		X	106 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
987	TRẦN NGỌC HÙNG	31/08/1967	X		106 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
988	ĐẶNG PHI SƠN	01/12/1956	X		106 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
989	LÊ THỊ TÂM	1968		X	203 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
990	PHAN TRÍ DỪNG	01/09/1996	X		203 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
991	VÔ THỊ ANH	25/07/1965		X	203 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
992	VÔ THỊ LOAN	17/10/1967		X	203 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
993	VÔ VĂN HOÀNG	27/07/1963	X		203 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
994	LÝ THỊ HÒA	04/05/1933		X	103 lô P C/C Ngõ Gia Tự	
995	LÝ VĂN THANH	1925	X		103 lô P C/C Ngõ Gia Tự	
996	LÝ PHƯỚC HẢI	02/02/1969	X		103 lô P C/C Ngõ Gia Tự	
997	LÝ MỸ AN	06/04/1965	X		103 lô P C/C Ngõ Gia Tự	
998	LÝ NGỌC LAN	08/04/1972		X	103 lô P C/C Ngõ Gia Tự	
999	LÝ NGỌC ĐIẾP	12/08/1975	X		103 lô P C/C Ngõ Gia Tự	
1000	CHÊ THỊ KIM THOA	06/09/1966		X	006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1001	HỒ THỊ KIM OANH	20/07/1994		X	006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1002	TRẦN HỒ BẢO QUANG	28/06/1998	X		006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1003	NGUYỄN THUY NGỌC MY	15/08/2001		X	006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1004	TRƯƠNG TẤN PHÁT	24/11/2000	X		006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1005	HỒ THỊ THANH THỦY	12/01/1974		X	006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1006	HỒ ANH TUẤN	22/12/1965	X		006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1007	HỒ THỊ MỸ LIÊN	14/01/1972		X	006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1008	NGUYỄN THANH SƠN	10/06/1969	X		006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1009	HỒ TRÚC KHƯƠNG	01/06/1964	X		006 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1010	NGUYỄN VĂN HẠNH	09/06/1967	X		004 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1011	CAO THỊ TIỀN	10/07/1971		X	004 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1012	NGUYỄN CAO THIÊN MỸ	16/11/2002		X	004 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1013	TRẦN BẾ NGOAN	22/11/1961	X		009 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1014	BÀNH QUÝ HÙNG	18/05/1963		X	009 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1015	TRẦN QUẾ TRÂM	06/04/1992		X	009 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1016	TRẦN THANH TRÂM	01/12/1996		X	009 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1017	BÀNH TRỤ CƠ	10/09/1970	X		013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1018	HUỖNH TRÁC NHIÊN	21/04/2000	X		013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1019	TẮT BÍCH TRẦN	04/12/1972		X	013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1020	BÀNH CẨM QUÂN	09/03/1998	X		013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1021	BÀNH CẨM TUYỀN	04/03/2002	X		013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1022	BÀNH ẮN ẮN	09/08/1999	X		013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1023	DƯƠNG THỊ NHÃN	24/12/1934		X	310 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1024	LÊ THỊ NGỌC TRINH	01/10/1990		X	310 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1025	TẶNG THỊ TÀI	13/08/1969		X	310 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1026	TẶNG VĂN SƠN	10/03/1957	X		310 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1027	NGUYỄN BẢO QUỐC	01/04/1967	X		119 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1028	NGUYỄN TRỌNG LUÂN	05/12/2000	X		119 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1029	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	25/08/1971	X		119 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1030	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	08/06/1976		X	119 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1031	TRẦN QUỐC MINH	09/05/1971	X		219 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1032	HÀ YẾN QUYỀN	13/11/1972		X	219 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1033	TRẦN NHƯ LỘC	21/02/1996		X	219 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1034	TRẦN NHƯ Ý	25/10/2000		X	219 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1035	NGUYỄN THỊ NGÀ	20/02/1951		X	319 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1036	NGUYỄN VĂN SƠN	04/10/1958	X		319 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1037	TỪ TỔ MUỐI	06/11/1971		X	201 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1038	DƯƠNG QUỐC QUYỀN	08/04/1994	X		201 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1039	PHAN THỊ XUÂN	01/02/1954		X	209 lô O C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1040	PHAN MINH CHÂU	03/10/1975	X		209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1041	BÙI THANH THANH NGUYỆT	28/03/1998		X	209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1042	BÙI THÁI TRƯỞNG	11/10/1992	X		209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1043	PHAN MINH THẢO	12/04/1996	X		209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1044	PHAN VĂN THU	20/12/1954	X		209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1045	PHAN THỊ MUỘI	01/01/1970		X	209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1046	TRẦN HẢI NGỌT	16/09/1942	X		209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1047	PHAN MINH HIỆU	13/09/1990	X		209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1048	NGUYỄN TẤN TỰ	26/07/1955	X		013 lo O C/C Ngô Gia Tự	
1049	TRẦN ĐỨC THỊNH	15/05/1952	X		226/10 Sư Vạn Hạnh	
1050	VƯƠNG ĐAM HOA	10/12/1952		X	105 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1051	VƯƠNG ĐAM VÂN	18/09/1954		X	105 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1052	NGUYỄN VĂN GIÀU	10/11/1952	X		202 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1053	NGUYỄN THỊ HOÀNG	01/01/1980		X	202 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1054	HỒ KIM NGỌC	28/09/2002		X	202 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1055	NGUYỄN KIM LIÊU	17/02/1956		X	202 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1056	NGUYỄN THANH TUẤN	26/11/1977	X		202 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1057	NGUYỄN THỊ THU THẢO	20/10/1976		X	202 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1058	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	05/06/1973		X	202 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1059	NGUYỄN KIM PHƯỢNG	18/11/1979		X	202 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1060	VÒNG CHẨN KÍT	28/01/1968	X		315 LÔ N Ngô Gia Tự	
1061	PHẠM THỊ ĐEP	01/05/1965		X	315 LÔ N Ngô Gia Tự	
1062	VÒNG GIA THÀNH	03/10/1996	X		315 LÔ N Ngô Gia Tự	
1063	VÒNG GIA PHƯƠNG	01/09/1995		X	315 LÔ N Ngô Gia Tự	
1064	TRẦN CHÍ VĨ	11/11/1974	X		324 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1065	LÊ THỊ THANH VÂN	21/11/1978		X	324 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1066	TRẦN CHÍ HỒNG	15/09/1975	X		324 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1067	NGUYỄN VĂN THƠ	07/08/1948	X		229 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1068	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	06/11/1949		X	229 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1069	NGUYỄN NGỌC THANH	04/03/1978	X		229 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1070	NGUYỄN TRANG NHÂN	07/09/1970	X		229 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1071	NGUYỄN THANH THỦY	11/01/1986		X	229 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1072	NGUYỄN THANH THẢO	16/12/1988		X	229 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1073	TRẦN THỊ NGỌC DUNG	18/09/1959		X	326 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1074	ĐẶNG TỬ THU	12/09/1953	X		326 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1075	ĐẶNG VŨ	24/10/1978	X		326 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1076	ĐẶNG DUY	25/06/1983	X		326 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1077	ĐẶNG HOÀNG KIM UYÊN	25/01/1981		X	326 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1078	PHẠM LÊ THIÊN ÂN	05/06/1997	X		308 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1079	HUỲNH VÂN TRƯỞNG	18/10/1945	X		115 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1080	NGUYỄN THỊ LIÊN	06/08/1943		X	115 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1081	HUỲNH THỊ THANH TRÚC	24/02/1968		X	115 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1082	HUỲNH THỊ THANH TRÂM	13/09/1970		X	115 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1083	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG	01/07/1956		X	320 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1084	NGUYỄN PHƯỚC GIÀU	03/12/1954	X		320 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1085	PHẠM THỊ GIANG	01/05/1962		X	022 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1086	PHẠM THỊ NGUYỆT	20/12/1936		X	022 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1087	ĐINH THỊ HOA	26/12/1956		X	309 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1088	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	11/07/1986		X	309 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1089	NGUYỄN THÀNH TRUNG	14/06/1977	X		309 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1090	NGUYỄN THÀNH NAM	05/06/1981	X		309 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1091	LƯU TỔ TRINH	30/06/1985		X	140 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1092	HUỲNH NGỌC LIÊU	17/03/1955		X	140 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1093	PHƯƠNG CẨM XƯƠNG	15/07/1963	X		225 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1094	LÂM PHÂN NÔNG	21/10/1988	X		225 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1095	PHƯƠNG NGỌC	29/03/1962		X	225 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1096	ĐẶNG TIÊU LINH	15/05/1983		X	225 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1097	PHƯƠNG CHÍ	23/08/1966	X		225 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1098	PHƯƠNG CƯỜNG	09/09/1964	X		225 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1099	TÔN HỮU THÀNH	08/01/1968	X		226 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1100	TRẦN THỊ MỸ HƯƠNG	27/05/1971		X	226 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1101	TÔN ANH HỖ	27/10/1995	X		226 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1102	TÔN MỸ LỆ	27/08/1961		X	226 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1103	TRẦN HỮU TÌNH	20/10/1948	X		329 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1104	NGUYỄN THỊ MINH	10/06/1954		X	329 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1105	ĐÀM MẠNH ANH	31/01/1957		X	204 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1106	ĐÀM HUỲNH TRINH TRINH	27/10/1985		X	204 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1107	ĐÀM HUỲNH CHÍ LUÂN	24/01/1989	X		204 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1108	ĐÀO THU BÌNH	24/09/1961		X	204 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1109	NGUYỄN THÚY VY	11/06/1989		X	204 lô n C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1110	ĐÀM VÔ HUỆ	18/11/1958	X		204 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1111	ĐÀM MẦN PHƯƠNG	22/02/1966		X	204 lô n C/C Ngô Gia Tự	
1112	TĂNG KIM NGỌC	16/08/1952		X	314 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1113	TĂNG NGỌC TỬ	09/12/1982		X	314 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1114	TĂNG NGỌC TUYỀN	29/12/1985		X	314 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1115	NGUYỄN VĂN HÒA	02/09/1982	X		314 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1116	TRẦN VŨ KHANH	10/12/1980	X		314 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1117	DUƠNG NGÂN TÙNG	22/01/1926		X	222 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1118	LÝ HUỆ THÚY	09/12/1982		X	222 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1119	LÝ TRÍ VINH	02/09/1988	X		222 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1120	HUỲNH BẢO HUNG	15/10/1958		X	201 lô n c/c Ngô Gia Tự	
1121	ĐẶNG TRỌNG BỘI	02/04/1991	X		201 lô n c/c Ngô Gia Tự	
1122	HUỲNH PHƯỚC LÂM	30/12/1962	X		201 lô n c/c Ngô Gia Tự	
1123	PHẠM THỊ ĐÀO	04/10/1950		X	224 LÔ N Ngô Gia Tự	
1124	TRẦN HOÀNG DŨNG	08/09/1982	X		224 LÔ N Ngô Gia Tự	
1125	CHUNG TÔ HẮ	09/06/1971	X		339 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1126	SOU NGỌC ANH	01/09/1968		X	339 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1127	CHUNG HỮU CÁN	26/11/1965	X		339 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1128	TĂNG LỤC	14/01/1962	X		322 LÔ N Ngô Gia Tự	
1129	LÝ ÁI VĂN	07/01/1960		X	322 LÔ N Ngô Gia Tự	
1130	TĂNG TỬ THANH	17/08/1991		X	322 LÔ N Ngô Gia Tự	
1131	TĂNG KHÁI QUYỀN	12/06/1993	X		322 LÔ N Ngô Gia Tự	
1132	TĂNG TỬ LỆ	28/12/1987		X	322 LÔ N Ngô Gia Tự	
1133	THÁI TRỌNG PHỤNG	19/06/1952	X		307 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
1134	LÊ THỊ TRUYỀN	15/05/1961		X	307 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
1135	THÁI LÊ TRONG NGUYỄN	22/11/1983	X		307 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
1136	THÁI THỊ LAN	20/05/1961		X	307 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
1137	NGUYỄN THỊ THẠCH	20/10/1933		X	309 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1138	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN	28/09/1966		X	309 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1139	NGUYỄN THANH HẠNH	27/09/1964		X	309 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1140	LÝ QUẾ ANH	30/01/1964		X	234 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1141	DIỆP VINH	17/10/1959	X		234 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1142	DIỆP NGỌC ÁI	13/01/1989		X	234 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1143	DIỆP KIM ÁI	18/02/1983		X	234 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1144	DIỆP NGÂN ÁI	27/05/1986		X	234 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1145	PHAN NGỌC HẠNH	20/12/1957	X		136 lô n c/c Ngô Gia Tự	
1146	NGUYỄN THỊ HỒNG	20/12/1958		X	136 lô n c/c Ngô Gia Tự	
1147	LÂM LIÊN CỎ	20/02/1948		X	136 lô n c/c Ngô Gia Tự	
1148	HOÀNG NGỌC HUỆ	05/07/1937		X	313 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1149	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG	11/11/1970		X	313 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1150	NGUYỄN THỊ NGỌC CẨM	02/07/1959		X	313 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1151	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	01/01/1961		X	313 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1152	HOÀNG NGỌC QUÝ	20/12/1966	X		313 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1153	NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN	1963		X	313 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1154	TRẦN THỊ HÒA	06/05/1956		X	335 LÔ N Ngô Gia Tự	
1155	NGUYỄN VĂN SƠN	05/01/1951	X		213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1156	NGUYỄN THANH TIẾN	11/01/1991	X		213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1157	NGUYỄN HOÀNG MINH	27/02/2002	X		213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1158	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	03/03/1981		X	213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1159	NGUYỄN THỊ YẾN CHÂU	28/08/1978		X	213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1160	NGUYỄN THỊ PHÂN	19/03/1954		X	213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1161	LÊ THỊ HƯỜNG	05/08/1956		X	214 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1162	TRẦN THỊ NGỌC NGA	06/12/1962		X	211 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1163	LƯU TRẦN ANH TỬ	30/06/1990		X	211 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1164	LƯU TRẦN QUỐC TUẤN	03/12/1993	X		211 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1165	NGUYỄN VĂN HIỆU	05/04/1945	X		340 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1166	NGUYỄN THỊ HAI	26/08/1952		X	340 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1167	NGUYỄN ANH TUẤN	23/12/1981	X		340 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1168	NGUYỄN VĂN THIẾT	08/04/1949	X		213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1169	PHÙNG THỊ KIM PHƯƠNG	15/01/1964		X	213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1170	NGUYỄN TRUNG TÍN	02/10/1987	X		213 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1171	HUỲNH VĨNH ĐẠT	14/12/1984	X		240 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1172	NGUYỄN VĂN LU	03/05/1970	X		233 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1173	LÊ THỊ MUỐI	1937		X	233 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1174	NGÔ THỊ BÉ	1962		X	233 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1175	PHAN THÀNH KHÁI	29/09/1927	X		236 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1176	TRƯƠNG THỊ NHỊ	14/01/1934		X	236 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1177	PHAN HỮU ĐỨC	04/08/1965	X		236 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1178	NGUYỄN THỊ THANH	22/12/1945		X	219 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1179	ĐẶNG THANH NHƯ	08/09/2000		X	219 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1180	ĐẶNG THANH HOÀNG	08/11/1991	X		219 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1181	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	16/02/1991		X	219 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1182	ĐÌNH TỔ NỮ	28/03/1943		X	219 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1183	TỔ MỸ HẢO	09/04/1956		X	219 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1184	HÀ RÍ	01/01/1943		X	232 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1185	PHẠM HOÀNG THẢO CHI	15/01/2000		X	232 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1186	TRẦN VIỆT MY	21/09/1965		X	227 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1187	LÊ THỊ BÉ	01/08/1965		X	223 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1188	LÊ THANH THẮNG	28/11/1996	X		223 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1189	LÊ THANH TUẤN	25/02/1994	X		223 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1190	SA NHÂN NHÂN	26/04/2000		X	223 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1191	LÊ THỊ BÍCH THÙY	06/05/1972		X	223 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1192	LÊ THỊ KIM PHƯỢNG	18/11/1967		X	223 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1193	LÊ VĂN THANH	22/05/1969	X		223 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1194	LÊ VĂN VIỆT	22/05/1971	X		223 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1195	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	20/02/1955		X	328 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1196	NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT	16/08/1976		X	328 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1197	LÊ TUẤN TỬ	02/03/2001	X		328 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1198	CHÂU VĂN HƯNG	15/12/1953	X		328 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1199	CHÂU HOÀNG VŨ	24/10/1974	X		328 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1200	TRƯƠNG LAN YẾN	16/11/1954		X	207 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1201	NGUYỄN KIM LIÊN	14/11/1978		X	207 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1202	NGÔ TRƯỞNG VƯƠNG	22/10/1992	X		207 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1203	TRƯƠNG HUỆ LINH	23/10/1974		X	207 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1204	TRƯƠNG TIẾN THÀNH	22/10/1976	X		207 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1205	NGÔ VĂN TUẤN	24/11/1974	X		207 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1206	HÙYNH THỊ KIỀU OANH	16/10/1963		X	218 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1207	HÙYNH THỊ MỸ LÊ	26/05/1972		X	218 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1208	LỤC KHÁNH HIẾU	07/11/1981	X		205 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1209	LỤC KHÁNH NGỌC	11/10/1991		X	205 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1210	LỤC KHÁNH LONG	11/12/1985	X		205 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1211	TIÊU ĐỨC HỘI	06/03/1971	X		206 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1212	TIÊU THUẬN Ỡ	17/08/1990	X		206 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1213	TIÊU THUẬN NGHĨA	06/06/1992	X		206 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1214	TRẦN THỊ PHƯỚC	17/03/1971		X	206 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1215	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	15/01/1990		X	206 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1216	TIÊU ĐỨC ĐĂNG	10/07/1960	X		206 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1217	VÕ THỊ TUYẾT	24/10/1956		X	332 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1218	NGUYỄN BÁ THỊNH	30/04/1962	X		332 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1219	ĐẶNG VŨ TRỌNG TỬ	18/05/1959	X		316 Lô N c/c Ngõ Gia Tự	
1220	NGUYỄN TRUNG HIẾU	03/09/1989	X		316 Lô N c/c Ngõ Gia Tự	
1221	NGUYỄN THỊ ÁI VĂN	03/07/1985		X	316 Lô N c/c Ngõ Gia Tự	
1222	NGUYỄN HOÀNG	10/10/1957	X		316 Lô N c/c Ngõ Gia Tự	
1223	ĐẶNG THỊ ÁI LOAN	25/06/1961		X	316 Lô N c/c Ngõ Gia Tự	
1224	PHẠM QUỐC HÙNG	24/12/1969	X		336 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1225	VĂN LỆ QUYÊN	19/03/1970		X	336 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1226	PHẠM VĨ HỒNG	26/11/1995		X	336 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1227	LÝ THỊ CẨM	25/05/1950		X	330 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1228	NGUYỄN THỊ TÀI	30/04/1950		X	311 lô m c/c Ngõ Gia Tự	
1229	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	05/05/1975		X	311 lô m c/c Ngõ Gia Tự	
1230	BÙI THỊ TẤN	14/11/1960		X	213 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1231	BÙI THỊ TUYẾT LOAN	25/08/1970		X	213 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1232	LÊ NGUYỄN THÙY LINH	11/08/1995		X	213 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1233	PHAN TRUNG NGUYỄN	09/07/2000	X		213 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1234	BÙI THỊ TUYẾT PHỤNG	29/09/1969		X	213 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1235	NGUYỄN THỊ TUYẾT HƯƠNG	09/02/1972		X	213 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1236	BÙI VĂN CƯỜNG	11/04/1956	X		213 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1237	BÙI THỊ LẬP	08/09/1950		X	213 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1238	VÕ THỊ BÍCH THÙY	01/08/1937		X	308 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1239	NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY	14/03/1991		X	308 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1240	TRẦN PHỤNG MINH	03/05/1987		X	308 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1241	TRẦN THỊ BÍCH LIÊN	19/07/1969		X	308 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1242	TRẦN HOÀNG SƠN	17/01/1967	X		308 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1243	TRẦN THỊ BÍCH PHƯỢNG	05/09/1970		X	308 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1244	LƯU DOÃN GIAI	18/11/1952	X		016 lô P C/C Ngõ Gia Tự	
1245	LƯU NGỌC QUANG	24/08/1978	X		016 lô P C/C Ngõ Gia Tự	
1246	DƯƠNG THỊ BÍCH HIỀN	04/11/1971		X	303 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1247	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYẾT	15/04/1941		X	303 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1248	DƯƠNG CHÍ HIẾU	01/05/1974	X		303 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1249	DƯƠNG THỊ LAN HƯƠNG	21/05/1960		X	303 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1250	DƯƠNG THỊ NGỌC THÚY	27/02/1977		X	303 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1251	TRƯƠNG PHƯỚC TRUYỀN	19/10/1954	X		224 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1252	LÝ NGỌC LINH	01/04/1990		X	224 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1253	LÝ NGỌC ANH	16/07/1985		X	224 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1254	BÙI THỊ HẠNH	20/10/1968		X	224 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1255	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	16/10/1984	X		224 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1256	HÀ MẠNH THƯƠNG	06/04/1987	X		224 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1257	TRƯƠNG LẬP HOA	11/11/1968	X		224 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1258	LÝ QUANG HUY	15/01/1965	X		224 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1259	VÔ VĂN BA	19/05/1936	X		322 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1260	VÔ THỊ NGÀ	29/02/1964		X	322 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1261	VÔ VĂN PHƯƠNG	17/05/1975	X		322 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1262	VÔ THỊ PHƯỢNG	02/06/1970		X	322 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1263	VÔ VĂN HẢI	17/05/1980	X		322 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1264	VÔ QUANG MINH	01/05/1972	X		322 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1265	NGUYỄN THỊ KIM	05/10/1956		X	327 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1266	HÀ THỊ THANH HÀ	09/09/1966		X	327 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1267	NGUYỄN HOÀNG VŨ	04/04/1992	X		327 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1268	NGUYỄN HOÀNG VY	04/07/1995		X	327 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1269	NGUYỄN CÔNG HÙNG	25/05/1977	X		327 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1270	NGUYỄN PHƯƠNG TRUNG	25/07/1965	X		327 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1271	ÔNG A MUỐI	23/11/1966		X	304 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1272	QUANG KIẾT BÌNH	14/06/1986		X	304 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1273	QUANG CỬU	16/04/1952	X		304 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1274	LÝ THỊ NGÀ	26/04/1956		X	327 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1275	PHẠM VĂN VIỆT	25/11/1965	X		327 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1276	PHẠM VĂN MỸ	25/04/1960	X		327 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1277	TRINH LÊ HÙNG	04/03/1958		X	302 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1278	YÊN CHI LUÂN	27/06/1994	X		302 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1279	TRẦN THỊ MAI	24/04/1959		X	114 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1280	CHÂU HOÀNG GIÁP	29/11/1942	X		114 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1281	CHÂU HOÀNG MAI PHƯƠNG	23/06/1998		X	114 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1282	CHÂU HOÀNG PHÚC	23/05/1986	X		114 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1283	NGÔ PHỐI KHANH	04/09/1986		X	218 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1284	TRẦN VĂN	05/01/1964	X		323 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1285	TRẦN VI LÊNH	21/08/1970		X	323 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1286	NHÂM TƯ MUỐI	20/11/1959		X	305 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1287	MAI THU THẢO	29/03/1979		X	307 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1288	LÂM KIM LUÂN	25/10/1956	X		311 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1289	HỒ THỊ QUỐI	15/01/1936		X	319 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1290	TẮT CẨM PHÚC	07/01/1995	X		319 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1291	TẮT PHỤNG LINH	18/06/1993		X	319 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1292	HUYNH ANH TUÂN	20/03/1989	X		319 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1293	NGUYỄN THỊ HẠNH	22/04/1958		X	319 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1294	HUYNH TRƯỜNG XUÂN	02/05/1965	X		319 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1295	HUYNH THỊ LAN HƯƠNG	07/11/1960		X	319 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1296	HUYNH TRƯỜNG PHÚ	06/09/1973	X		319 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1297	ĐỖ THÀNH PHƯƠNG	23/02/1964	X		304 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1298	VÔ THỊ MỸ LỆ	26/05/1971		X	304 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1299	ĐỖ MINH PHONG	10/05/2002	X		304 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1300	ĐỖ MẠNH TUÂN	18/10/1995	X		304 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
1301	NGÔ THỊ NGỌC ANH	27/01/1993		X	209 LÔ P Ngõ Gia Tự	
1302	NGUYỄN THỊ LỘC	15/07/1965		X	209 LÔ P Ngõ Gia Tự	
1303	NGUYỄN VĂN TÀI	04/09/1963	X		209 LÔ P Ngõ Gia Tự	
1304	NGUYỄN VĂN LỢI	01/10/1969	X		209 LÔ P Ngõ Gia Tự	
1305	TRƯƠNG HOÀNG NAM	26/05/1999	X		105 LÔ P Ngõ Gia Tự	
1306	PHẠM THỊ NHỎ	12/08/1984		X	105 LÔ P Ngõ Gia Tự	
1307	LÂM VĂN THÀNH	09/01/1962	X		207 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1308	TRẦN LÂM TUYẾN	13/05/1999		X	207 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1309	LÂM THỊ THÙY	01/10/1966		X	207 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1310	BÀNG THỊ GÁI	10/11/1970		X	030 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1311	ĐẶNG TRUNG HIỆU	14/09/1988	X		030 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1312	BÀNG THỊ HƯƠNG HUYỀN	24/03/1981		X	030 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1313	LÊ THỊ CẨM NHUNG	22/09/1991		X	030 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1314	TRẦN THỊ NGỌC	02/03/1963		X	125 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1315	LƯƠNG VĂN NÔNG	02/03/1957	X		125 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1316	LƯƠNG THỊ NGỌC HÂN	02/08/1996		X	125 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1317	LẠI THỊ THU TRANG	19/11/1963		X	017 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1318	NGUYỄN ANH KHOA	12/11/1990	X		017 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1319	LẠI QUANG DỪNG	18/05/1968	X		017 lô M C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1320	LÊ THANH HÙNG	05/01/1965	X		245/9 Hòa Hảo	
1321	HUỲNH KIM XUÂN	23/11/1967		X	245/9 Hòa Hảo	
1322	LÊ ĐÌNH GIANG	02/01/1992	X		245/9 Hòa Hảo	
1323	HUỲNH LỆ HÀNG	04/03/1972		X	245/9 Hòa Hảo	
1324	PHẠM THỊ HAI	1931		X	245A Hòa Hảo	
1325	TRƯƠNG NGỌC TRÚC QUỲNH	10/12/1987		X	245A Hòa Hảo	
1326	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC SÁU	17/07/1968	X		245A Hòa Hảo	
1327	NGUYỄN THỊ ĐƯỢC BẦY	09/02/1970		X	245A Hòa Hảo	
1328	NGUYỄN VĂN QUANG	27/05/1976	X		245A Hòa Hảo	
1329	NGUYỄN VĂN VINH	18/10/1977	X		245A Hòa Hảo	
1330	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC NĂM	30/12/1964	X		245A Hòa Hảo	
1331	NGUYỄN MINH CẢNH	18/07/1958	X		165 Trần Nhân Tôn	
1332	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	1984	X		165 Trần Nhân Tôn	
1333	NGUYỄN PHƯỚC HUY	01/01/1981	X		165 Trần Nhân Tôn	
1334	NGUYỄN MINH HIẾU	09/07/2001	X		165 Trần Nhân Tôn	
1335	VÕ THỊ LIÊM	14/01/1954		X	165 Trần Nhân Tôn	
1336	NGUYỄN THỊ MINH	10/10/1969		X	165 Trần Nhân Tôn	
1337	NGUYỄN THU NGUYỆT	11/10/1960		X	165 Trần Nhân Tôn	
1338	ĐO THỊ HUỠNG	21/12/1932		X	81 Trần Nhân Tôn	
1339	NGUYỄN THỊ KIM VUI	21/03/1971		X	81 Trần Nhân Tôn	
1340	NGUYỄN QUANG THỨC	08/10/1964	X		81 Trần Nhân Tôn	
1341	NGUYỄN THỊ KIM ANH	13/04/1966		X	81 Trần Nhân Tôn	
1342	NGUYỄN QUANG DŨNG	18/07/1958	X		81 Trần Nhân Tôn	
1343	TRẦN THỊ LÊ	20/11/1953		X	226/1 Sư Vạn Hạnh	
1344	TRẦN KHÁNH NGUỒN	29/01/1951	X		242 Sư Vạn Hạnh	
1345	TRẦN CẨM VINH	22/01/1989	X		242 Sư Vạn Hạnh	
1346	TRẦN CẨM LINH	09/11/1984		X	242 Sư Vạn Hạnh	
1347	PHẠM VĂN LÂM	14/06/1957	X		232 Sư Vạn Hạnh	
1348	TRƯƠNG THỊ MAI	02/06/1957		X	232 Sư Vạn Hạnh	
1349	PHẠM MỸ LINH	25/09/1997		X	232 Sư Vạn Hạnh	
1350	LƯƠNG THỊ KIM HOA	02/11/1955		X	226/12 Sư Vạn Hạnh	
1351	HOÀNG THỊ VĂN ANH	20/10/1987		X	226/12 Sư Vạn Hạnh	
1352	PHÙNG THẾ LÂN	16/11/1983	X		226/12 Sư Vạn Hạnh	
1353	LƯU MỘNG BÌNH	04/09/1974		X	206/7 Sư Vạn Hạnh	
1354	PHẠM DANH HẢI	29/03/1959	X		322 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1355	TRẦN THỊ LIÊN	27/05/1966		X	322 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1356	PHẠM THỊ ĐỨC HẠNH	07/01/1990		X	322 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1357	NGUYỄN VĂN THANH	10/01/1946	X		141/1 Trần Nhân Tôn	
1358	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	10/01/2000		X	141/1 Trần Nhân Tôn	
1359	NGUYỄN VĂN TUẤN	13/07/1953	X		141/1 Trần Nhân Tôn	
1360	LÊ MINH Y	30/01/1961	X		227 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1361	TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	28/08/1960	X		138 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1362	TRƯƠNG LIÊN	07/09/1934		X	136 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1363	TRẦN THỊ HOA	06/05/1944		X	141 Trần Nhân Tôn	
1364	NGÔ THANH HUYỀN	1976		X	141 Trần Nhân Tôn	
1365	TRẦN THỊ HUỆ	1948		X	141 Trần Nhân Tôn	
1366	LÊ VĂN RONG	20/07/1948	X		245/21 Hòa Hảo	
1367	LÊ THỊ NHỎ	05/02/1947		X	245/21 Hòa Hảo	
1368	LÊ VĂN THẢO	06/03/1973	X		245/21 Hòa Hảo	
1369	LÊ VĂN TÂN	18/10/1968	X		245/21 Hòa Hảo	
1370	LÊ KIM PHỤNG	19/05/1940	X		245/1B Hòa Hảo	
1371	NGUYỄN THỊ NGỌC SANG	29/06/1986		X	245/1B Hòa Hảo	
1372	NGUYỄN THỊ HOA	24/05/1943		X	245/1B Hòa Hảo	
1373	LÊ HOÀNG KIẾT	06/05/1978	X		245/1B Hòa Hảo	
1374	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	09/05/1974		X	245/1B Hòa Hảo	
1375	LÊ THỊ NGỌC HẢI	02/07/1981		X	245/1B Hòa Hảo	
1376	NGUYỄN TRẦN CÔNG PHƯƠNG	20/01/1973	X		337 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1377	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG KIỀU	19/11/1961		X	337 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1378	HUỲNH THỊ LAN	18/04/1949		X	226/2 Sư Vạn Hạnh	
1379	KHU' VĂN THUẬN	10/11/1966	X		226/2 Sư Vạn Hạnh	
1380	TRẦN MINH	15/10/1961	X		226/8 Sư Vạn Hạnh	
1381	TRẦN MIMH	20/05/1932		X	226/8 Sư Vạn Hạnh	
1382	TRỊNH NHƯ HOA	15/07/1959		X	226/8 Sư Vạn Hạnh	
1383	TRẦN NGỌC DINH	03/05/1993	X		226/8 Sư Vạn Hạnh	
1384	TRẦN SANG	03/02/1990	X		226/8 Sư Vạn Hạnh	
1385	VÕ HOÀNG SANG	29/11/1989	X		242C Sư Vạn Hạnh	
1386	VÕ VĂN NGON	24/01/1961	X		242C Sư Vạn Hạnh	
1387	ĐẶNG THỊ LỆ MAI	01/12/1974		X	226/3 Sư Vạn Hạnh	
1388	TRỊNH HOÀI PHÚ QUÝ	01/01/1998	X		226/3 Sư Vạn Hạnh	
1389	TRỊNH HOÀI AN KHANG	01/01/1998	X		226/3 Sư Vạn Hạnh	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1390	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	22/03/1941		X	226/3 Sư Vạn Hạnh	
1391	ĐẶNG PHƯỚC HÙNG	01/09/1964	X		226/3 Sư Vạn Hạnh	
1392	ĐẶNG PHƯỚC MINH	10/01/1969	X		226/3 Sư Vạn Hạnh	
1393	ĐẶNG THỊ LỆ THU	21/12/1965		X	226/3 Sư Vạn Hạnh	
1394	ĐẶNG THỊ LỆ NGỌC	06/01/1972		X	226/3 Sư Vạn Hạnh	
1395	TÔNG THỊ MỐT	08/03/1951		X	222/7 Sư Vạn Hạnh	
1396	ĐẶNG THỊ HÀ	13/12/1972		X	222/7 Sư Vạn Hạnh	
1397	ĐẶNG VĂN THÀNH	09/08/1977	X		222/7 Sư Vạn Hạnh	
1398	NGÔ THỊ TUYẾT	27/11/1961		X	240 Sư Vạn Hạnh	
1399	NGUYỄN THỊ KIM ANH	21/12/1989		X	240 Sư Vạn Hạnh	
1400	LŨ THỊ MỪNG	12/11/1944		X	005 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1401	HỒ ĐẮC CƯỜNG	20/06/1966	X		005 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1402	PHÙNG THỊ NGÀ	1956		X	127 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
1403	DIỆP ĐUÔI	13/07/1960		X	027 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1404	DIỆP QUỐC KỶ	08/10/2000	X		027 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1405	DIỆP QUỐC GIAI	09/10/1992	X		027 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1406	DIỆP QUỐC HUY	21/09/1989	X		027 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1407	HỖ A MÙI	27/07/1966		X	027 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1408	DIỆP VINH	05/03/1959	X		027 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1409	DIỆP THIỆU THANH	01/05/1964	X		027 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1410	DIỆP THIỆU CƯỜNG	16/07/1962	X		027 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1411	NGUYỄN QUANG DŨNG	10/11/1969	X		219 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1412	TRẦN VĂN HUYỀN	05/08/1964	X		168 Hùng Vương	
1413	NGUYỄN THỊ LAN	06/12/1966		X	168 Hùng Vương	
1414	NÔNG KIM NGUYỆT	27/05/1968		X	168 Hùng Vương	
1415	TRẦN NGUYỄN LAN THANH	26/11/1997		X	168 Hùng Vương	
1416	LÊ TẤN PHƯỚC	01/07/1993	X		168 Hùng Vương	
1417	TRẦN THỊ LỰU	08/06/1975		X	168 Hùng Vương	
1418	TRẦN VĂN HUỆ	10/11/1958	X		168 Hùng Vương	
1419	TRẦN VĂN ÚT	01/01/1967	X		168 Hùng Vương	
1420	TRẦN THỊ ĐÀO	05/02/1973		X	168 Hùng Vương	
1421	NGUYỄN THỊ ẪN	06/01/1956		X	141/3 Trần Nhân Tôn	
1422	HUỶNH THỊ THÚY	20/08/1984		X	141/3 Trần Nhân Tôn	
1423	LÊ QUỐC HUY	14/07/1983	X		141/3 Trần Nhân Tôn	
1424	NGUY DUNG	25/05/1966		X	171 Trần Nhân Tôn	
1425	PHẠM HỒNG PHÁT	02/11/1996	X		171 Trần Nhân Tôn	
1426	NGUY MỸ QUẾ	01/09/1973		X	171 Trần Nhân Tôn	
1427	NGUY NHỊ HÀ	02/07/1956	X		171 Trần Nhân Tôn	
1428	NGUY HÒA	07/01/1961	X		171 Trần Nhân Tôn	
1429	NGUYỄN HỒNG PHÚC	26/05/1970	X		83 Trần Nhân Tôn	
1430	LÊ THỊ LÊ	06/07/1946		X	83 Trần Nhân Tôn	
1431	HUỶNH THỊ QUỲNH TRÂM	03/10/1976		X	83 Trần Nhân Tôn	
1432	NGUYỄN HUỶNH DIỆU	17/06/1973		X	141/2 Trần Nhân Tôn	
1433	NGUYỄN HUỶNH HIỀN	06/09/1970	X		141/2 Trần Nhân Tôn	
1434	NGUYỄN HUỶNH THẢO	11/03/1980	X		141/2 Trần Nhân Tôn	
1435	LƯƠNG TẤN MUỘI	28/08/1939		X	155 Trần Nhân Tôn	
1436	LƯƠNG QUỐC AN	25/04/1980	X		155 Trần Nhân Tôn	
1437	LƯƠNG MỸ PHƯƠNG	08/03/1974		X	155 Trần Nhân Tôn	
1438	HUỶNH TRIỆU MAI TRÂM	07/01/1997		X	79A Trần Nhân Tôn	
1439	TRẦN THÁI THỤ	27/11/1995	X		79A Trần Nhân Tôn	
1440	HUỶNH THỊ MỸ DUYỀN	22/12/1932		X	79A Trần Nhân Tôn	
1441	LÊ VĂN RÁT	07/03/1948	X		79A Trần Nhân Tôn	
1442	LÊ THỊ CÚC	06/01/1957		X	79A Trần Nhân Tôn	
1443	LÊ VĂN BÁ	02/11/1953	X		79A Trần Nhân Tôn	
1444	LÊ THỊ MAI	02/12/1959		X	79A Trần Nhân Tôn	
1445	NGÔ THỊ NGO	21/02/1954		X	151 Trần Nhân Tôn	
1446	NGUYỄN THỊ SINH	01/10/1933		X	151 Trần Nhân Tôn	
1447	NGUYỄN QUANG HÙNG	20/03/1949	X		89 Trần Nhân Tôn	
1448	LÊ BẢO CHI	07/07/1983		X	89 Trần Nhân Tôn	
1449	NGUYỄN THỊ NGÂN	28/07/1970		X	89 Trần Nhân Tôn	
1450	NGUYỄN PHÂN HƯỜNG	25/12/1973	X		89 Trần Nhân Tôn	
1451	TRẦN THỊ VĂN	1950		X	89 Trần Nhân Tôn	
1452	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	06/03/1984	X		89 Trần Nhân Tôn	
1453	MAI VĂN QUỲ	25/03/1953	X		143 Trần Nhân Tôn	
1454	MAI PHONG PHÚ	01/01/1995	X		143 Trần Nhân Tôn	
1455	MAI TRUNG HIỂU	04/06/1988	X		143 Trần Nhân Tôn	
1456	BÙI THỊ LÂN	06/10/1932		X	79 Trần Nhân Tôn	
1457	LƯƠNG TIÊU CHÂU	04/01/1969		X	157 Trần Nhân Tôn	
1458	HUỶNH NGÂN TRIỆU	25/12/1952	X		163 Trần Nhân Tôn	
1459	VÕ THỊ HAI	06/06/1955		X	245/25 Hòa Hảo	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1460	NGUYỄN THANH HỒNG	17/10/1948		X	91 Trần Nhân Tôn	
1461	HỒNG PHƯỚC KIÊN	29/11/1972	X		91 Trần Nhân Tôn	
1462	HỒNG QUANG MINH	27/12/1977	X		91 Trần Nhân Tôn	
1463	TRƯƠNG KIM TÀI	25/01/1990	X		236 Sư Vạn Hạnh	
1464	VÕ HỒNG HẢI	27/01/1959	X		206A Sư Vạn Hạnh	
1465	PHẠM NGỌC ĐOAN TRANG	14/11/1993		X	206A Sư Vạn Hạnh	
1466	NGUYỄN THỊ DIỄM THỦY	19/06/1988		X	206A Sư Vạn Hạnh	
1467	PHAN THỊ TUYẾT	26/07/1957		X	206A Sư Vạn Hạnh	
1468	VÕ HỒNG NHỰT THANH	06/04/1990	X		206A Sư Vạn Hạnh	
1469	VÕ HỒNG QUANG MINH	14/04/1988	X		206A Sư Vạn Hạnh	
1470	VÕ THỊ NHỰT THỊ	02/09/2002		X	206A Sư Vạn Hạnh	
1471	VÕ HỒNG QUANG THUẬN	23/07/1993	X		206A Sư Vạn Hạnh	
1472	TRẦN THỊ HÒA	04/03/1965		X	206A Sư Vạn Hạnh	
1473	LÊ VĂN TRUNG	01/09/1952	X		33A Trần Nhân Tôn	
1474	NGUYỄN THỊ TÔ NGÀ	15/01/1987		X	33A Trần Nhân Tôn	
1475	LÊ QUANG VINH	29/01/1988	X		33A Trần Nhân Tôn	
1476	HUỲNH KHAI XƯƠNG	22/03/1993	X		228 Sư Vạn Hạnh	
1477	HUỲNH KHAI THỊNH	07/04/1995	X		228 Sư Vạn Hạnh	
1478	CÔ THỊ NHƯ NGỌC	11/12/1995		X	228 Sư Vạn Hạnh	
1479	DƯ NGỌC LINH	12/02/1968		X	228 Sư Vạn Hạnh	
1480	HUỲNH TIỀN MINH	26/12/1961	X		228 Sư Vạn Hạnh	
1481	HUỲNH XẢO MẶN	05/04/1963		X	228 Sư Vạn Hạnh	
1482	LƯU TÔ NỮ	21/04/1953		X	222/11 Sư Vạn Hạnh	
1483	HUỲNH HẠNH	14/10/1951	X		222/11 Sư Vạn Hạnh	
1484	HUỲNH PHỐI VẤN	11/01/1990		X	222/11 Sư Vạn Hạnh	
1485	HÀ QUỐC DỪNG	02/12/1962	X		206/6 Sư Vạn Hạnh	
1486	TRẦN HỒNG PHONG	12/06/1990	X		206/6 Sư Vạn Hạnh	
1487	TRẦN THỊ ÁI VÂN	06/03/1987		X	206/6 Sư Vạn Hạnh	
1488	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	15/12/1987		X	206/6 Sư Vạn Hạnh	
1489	HÀ NGỌC MAI	27/01/1955		X	206/6 Sư Vạn Hạnh	
1490	NGUYỄN THÀNH THỌ	22/12/1958	X		242B Sư Vạn Hạnh	
1491	HÀ THỊ ÁNH NGUYỆT	28/06/1958		X	242B Sư Vạn Hạnh	
1492	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	17/05/1982		X	242B Sư Vạn Hạnh	
1493	NGUYỄN THÀNH THÁI	27/03/1993		X	242B Sư Vạn Hạnh	
1494	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	16/03/1989		X	242B Sư Vạn Hạnh	
1495	NGUYỄN THÀNH TÀI	01/09/1999	X		242B Sư Vạn Hạnh	
1496	HUỲNH VĂN LUẬN	15/05/1947	X		222/15 Sư Vạn Hạnh	
1497	HUỲNH THỦY NGÀ	05/07/1979		X	222/15 Sư Vạn Hạnh	
1498	NGUYỄN THỊ ÁNH	22/07/1948		X	226 Sư Vạn Hạnh	
1499	HUỲNH THỊ NGỌC BÍCH	29/11/1967		X	226 Sư Vạn Hạnh	
1500	HUỲNH NGỌC PHỤNG	28/01/1977		X	226 Sư Vạn Hạnh	
1501	HUỲNH NGỌC PHƯỢNG	28/01/1977		X	226 Sư Vạn Hạnh	
1502	CHÂU THIỀU PHÂN	26/09/1956		X	311 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1503	LÂM YẾN NGHI	09/11/1978		X	311 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1504	TRẦN NỮ	07/04/1947		X	311 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1505	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	10/07/1945	X		206B Sư Vạn Hạnh	
1506	PHAN THỊ THU NGÀ	24/02/1979		X	206B Sư Vạn Hạnh	
1507	LỮ ĐÌNH THANH TRÚC	23/12/1999		X	206B Sư Vạn Hạnh	
1508	TRƯƠNG THỊ THU	02/05/1948		X	206B Sư Vạn Hạnh	
1509	NGUYỄN ĐÌNH HỒNG YẾN	02/04/1978		X	206B Sư Vạn Hạnh	
1510	NGUYỄN ĐÌNH BẠCH YẾN	22/06/1971		X	206B Sư Vạn Hạnh	
1511	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG QUỐC	18/07/1977	X		206B Sư Vạn Hạnh	
1512	CHIỀU HỮU PHAN	08/10/1947		X	149 Trần Nhân Tôn	
1513	TRẦN THỊ KIM PHƯỢNG	18/07/1982		X	149 Trần Nhân Tôn	
1514	ĐẶNG TÔ HÀ	26/10/1926	X		149 Trần Nhân Tôn	
1515	ĐẶNG NGỌC HOA	24/01/1979		X	149 Trần Nhân Tôn	
1516	ĐẶNG QUỐC HUY	05/05/1975	X		149 Trần Nhân Tôn	
1517	ĐẶNG QUỐC PHONG	14/02/1984	X		149 Trần Nhân Tôn	
1518	VÕ HỒNG PHÚC	10/10/1958	X		222 Sư Vạn Hạnh	
1519	VÕ HỒNG HỖN ĐỨC	01/05/1988	X		222 Sư Vạn Hạnh	
1520	VÕ HỒNG HỖN HÒA	20/05/1993	X		222 Sư Vạn Hạnh	
1521	VÕ HỒNG TÂM	09/08/1961	X		222 Sư Vạn Hạnh	
1522	GIANG DẬU	10/02/1945		X	85 Trần Nhân Tôn	
1523	DIỆP CỬU	02/10/1946	X		85 Trần Nhân Tôn	
1524	DIỆP THANH HẢI	21/08/1976	X		85 Trần Nhân Tôn	
1525	DIỆP TUYẾT CHI	14/11/1978		X	85 Trần Nhân Tôn	
1526	VÕ THỊ SÁNG	13/04/1949		X	224 Sư Vạn Hạnh	
1527	TRẦN ANH TUẤN	11/10/1955	X		224 Sư Vạn Hạnh	
1528	NGUYỄN THỊ LỰU	05/04/1956		X	206/5 Sư Vạn Hạnh	
1529	LÂM MỸ Tú	19/02/1982		X	206/5 Sư Vạn Hạnh	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1530	LÂM QUANG PHÚ	18/05/1986	X		206/5 Sư Vạn Hạnh	
1531	LÂM QUANG TUẤN	11/09/1993	X		206/5 Sư Vạn Hạnh	
1532	CHÁU MINH MẦN	28/01/1963	X		226/7 Sư Vạn Hạnh	
1533	NGUYỄN ÁI VÂN	08/04/1985		X	226/7 Sư Vạn Hạnh	
1534	PHẠM CHÂU DIỄM THY	01/03/1991		X	226/7 Sư Vạn Hạnh	
1535	CHÂU THỊ MỘNG THU	03/10/1964		X	226/7 Sư Vạn Hạnh	
1536	NGUYỄN VĂN TÙNG	30/04/1964	X		226/14 Sư Vạn Hạnh	
1537	ĐẶNG THỊ NAM HAI	18/03/1937		X	226/5 Sư Vạn Hạnh	
1538	LÝ THỊ MỸ DUNG	20/03/1967		X	226/5 Sư Vạn Hạnh	
1539	ĐẶNG TÂN TÀI	20/08/2001	X		226/5 Sư Vạn Hạnh	
1540	ĐẶNG TÂN NGHĨA	06/01/1999		X	226/5 Sư Vạn Hạnh	
1541	ĐẶNG MẠNH DŨNG	16/04/1975	X		226/5 Sư Vạn Hạnh	
1542	ĐẶNG MẠNH CƯỜNG	24/05/1968	X		226/5 Sư Vạn Hạnh	
1543	LÊ THỊ XUÂN TRANG	28/04/1971		X	325 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1544	NGUYỄN LÊ KIỀU MY	05/12/2002		X	325 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1545	LÊ THỊ HÒA	24/05/1953		X	325 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1546	LÊ THỊ XUÂN THỦY	15/01/1973		X	325 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1547	LƯƠNG CHÍ PHƯƠNG	06/06/1967		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
1548	LƯƠNG NGỌC KIM	28/01/1998		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
1549	LƯƠNG NGỌC CHI	13/11/1999		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
1550	LƯƠNG ĐỨC THÀNH	15/04/1996	X		222/1 Sư Vạn Hạnh	
1551	LƯƠNG THẮNG	15/06/1958		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
1552	LƯƠNG CHÍ HÙNG	29/09/1968		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
1553	LƯƠNG CHÍ LỆ	22/08/1974		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
1554	HUỲNH NUÔNG	05/04/1953		X	221 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1555	DƯƠNG THỊ LÂM	20/06/1946		X	46 Nguyễn Chí Thanh	
1556	TRẦN THANH TÙNG	04/05/1974	X		46 Nguyễn Chí Thanh	
1557	LÊ HỮU THANH	08/05/1959	X		46/3A Nguyễn Chí Thanh	
1558	TRẦN VĂN NHƠN	12/03/1947	X		46/7 Nguyễn Chí Thanh	
1559	LÊ HOÀNG LONG	02/05/1989	X		46/7 Nguyễn Chí Thanh	
1560	NGUYỄN TÂN SƠN	20/04/1957	X		54/1 Nguyễn Chí Thanh	
1561	NGUYỄN TRẦN TUẤN ANH	02/08/1999	X		54/1 Nguyễn Chí Thanh	
1562	NGUYỄN THỊ MỸ	03/11/1961		X	54/1 Nguyễn Chí Thanh	
1563	NGUYỄN NGUYỄN PHÚ	26/06/1995	X		54/1 Nguyễn Chí Thanh	
1564	NGUYỄN NGUYỄN PHONG	26/03/1988	X		54/1 Nguyễn Chí Thanh	
1565	NGUYỄN THỊ HOA	20/04/1961		X	54/1 Nguyễn Chí Thanh	
1566	DƯƠNG NGỌC NỞ	17/04/1967		X	236 Sư Vạn Hạnh	
1567	TRẦN THỊ KIM CHI	07/12/1975		X	236 Sư Vạn Hạnh	
1568	TRẦN ĐÌNH HẢI	25/10/1960	X		54/3 Nguyễn Chí Thanh	
1569	TRẦN THỊ THỦY DƯƠNG	20/11/1988		X	54/3 Nguyễn Chí Thanh	
1570	LƯU THỊ THANH AN	17/05/1976		X	46 Nguyễn Chí Thanh	
1571	LƯU NHẬT HÀ	15/09/1996	X		46 Nguyễn Chí Thanh	
1572	HỒ MINH TÙNG	09/12/1991	X		46 Nguyễn Chí Thanh	
1573	ĐÌNH QUANG TOÀN	19/12/1973	X		46 Nguyễn Chí Thanh	
1574	HỒ MINH NHỰT	12/08/1987	X		46 Nguyễn Chí Thanh	
1575	LƯU THỊ HOÀNG TRANG	20/12/1963		X	46/1 Nguyễn Chí Thanh	
1576	LƯU THANH PHONG	26/07/1991	X		46/1 Nguyễn Chí Thanh	
1577	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	14/02/1969	X		46/6 Nguyễn Chí Thanh	
1578	NGUYỄN THỊ KIM ANH	22/12/1975		X	46/6 Nguyễn Chí Thanh	
1579	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	25/04/2001		X	46/6 Nguyễn Chí Thanh	
1580	NGUYỄN TÂN LỘC	01/08/1970	X		02 Nguyễn Chí Thanh	
1581	NGUYỄN THỊ THU	12/02/1936		X	46/2D Nguyễn Chí Thanh	
1582	VÕ THỊ THU THỦY	27/04/1967		X	46/2D Nguyễn Chí Thanh	
1583	NGUYỄN DUY VIỆT	21/09/1970	X		46/3 Nguyễn Chí Thanh	
1584	PHẠM THỊ THỦY TRANG	26/11/1973		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
1585	NGUYỄN DUY TUẤN	02/08/1973	X		46/3 Nguyễn Chí Thanh	
1586	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	15/09/1979		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
1587	LÝ HÙNG	05/07/1953	X		78-80 Nguyễn Chí Thanh	
1588	VÕ THỊ MÀU	20/05/1954		X	78-80 Nguyễn Chí Thanh	
1589	LÝ THIÊN PHÁT	08/09/1989	X		78-80 Nguyễn Chí Thanh	
1590	LÝ LÂM NGUYỆT	16/07/1986		X	78-80 Nguyễn Chí Thanh	
1591	LÝ THIÊN LỘC	17/04/1992	X		78-80 Nguyễn Chí Thanh	
1592	LÊ VĂN VÂN	23/10/1958	X		46/10 Nguyễn Chí Thanh	
1593	LÊ TÂN KIỆT	27/10/1983	X		46/10 Nguyễn Chí Thanh	
1594	LÊ THỊ GIỀNG	02/06/1962		X	46/10 Nguyễn Chí Thanh	
1595	TẶNG HUỆ MINH	16/01/1987		X	46/10 Nguyễn Chí Thanh	
1596	LÊ THỊ THỦY NGA	15/08/2001		X	46/10 Nguyễn Chí Thanh	
1597	LÊ THỊ THỦY VY	05/10/1999		X	46/10 Nguyễn Chí Thanh	
1598	LÊ VĂN PHỤNG	06/08/1960	X		46/10 Nguyễn Chí Thanh	
1599	TRẦN THỊ NGÀ	30/05/1951		X	46/2C Nguyễn Chí Thanh	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1600	VÔ THANH XUÂN	06/10/1970	X		46/7 Nguyễn Chí Thanh	
1601	VÔ THANH BÌNH	11/11/1974	X		46/7 Nguyễn Chí Thanh	
1602	VÔ TUYẾT VÂN	03/03/1965		X	46/7 Nguyễn Chí Thanh	
1603	VÔ HỒNG VÂN	03/03/1965		X	46/7 Nguyễn Chí Thanh	
1604	LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC	18/09/1975		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
1605	TRẦN NGỌC HÀ ANH	01/05/2001		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
1606	TRẦN NGỌC QUỲNH ANH	27/08/1998		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
1607	HOÀNG THỊ XINH	16/11/1954		X	42 Nguyễn Chí Thanh	
1608	TRẦN VĂN THANH	02/02/1953	X		42 Nguyễn Chí Thanh	
1609	TRẦN HOÀNG NGỌC THẮNG	17/03/1996	X		42 Nguyễn Chí Thanh	
1610	TRẦN HOÀNG NGỌC TÂM	14/06/1988		X	42 Nguyễn Chí Thanh	
1611	NGUYỄN VĂN DŨNG	10/01/1971	X		46/7A Nguyễn Chí Thanh	
1612	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	07/01/1972		X	46/7A Nguyễn Chí Thanh	
1613	NGUYỄN KIM KHÁNH	07/04/1997		X	46/7A Nguyễn Chí Thanh	
1614	NGUYỄN KIM NGÂN	17/09/1994		X	46/7A Nguyễn Chí Thanh	
1615	VÔ THIÊN HẢI	30/01/1972	X		54/2 Nguyễn Chí Thanh	
1616	CHÂU THỊ CẨM NHUNG	03/11/1964		X	226/16 Sư Vạn Hạnh	
1617	TRẦN NGỌC THUẬN	20/12/1962	X		226/16 Sư Vạn Hạnh	
1618	TRẦN NGỌC THANH TRÚC	06/11/1993		X	226/16 Sư Vạn Hạnh	
1619	NGUYỄN THỊ ANH	08/03/1940		X	68 Nguyễn Chí Thanh	
1620	PHAN THỊ DƯƠNG	24/06/1980		X	68 Nguyễn Chí Thanh	
1621	NGÔ HỒNG HẢI	27/02/2001	X		68 Nguyễn Chí Thanh	
1622	NGÔ HỮU HỒNG	06/06/1965		X	68 Nguyễn Chí Thanh	
1623	NGỘ THỊ HÀ	23/07/1967		X	68 Nguyễn Chí Thanh	
1624	TRƯƠNG TỬ ĐẠT	16/04/1971	X		206/6 Sư Vạn Hạnh	
1625	NGUYỄN THẾ HẢO	13/06/1960	X		145 Trần Nhân Tôn	
1626	TRẦN THỊ DUNG	12/02/1940		X	145 Trần Nhân Tôn	
1627	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG HOA	13/01/1993		X	145 Trần Nhân Tôn	
1628	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG ANH	13/09/1997		X	145 Trần Nhân Tôn	
1629	GIANG THỊ HỒNG	15/10/1947		X	72 Nguyễn Chí Thanh	
1630	LÊ GIANG VŨ	19/03/1976	X		72 Nguyễn Chí Thanh	
1631	NGUYỄN VĂN THÂN	10/10/1956	X		237 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1632	TRẦN NGỌC HUỆ	08/07/1965		X	237 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1633	NGUYỄN HOÀNG TÂN	17/01/1996	X		237 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1634	NGUYỄN HOÀNG THÁI	03/03/1992	X		237 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1635	HUỲNH THỊ PHƯỚC	15/02/1955		X	019 lô o c/c Ngô Gia Tự	
1636	NGUYỄN PHƯƠNG THỊ	01/03/1953		X	231 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
1637	LÊ THỊ MỸ TIỀN	08/08/1980		X	231 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
1638	LA TÔ HÀ	26/09/1949	X		231 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
1639	LA VĨ ĐỨC	20/09/1976	X		231 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
1640	LA VĨ THUẬN	03/10/1986	X		231 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
1641	LÝ HỒNG JEAN	01/11/1939	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1642	VÔ THỊ MINH THANH	30/07/1962		X	46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1643	LÝ CHÁNH TRUNG	12/02/1992	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1644	TIÊU QUANG TÍN	21/05/1960	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1645	TIÊU QUANG PHÁT	17/07/1961	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1646	LÝ HỒNG HƯƠNG	07/01/1972		X	46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1647	LÝ HỒNG HẬU	20/01/1963	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1648	LÝ HỒNG HẢI	26/05/1966	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1649	LÝ HỒNG CHUƠNG	29/03/1973	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1650	LÝ HỒNG THANH	30/08/1970	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
1651	HỒ VĂN PHÍ	21/05/1941	X		64 Nguyễn Chí Thanh	
1652	LỘC SỈ LÌN	28/12/1946		X	64 Nguyễn Chí Thanh	
1653	HỒ LỘC NHÌN	12/11/1981		X	64 Nguyễn Chí Thanh	
1654	HỒ SẦU NHÌN	08/06/1979	X		64 Nguyễn Chí Thanh	
1655	NGUYỄN QUANG VINH	04/09/1945	X		026 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1656	PHẠM THỊ SA	03/08/1960		X	026 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1657	NGUYỄN PHẠM HOÀNG NGÂN	01/10/1987		X	026 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1658	HUỲNH THỊ ANH	09/09/1959		X	210 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1659	HUỲNH THỊ TRẢ MI	22/02/2001		X	210 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1660	NGUYỄN THỊ LIÊU	30/08/1964		X	311 lô O c/c Ngô Gia Tự	
1661	LÂM ANH	15/07/1958	X		311 lô O c/c Ngô Gia Tự	
1662	LÂM PHI BĂNG	11/06/1985	X		311 lô O c/c Ngô Gia Tự	
1663	LÂM ĐỨC HẢI	28/03/1998	X		311 lô O c/c Ngô Gia Tự	
1664	LÂM NGỌC NGHI	26/04/1988		X	311 lô O c/c Ngô Gia Tự	
1665	NGUYỄN THỊ CÚC	18/02/1951		X	305 LÔ O Ngô Gia Tự	
1666	NGUYỄN THỊ KIM NGA	21/09/1966		X	305 LÔ O Ngô Gia Tự	
1667	LƯƠNG HOÀNG MINH CHÂU	03/10/2000		X	305 LÔ O Ngô Gia Tự	
1668	LƯƠNG VĂN LIÊM	28/12/1967	X		305 LÔ O Ngô Gia Tự	
1669	NGUYỄN THỊ LIÊU	30/08/1964		X	311 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1670	LÂM ANH	15/07/1958	X		311 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
1671	LÂM PHI BẰNG	11/06/1985	X		311 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
1672	LÂM ĐỨC HẢI	28/03/1998	X		311 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
1673	LÂM NGỌC NGHI	26/04/1988		X	311 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
1674	NGUYỄN VĂN SỸ	16/06/1964	X		210 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1675	TRƯƠNG THANH TRÚC	28/06/1964		X	210 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1676	NGUYỄN TRÚC UYÊN NHI	11/04/2001		X	210 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1677	NGUYỄN THANH TRÚC UYÊN	05/10/1992		X	210 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1678	LƯU PHÚC HƯNG	24/04/1973	X		040 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1679	TRƯƠNG THỊ SỰ	03/02/1954		X	128/284 Nguyễn Chí Thanh	
1680	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	22/06/2001		X	128/284 Nguyễn Chí Thanh	
1681	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	03/04/1999		X	128/284 Nguyễn Chí Thanh	
1682	NGUYỄN TRƯỞNG QUANG	02/05/1975	X		128/284 Nguyễn Chí Thanh	
1683	VŨ THỊ BÍCH LIÊN	08/02/1975		X	016 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1684	NGUYỄN THỊ MỸ HOAN	25/10/1951		X	016 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1685	VŨ ĐIỆP	16/10/1945	X		016 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1686	NGUYỄN XUÂN MINH	07/09/1980	X		209 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1687	NGUYỄN LẠC THANH PHƯƠNG	23/07/1983		X	209 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1688	NGUYỄN THỊ THỦY	16/06/1966		X	001 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1689	GIANG TRẮC HẢO	26/08/1991	X		001 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1690	GIANG MỸ YẾN	04/03/1995		X	001 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1691	LÂM XƯƠNG CHÁP	09/10/1933	X		324 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1692	LÂM THANH CƯỜNG	12/10/1962	X		324 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1693	VŨ THỊ BÍCH LIÊN	08/02/1975		X	016 lô M c/c Ngô Gia Tự	
1694	VŨ ĐIỆP	16/10/1945	X		016 lô M c/c Ngô Gia Tự	
1695	TRẦN MINH SƠN	07/11/1957	X		025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1696	TRỊNH TRUNG HIỆU	23/05/2000	X		025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1697	TRỊNH NGỌC KIM TRÂM	23/08/1992		X	025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1698	LÊ THỊ TUYẾN	02/04/1959		X	025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1699	TRẦN THỊ THANH TUYẾN	06/03/1984		X	025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1700	TRẦN THỊ THANH TÂM	18/01/1992		X	025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1701	LÊ KIM THỦY	16/10/1964		X	025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1702	LÊ THỊ HỒNG HOA	07/02/1956		X	33B Trần Nhân Tôn	
1703	LÊ ANH DŨNG	04/09/1955	X		33B Trần Nhân Tôn	
1704	LÊ THỤY PHƯƠNG ANH	09/03/1996		X	33B Trần Nhân Tôn	
1705	LÊ THỤY PHƯƠNG LINH	19/12/1978		X	33B Trần Nhân Tôn	
1706	LÊ THỤY PHƯƠNG TRẦN	24/11/1981		X	33B Trần Nhân Tôn	
1707	NGUYỄN VĂN HIỀN	27/03/1961	X		137 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1708	PHẠM THỊ NGÀ	16/10/1962		X	137 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1709	NGUYỄN THỊ THU TRANG	10/09/1981		X	137 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1710	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/08/1985		X	137 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1711	NGUYỄN THỊ THU THỦY	12/02/1988		X	137 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1712	ĐẶNG VĂN NĂM	01/10/1965	X		11 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1713	NGUYỄN THỊ ĐƯỢC	23/07/1964		X	11 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1714	ĐẶNG VŨ TUẤN	27/09/1989	X		11 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1715	ĐẶNG NGUYỄN ANH TÚ	16/06/1994	X		11 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1716	NGUYỄN VĂN NINH	02/07/1971	X		124 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1717	LÊ THỊ TUYẾT DUNG	08/08/1964		X	229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1718	LÊ HOÀNG LOAN	09/07/1993		X	229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1719	ĐẶNG THANH THỦY	17/05/1991		X	229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1720	ĐẶNG LÊ ANH TRÚC	22/10/1994		X	229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1721	ĐẶNG LÊ ANH TRUNG	01/12/1999	X		229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1722	HỒ KIẾN BÌNH	02/10/1971		X	229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1723	PHẠM MINH KHUÔNG	06/07/1992	X		229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1724	LÊ THỊ TUYẾT DẪN	30/07/1974		X	229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1725	LÊ CHÍ DŨNG	02/09/1972	X		229 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1726	TRỊNH KỶ VI	01/06/1966	X		301 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1727	PHẠM THỊ THƯƠNG	15/02/1972		X	301 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1728	TRỊNH DIỆU TÔNG	06/04/2002	X		301 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1729	TCHENG KỶ TCHEONG	29/10/1948	X		301 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1730	HUỲNH VĂN MUỐI	01/03/1955	X		87 Trần Nhân Tôn	
1731	LÊ THỊ HỒNG	1982		X	87 Trần Nhân Tôn	
1732	TRẦN THỊ TRI	12/12/1949		X	87 Trần Nhân Tôn	
1733	HUỲNH THANH PHONG	21/02/1977	X		87 Trần Nhân Tôn	
1734	HUỲNH THỊ MỸ PHƯƠNG	24/11/1979		X	87 Trần Nhân Tôn	
1735	HUỲNH THỊ MỸ THU	05/06/1975		X	87 Trần Nhân Tôn	
1736	LÊ NGUYỄN QUỐC BÌNH	17/12/1987	X		331 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1737	PHẠM THỊ NỊ NỊ	08/03/1983		X	331 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1738	TẤT UYÊN NHI	15/04/1985		X	336 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
1739	VĂN NGÀ	29/08/1959		X	336 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1740	TẮT NGUU TƯ	1954	X		336 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
1741	TẮT BÌNH NHƯỘC	14/07/1989	X		336 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
1742	TẮT UYÊN HÒA	1992		X	336 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
1743	TỬ KIM PHỤNG	10/06/1960		X	203 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1744	LONG VĨ TRƯỞNG	27/10/1981	X		203 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1745	ĐẶNG TÊ BIÊN	24/04/1955		X	203 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1746	PHAN THỊ THÙY VÂN	13/01/1985		X	203 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1747	TRẦN THỊ BA	08/03/1944		X	128 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1748	DUƠNG HOANG DIỄM LINH	10/04/1990		X	128 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1749	TRẦN THỊ TUYẾT	01/07/1958		X	128 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1750	CHẾ TUYẾT VÂN	09/05/1962		X	128 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1751	CHẾ THANH VŨ	01/09/1970	X		128 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1752	CHẾ TẤN VẠN	01/07/1972	X		128 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1753	TRƯƠNG THỠ MỸ PHƯƠNG	19/10/1972		X	201 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1754	LÊ MINH NHẬT	23/06/2000	X		201 LÔ N Ngõ Gia Tự	
1755	DUƠNG TỶ PHƯƠNG	08/01/1955		X	213 LÔ M Ngõ Gia Tự	
1756	VĂN SANG HÀNG	01/03/1958		X	338 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1757	NGUYỄN VĂN MINH	05/09/1969	X		141/4 Trần Nhân Tôn	
1758	NGUYỄN THỊ LỆ UYÊN	01/03/1973		X	141/4 Trần Nhân Tôn	
1759	NGUYỄN MINH LONG	13/06/1999	X		141/4 Trần Nhân Tôn	
1760	NGUYỄN NGỌC MINH PHƯƠNG	08/01/1994		X	141/4 Trần Nhân Tôn	
1761	CHÂU VĂN ĐỨC	09/04/1944	X		215 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1762	CHÂU ĐỨC PHÚ	21/08/1973	X		215 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1763	CHÂU ĐỨC PHONG	17/09/1970	X		215 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1764	CHÂU ĐỨC ĐẠT	21/06/1976	X		215 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1765	HỒNG THỊ KIM	28/02/1948		X	329 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1766	DIỆP QUÊ TRẦN	13/05/1983		X	329 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1767	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	07/02/1964	X		336 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
1768	HUỲNH THỊ ÁI	20/04/1946		X	336 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
1769	NGUYỄN TỬ ANH	15/08/1974		X	336 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
1770	NGUYỄN ANH VŨ	18/03/1981	X		336 LÔ M C/C Ngõ Gia Tự	
1771	NGUYỄN ĐỨC PHONG	04/11/1934	X		206 Sư Vạn Hạnh	
1772	VŨ BÍCH HỒNG	17/11/1935		X	206 Sư Vạn Hạnh	
1773	NGUYỄN ĐỨC TÀI	12/11/1972	X		109 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1774	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUỲNH	22/09/1975		X	109 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1775	LÊ VĂN MINH	03/08/1957	X		039 Lô N c/c Ngõ Gia Tự	
1776	LÊ VĂN THỊ	27/04/1975	X		039 Lô N c/c Ngõ Gia Tự	
1777	LÊ VĂN TÍN	1968	X		039 Lô N c/c Ngõ Gia Tự	
1778	TRƯƠNG KHÁC PHÁT	25/05/1961	X		203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1779	PHÙNG THỊ THU HÀNG	18/05/1975		X	203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1780	PHÙNG VĂN BẰNG	11/04/1970	X		203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1781	PHÙNG PHƯỚC ĐOÀN	20/12/1974	X		203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1782	PHÙNG LÂM NGÂN	01/11/1977	X		203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1783	NGUYỄN THỊ NGHĨA	06/08/1980		X	203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1784	TRƯƠNG THỊ CÚC	23/12/1956		X	203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1785	PHÙNG THỊ ĐƯỢC	02/06/1948		X	203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1786	NGUYỄN THỊ HẠNH	15/10/1955		X	203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1787	NGUYỄN THỊ KIM KHUÊ	21/01/1998		X	203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
1788	NGUYỄN VĂN HẢO	18/05/1958	X		109 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1789	TRƯƠNG THỊ NHIỀU	20/06/1961		X	109 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1790	NGUYỄN THIÊN THANH	24/01/1990	X		109 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1791	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	26/02/1988		X	109 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
1792	SŨ THỊ YẾN	18/08/1960		X	217 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1793	HÀ PHONG VŨ	10/11/1984	X		217 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
1794	NGUYỄN MINH TRÍ	06/10/1989	X		113 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1795	NGUYỄN CAO MINH	23/03/1992	X		113 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
1796	VŨ HOÀNG SƠN	21/04/1964	X		327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1797	PHẠM NGỌC HẠNH	03/02/1963		X	327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1798	PHAN THỊ LỆ THỦY	29/01/1978		X	327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1799	VŨ NGỌC HỒNG	08/05/1982		X	327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1800	VŨ HOÀNG HẢI	24/12/1990	X		327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1801	TRẦN PHƯỚC THÀNH	18/09/1983	X		327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1802	VŨ THỊ NGỌC BÍCH	31/07/2000		X	327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1803	VŨ HOÀNG LONG	25/07/1943	X		327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1804	VŨ THỊ LỆ THU	04/04/1967		X	327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1805	VŨ HOÀNG LÂM	10/10/1969	X		327 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1806	NGÕ GIA CUỒNG	10/02/1967	X		037 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1807	NGÕ NHƯ THẢO	1983		X	037 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1808	NGUYỄN THỊ BÚP	1937		X	037 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
1809	CAO THỊ MỸ QUYÊN	30/04/1970		X	037 lô M C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1810	NGÔ GIA HUY	04/06/2001	X		037 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1811	NGÔ BÍCH LIÊN	1959		X	037 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1812	NGÔ BÍCH PHƯỢNG	1969		X	037 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1813	NGUYỄN THỊ CÚC	10/12/1949		X	032 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1814	PHAN HOÀNG CHUÔNG	16/11/1986	X		032 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1815	NGUYỄN THỊ SANG	21/12/1956		X	032 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1816	BÙI BẠCH ĐĂNG	07/08/1949	X		222/3 Sư Vạn Hạnh	
1817	NGUYỄN NGỌC ĐÀ	03/05/1953		X	222/3 Sư Vạn Hạnh	
1818	BÙI THANH TRÚC	14/07/1989		X	222/3 Sư Vạn Hạnh	
1819	HUỲNH VĂN THANH	09/01/1952	X		245/1A Hòa Hảo	
1820	NGUYỄN THỊ THANH LAN	05/02/1963		X	245/1A Hòa Hảo	
1821	HUỲNH NGỌC YẾN NHƯ	17/06/1999		X	245/1A Hòa Hảo	
1822	HUỲNH THỊ THÚY HIỀN	13/12/1981		X	245/1A Hòa Hảo	
1823	DIỆP THỊ TÂN	24/07/1951		X	226/9 Sư Vạn Hạnh	
1824	VƯƠNG ĐÌNH KHÁNH NHƯ	20/02/1987		X	226/9 Sư Vạn Hạnh	
1825	VƯƠNG ĐÌNH YẾN NHI	13/10/1989		X	226/9 Sư Vạn Hạnh	
1826	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	30/07/1964		X	46/3D Nguyễn Chí Thanh	
1827	HUỲNH THỊ THÚY AN	06/08/1989		X	46/3D Nguyễn Chí Thanh	
1828	TRẦN VĂN LỢI	09/11/1950	X		46/3D Nguyễn Chí Thanh	
1829	TRẦN DUY BÌNH	06/09/1988	X		46/3D Nguyễn Chí Thanh	
1830	TRẦN DUY AN	17/09/1984	X		46/3D Nguyễn Chí Thanh	
1831	NGUYỄN QUỐC TOÀN PHƯỚC	19/06/1999	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1832	NGUYỄN QUỐC TUẤN	31/12/1976	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1833	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	10/06/1971	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1834	NGUYỄN QUỐC LONG	04/05/1974	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1835	PHẠM TÂN TÀI	17/04/1975	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1836	MÃ TIÊU LINH	06/02/1934		X	225 Lô o c/c Ngô Gia Tự	
1837	LÝ CHI VĂN	23/10/1959		X	225 Lô o c/c Ngô Gia Tự	
1838	MÃ THỊ OANH	30/07/1964		X	225 Lô o c/c Ngô Gia Tự	
1839	MÃ VĂN MINH	25/09/1966	X		225 Lô o c/c Ngô Gia Tự	
1840	MAI THỊ ANH	18/04/1956		X	106 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1841	NGUYỄN THỊ KIM ANH	22/09/1986		X	106 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1842	NGUYỄN THỊ KIM CHI	14/04/1980		X	106 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1843	BÀNG THỊ BÉ HAI	15/10/1957		X	030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1844	ĐẶNG HOÀNG MINH	25/08/1986	X		030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1845	BÀNG THANH YẾN	25/06/1999		X	030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1846	BÀNG THANH TÀI	29/09/1994	X		030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1847	NGUYỄN THỊ KIM SA	10/10/1993		X	030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1848	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG	14/08/1984	X		030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1849	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	08/07/1991		X	030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1850	BÀNG VĂN TỰ	09/10/1972	X		030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1851	BÀNG THỊ BÉ BA	06/05/1968		X	030 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1852	LIÊU TÔNG HẢO	01/01/1979	X		306 Lô P C/C Nguyễn Kim	
1853	TRẦN NGỌC KHÔI	26/01/1951	X		318 LÔ M Ngô Gia Tự	
1854	NGUYỄN THỊ THANH NGA	15/07/1957		X	318 LÔ M Ngô Gia Tự	
1855	TRẦN NGỌC PHƯƠNG THU	11/10/1982		X	318 LÔ M Ngô Gia Tự	
1856	NGUYỄN VŨ HOÀNG	16/06/1981	X		318 LÔ M Ngô Gia Tự	
1857	ĐỖ NGỌC THUY	11/05/1968		X	118 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1858	NGUYỄN ÁI LONG	06/03/1969	X		118 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1859	NGUYỄN ÁI ĐỨC HUY	19/12/1995	X		118 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1860	BÙI THỊ THANH THU	15/10/1959		X	214 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1861	BÙI NGUYỄN THANH NGÂN	04/10/2001		X	214 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1862	NGUYỄN THỊ HOA	07/03/1962		X	214 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1863	NGUYỄN THỊ HUÊ	03/03/1954		X	312 LÔ N Ngô Gia Tự	
1864	TRẦN VĂN TIỀN	03/07/1956	X		312 LÔ N Ngô Gia Tự	
1865	TRẦN NGỌC MINH	21/08/1991		X	312 LÔ N Ngô Gia Tự	
1866	NGUYỄN THỊ NGỌC RỰC	30/06/1958		X	230 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1867	NGUYỄN NHƯ THẠCH THẢO	28/08/1992		X	230 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1868	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG THẢO	23/11/1984		X	230 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1869	MAC HÒA	09/09/1953	X		302 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1870	LÊ THỊ VÀNG	03/04/1955		X	223 LÔ O Ngô Gia Tự	
1871	NGÔ MỘNG NGA	14/06/1963		X	215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1872	TRẦN ĐOÀN THÁI DƯƠNG	27/01/1993		X	215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1873	TRỊNH HỒNG ẮN	24/10/1995	X		215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1874	NGÔ THỊ CÂN	12/02/1941		X	215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1875	VĂN MINH TRÍ	17/10/1962	X		215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1876	VĂN THIÊN VŨ	08/02/1994	X		215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1877	NGÔ GIA BẢO	24/02/1990		X	215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1878	ĐOÀN MỘNG THU	23/06/1961	X		215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1879	BÙI NGỌC DIỆP	22/06/1977		X	215 lô M C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1880	ĐOÀN VĂN HÙNG	18/04/1969	X		215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1881	ĐOÀN KIM CHI	28/07/1966		X	215 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1882	NGUYỄN THỊ PHỤNG	31/08/1957		X	220 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1883	PHẠM THỊ NGỌC PHƯỢNG	18/01/1981		X	220 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1884	LÊ CẨM TUẤN	06/07/1978	X		220 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1885	MAI THỊ LIÊN	20/10/1950		X	303 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
1886	LƯU MAI BÍCH PHƯỢNG	12/07/1991		X	303 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
1887	LÊ THỊ HUỆ	06/09/1958		X	318 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1888	MAI VĂN MINH	25/10/1954	X		318 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1889	MAI THỊ NGỌC TÂM	04/09/1980		X	318 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1890	NGUYỄN VĂN CỌP	29/10/1950	X		245 Hòa Hảo	
1891	NGUYỄN MỘNG ĐEP	1988		X	245 Hòa Hảo	
1892	NGÔ HOÀNG NHÂN THIÊN	29/10/1995	X		245 Hòa Hảo	
1893	ĐOÀN THỊ HỒNG HẠNH	03/02/1952		X	245 Hòa Hảo	
1894	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG CAN	26/09/1972	X		245 Hòa Hảo	
1895	NGUYỄN THỊ LAN	14/01/1965		X	245/11 Hòa Hảo	
1896	BÙI VĂN TƯƠI	20/05/1968	X		245/11 Hòa Hảo	
1897	BÙI MINH THÚY	26/10/1996		X	245/11 Hòa Hảo	
1898	BÙI MINH DŨNG	21/09/1990	X		245/11 Hòa Hảo	
1899	NGUYỄN THỊ MỸ	24/12/1921		X	161 Trần Nhân Tôn	
1900	HÀN MINH ĐỨC	27/07/1959	X		161 Trần Nhân Tôn	
1901	HÀN THỊ LAN PHƯƠNG	24/07/1953		X	161 Trần Nhân Tôn	
1902	CÔNG THỊ TRAI	02/05/1955		X	308 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1903	HỒ VĂN NGỌC	22/09/1955	X		308 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1904	HỒ CÔNG THẾ TRƯỜNG	13/09/1984	X		308 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1905	HỒ CÔNG THUY NIÊN TRƯỜNG	25/06/1982		X	308 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1906	LÊ HOÀNG CHÁNH	04/08/1982	X		308 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1907	PHAN THỊ CẨM HỒNG	25/01/1953		X	135 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1908	VÕ VĂN SÁU	10/04/1941	X		135 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1909	NGUYỄN PHỤNG HOÀNG ANH THƯ	05/04/1976		X	135 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1910	VÕ THỊ HỒNG NGỌC	15/01/1993		X	135 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1911	NGUYỄN PHONG ĐIỀN	28/10/1963	X		004 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
1912	ĐƯƠNG BẠCH NƯƠNG	30/01/1962		X	224 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
1913	ĐƯƠNG VĂN HẬU	16/01/1990	X		224 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
1914	NGUYỄN VĂN THANH	17/12/1959	X		306 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1915	HỖNH THỊ THU	25/06/1967		X	306 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1916	NGUYỄN HỖNH GIA LUẬT	31/01/2002	X		306 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
1917	TÀNG DỊCH VẦY	24/09/1973	X		008 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
1918	PHẠM HỒ TẤN PHÁT	07/01/2001	X		008 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
1919	HỒ PHỤNG	01/12/1975		X	008 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
1920	TRẦN THỊ QUỐI	10/02/1961		X	010 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1921	LÂM VĨNH PHƯỚC	02/10/1988	X		010 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1922	LÂM NGỌC HƯƠNG	28/11/1985		X	010 lô O C/C Ngô Gia Tự	
1923	NGUYỄN VĂN NGỌC	06/08/1961	X		105 LÔ O 105 LÔ O	
1924	DIỆP MỸ CHU	03/02/1960		X	105 LÔ O 105 LÔ O	
1925	NGUYỄN DIỆP THANH THẢO	31/12/1992		X	105 LÔ O 105 LÔ O	
1926	NGUYỄN DIỆP HOÀNG NAM	02/08/1987	X		105 LÔ O 105 LÔ O	
1927	NGUYỄN THỊ LÝ	20/08/1953		X	105 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
1928	ĐINH VĂN THẠCH	22/08/1965	X		105 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
1929	ĐINH VĂN BIỂU	10/04/1968	X		105 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
1930	NGUYỄN HUY HÒA	23/10/1957	X		302 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1931	NGUYỄN THỊ THÀNH	04/12/1960		X	302 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1932	NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN	28/07/1998		X	302 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1933	NGUYỄN THỊ THÚY HƯƠNG	21/07/1985		X	302 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1934	HỒ PÁC NIN	15/02/1962	X		012 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1935	LƯU TỬ THAI	02/11/1966		X	012 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1936	HỒ THIỀU MINH	26/02/1993	X		012 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1937	NGUYỄN HỒ KIM LONG	25/03/1988	X		012 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1938	LÂM QUỐC SIÊU	30/07/1972	X		218 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1939	LÂM NHỊ MUỐI	10/10/1951		X	218 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1940	LÊ THỊ HỒNG THẨM	09/03/1985		X	218 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1941	LÂM QUỐC HUY	14/08/1982	X		218 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1942	LƯU TRI	26/12/1943	X		113 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1943	NGUYỄN VĂN HUY	03/11/1969	X		442/20 Sư Vạn Hạnh	
1944	LÊ THỊ THỦY TIỀN	22/06/1973		X	442/20 Sư Vạn Hạnh	
1945	NGUYỄN QUANG HIẾN	15/07/1997	X		442/20 Sư Vạn Hạnh	
1946	NGUYỄN MINH THẢO	04/03/1992		X	442/20 Sư Vạn Hạnh	
1947	NGUYỄN NHẬT THẢO	04/03/1992		X	442/20 Sư Vạn Hạnh	
1948	LÂM THỊ MAI	07/06/1958	X		323 lô O c/c Ngô Gia Tự	
1949	TRẦN THU THẢO	22/04/1983		X	323 lô O c/c Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1950	TRẦN HOÀNG THUẬN	14/05/1980	X		323 lô O c/c Ngô Gia Tự	
1951	HỒ THỊ BÔNG	22/08/1935		X	109 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1952	DIỆP HỒ HỮU ĐỨC	22/03/1979	X		109 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1953	PHẠM THỊ ÁNH HIỀN	26/03/1980		X	109 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1954	HỒ NGỌC LAN	28/02/1957		X	109 lô N C/C Ngô Gia Tự	
1955	NGÔ TUẤN LONG	24/08/1978	X		213 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
1956	NGÔ TỬ YÊN	23/07/1984		X	213 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
1957	NGUYỄN HỒNG CHÂM	08/02/1961		X	035 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1958	PHAN VĂN THANH	04/04/1957	X		035 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1959	LỤC YẾN OANH	13/03/1990		X	035 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1960	ĐÀO THỊ CHÁNH	26/10/1943		X	212 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1961	VŨ THỊ KIM ĐAN	25/09/1974		X	212 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1962	LÊ THỊ HẰNG	15/05/1976		X	212 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1963	NGUYỄN VŨ QUỐC THẮNG	15/06/2001	X		212 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1964	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	02/12/1974	X		212 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1965	NGUYỄN ĐỨC TỎAN	06/02/1973	X		212 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1966	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	12/08/1954	X		159 Trần Nhân Tôn	
1967	NGUYỄN HỒNG THỤY VY	03/03/1996		X	159 Trần Nhân Tôn	
1968	NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	29/10/1955		X	159 Trần Nhân Tôn	
1969	NGUYỄN HỒNG THỦY MY	19/03/1986		X	159 Trần Nhân Tôn	
1970	TRƯƠNG VĂN BẰNG	10/10/1950	X		335 LÔ M Ngô Gia Tự	
1971	NGUYỄN THỊ CÚC	14/02/1958		X	335 LÔ M Ngô Gia Tự	
1972	NGUYỄN THỊ PHẢI	10/05/1954		X	335 LÔ M Ngô Gia Tự	
1973	HUỲNH CHIỀU TÂM	20/08/1970	X		331 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1974	HUỲNH MẠNH HÙNG	23/07/1954	X		245/5 Hòa Hào	
1975	HỨA HỒNG VÂN	18/06/1989		X	245/5 Hòa Hào	
1976	NGUYỄN HUỲNH TUẤN NGHĨA	04/03/2000	X		245/5 Hòa Hào	
1977	LÊ THỊ MINH	10/01/1959		X	245/5 Hòa Hào	
1978	HUỲNH BÀ SANG	26/07/1990	X		245/5 Hòa Hào	
1979	NGUYỄN THANH TRUNG	29/11/1976	X		245/5 Hòa Hào	
1980	BÙI VĂN KÍNH	08/03/1938	X		309 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1981	BÙI THỊ PHƯƠNG HẠNH	16/07/1965		X	309 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1982	BÙI THỊ PHƯƠNG DUNG	24/11/1963		X	309 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1983	BÙI NGỌC TỬ	27/10/1983		X	309 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1984	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	20/06/1967		X	309 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
1985	VĂN THỊ HỒNG VÂN	24/12/1969		X	66A Hùng Vương	
1986	VĂN TRUNG	22/03/1965	X		66A Hùng Vương	
1987	VĂN TRUNG LUÂN	07/11/1995	X		66A Hùng Vương	
1988	VĂN THÀNH ĐẠT	09/10/2001	X		66A Hùng Vương	
1989	VĂN THÀNH TÝ	09/10/2001	X		66A Hùng Vương	
1990	HUỲNH CÔNG LUẬN	14/04/1961	X		334 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
1991	LÊ VĂN QUYỀN	17/11/1963	X		039 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1992	LÊ THANH PHƯƠNG TÂM	18/04/1991	X		039 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1993	LÊ THANH PHƯƠNG	10/06/1989	X		039 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
1994	ĐỖ THỊ LÃ	10/11/1941		X	021 lô M C/C Ngô Gia Tự	
1995	BÙI VĂN BÍCH	25/05/1960	X		105 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
1996	NGUYỄN THANH HỒNG	06/05/1960		X	105 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
1997	LÂM THỊ PHƯỚC	16/08/1957		X	46/7B Nguyễn Chí Thanh	
1998	BÙI THỊ TUYẾT MAI	24/02/1987		X	46/7B Nguyễn Chí Thanh	
1999	LƯU HOÀNG LONG	06/09/1983	X		46/7B Nguyễn Chí Thanh	
2000	LƯU HOÀNG KHANH	28/03/1989	X		46/7B Nguyễn Chí Thanh	
2001	LƯU HOÀNG MINH	08/08/1962	X		46/7B Nguyễn Chí Thanh	
2002	LƯU HOÀNG QUỶ	28/07/2002	X		46/7B Nguyễn Chí Thanh	
2003	KUÛ MỸ LỆ	29/08/1966		X	46/7B Nguyễn Chí Thanh	
2004	LƯU HOÀNG TÍN	28/10/1996	X		46/7B Nguyễn Chí Thanh	
2005	LƯU HOÀNG CHÍNH	29/11/1965	X		46/7B Nguyễn Chí Thanh	
2006	NGUYỄN DUY VINH	08/12/1972	X		46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2007	NGUYỄN DUY HIẾU	20/11/1977	X		46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2008	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	08/09/1966	X		46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2009	NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG	10/05/1983		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2010	LÊ THỊ CHÍNH	07/02/1962		X	336 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2011	LÂM NGỌC THANH NHẢ	24/08/1989		X	336 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2012	LÊ THỊ LỆ	21/05/1959		X	010 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2013	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	16/12/1987		X	010 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2014	PHẠM HOÀNG DŨNG	15/04/1978	X		010 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2015	HOÀNG THỊ THANH	13/10/1948		X	74 Nguyễn Chí Thanh	
2016	TRƯƠNG THANH HÀ	30/01/1978		X	74 Nguyễn Chí Thanh	
2017	LƯU YẾN MỸ	20/12/1975		X	245/17 Hòa Hào	
2018	NGUYỄN HỮU ĐOÀN	18/02/1989	X		145 Trần Nhân Tôn	
2019	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	01/09/1979		X	145 Trần Nhân Tôn	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2020	NGUYỄN THỊ THU THẢO	17/11/1981		X	145 Trần Nhân Tôn	
2021	LÊ THANH CẢNH	14/03/1970	X		145 Trần Nhân Tôn	
2022	LƯU TƯỜNG VY	09/05/1997		X	018 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2023	TRƯƠNG THỊ LỢI	07/11/1954		X	313 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2024	TRƯƠNG TÔ HÀ	28/05/1957	X		313 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2025	TRƯƠNG THỊ THU NGUYỆT	16/06/1982		X	313 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2026	TRƯƠNG ANH HOÀNG	13/07/1984	X		313 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2027	TRƯƠNG ANH VŨ	24/10/1980	X		313 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2028	TRẦN THỊ HOA	11/05/1967		X	222/5 Sư Vạn Hạnh	
2029	TRẦN ĐÌNH TUẤN	11/10/1961	X		222/5 Sư Vạn Hạnh	
2030	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	30/04/1989	X		222/5 Sư Vạn Hạnh	
2031	TRẦN ĐÌNH SỰ	24/11/1993	X		222/5 Sư Vạn Hạnh	
2032	TRẦN NHƯ Ý	18/11/2002		X	222/5 Sư Vạn Hạnh	
2033	NGUYỄN THỊ HAI	10/12/1937		X	333 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2034	NGUYỄN NGỌC NHI	01/03/2001		X	333 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2035	NGUYỄN ĐỨC HUY	19/06/1996	X		333 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2036	LƯU KIỀU KHANH	07/09/2000		X	333 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2037	NGUYỄN THỊ TRANG	24/12/1974		X	333 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2038	NGUYỄN THỊ KIM CHI	08/10/1968		X	333 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2039	NGUYỄN THỊ MAI THẢO	14/12/1977		X	333 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2040	HỒ THỊ TỎI	05/05/1954		X	321 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2041	HỒ THỊ NHẠN	03/12/1980		X	321 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2042	HỒ HẢI ĐĂNG	05/04/1977	X		321 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2043	HỒ THỊ THÚY HẰNG	08/01/1981		X	321 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2044	VÕ THỊ SÁNG	20/12/1952		X	104 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2045	NGÔ ĐỨC TIẾN	18/11/1994	X		104 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2046	NGÔ ĐÌNH DŨNG	30/01/1972	X		104 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2047	NGÔ THỊ KIM LOAN	20/03/1970		X	104 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2048	NGÔ ĐÌNH TUẤN	20/02/1975	X		104 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2049	NGÔ ĐÌNH TRUNG	29/04/1976	X		104 lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2050	LÊ THỊ MẪN	17/04/1962		X	245/5 Hòa Hảo	
2051	NGUYỄN THỊ HÀ	29/12/1984		X	245/5 Hòa Hảo	
2052	TRƯƠNG TUYẾT VÂN	11/11/1987		X	245/5 Hòa Hảo	
2053	TRƯƠNG QUỐC KHÁNH	28/08/1984	X		245/5 Hòa Hảo	
2054	TRẦN THỊ HIỀN	06/12/1966		X	026 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2055	PHẠM TRẦN MẠNH TUẤN	22/02/1993	X		026 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2056	NGUYỄN THỊ MINH THIÊN	25/04/1954		X	173 Trần Nhân Tôn	
2057	NGUY TỎ	13/08/1945	X		173 Trần Nhân Tôn	
2058	VŨ KIM HẠO	25/06/1967		X	208 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2059	VƯƠNG PHỤC TIẾN	17/07/1963	X		208 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2060	VƯƠNG VŨ THANH XUÂN	25/06/2002		X	208 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2061	VƯƠNG VŨ TỨC	07/01/1993	X		208 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2062	PHẠM VĂN QUỲ	12/01/1966	X		245/15 Hòa Hảo	
2063	PHẠM THỊ THANH TUYỀN	24/02/1996		X	245/15 Hòa Hảo	
2064	ĐẶNG THỊ AN	19/05/1966		X	144 Nguyễn Chí Thanh	
2065	DƯƠNG MINH ĐẠT	16/07/1962	X		321 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2066	NGUYỄN THỊ HÒA	10/08/1967		X	321 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2067	DƯƠNG MINH PHÚ	13/09/1992	X		321 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2068	DƯƠNG NGUYỄN BẢO TRẦN	17/12/1996		X	321 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2069	DƯƠNG NGUYỄN KIM NGÂN	17/12/1996		X	321 Lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2070	NGUYỄN THỊ HUỆ	08/03/1951		X	040 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2071	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	05/03/1982	X		040 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2072	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	25/06/1994		X	040 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2073	NGUYỄN TRUNG HÙNG	10/04/1970	X		120 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2074	NGUYỄN THỊ KIM THU	14/10/1970		X	120 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2075	NGUYỄN NHẬT TÂN	17/03/1998	X		120 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2076	NGUYỄN TRUNG KIM UYÊN	18/08/1999		X	120 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2077	NGUYỄN TRUNG KIM TUYỀN	24/01/2001		X	120 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2078	TRẦN THỊ HẰNG	23/09/1970		X	238 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2079	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	16/03/1997		X	238 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2080	NGUYỄN HỮU TUẤN	18/10/1992	X		238 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2081	NGUYỄN THỊ TUYẾT	28/10/1961		X	003 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2082	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	01/08/1978		X	003 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2083	LÂM NGỌC SANG	20/09/1963	X		003 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2084	LÂM NGỌC TƯỜNG MINH	23/10/1995		X	003 Lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2085	LÊ KIM TÙNG	02/12/1958	X		245/3 Hòa Hảo	
2086	PHẠM THỊ HỒNG THU	20/06/1990		X	245/3 Hòa Hảo	
2087	VŨ THỊ THÚY VY	27/07/1995		X	245/3 Hòa Hảo	
2088	NGUYỄN THỊ ỨT	09/03/1958		X	245/3 Hòa Hảo	
2089	LÊ THỊ THÚY HẰNG	18/12/1980		X	245/3 Hòa Hảo	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2090	LÊ HỮU PHƯỚC	29/08/1984	X		245/3 Hòa Hảo	
2091	NGUYỄN THỊ KIM HOA	08/03/1962		X	319 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2092	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	19/02/1997		X	319 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2093	NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC	19/05/2001	X		319 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2094	NGUYỄN VĂN THANH	25/10/1970	X		245/1 Hòa Hảo	
2095	ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG	30/05/1970		X	245/1 Hòa Hảo	
2096	NGUYỄN MINH TÚ	29/08/1993	X		245/1 Hòa Hảo	
2097	NGUYỄN MINH TRẦN	24/09/2001	X		245/1 Hòa Hảo	
2098	TỬ NGỌC HOÀN	16/05/1957		X	216 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2099	NGUYỄN PHƯƠNG TUYẾT	1955		X	231 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2100	NGUYỄN NGỌC HẢI	31/12/1962		X	231 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2101	NGUYỄN PHƯƠNG TOÀN	09/01/1986	X		231 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2102	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRÂM	17/01/1988		X	231 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2103	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN	1950	X		231 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2104	NGUYỄN PHƯƠNG THUY	04/06/1959		X	231 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2105	ĐỖ THÀNH ĐẠT	25/01/1967	X		104 LÔ O Ngô Gia Tự	
2106	LÊ THỊ DIỆU PHÚ	31/05/1971		X	104 LÔ O Ngô Gia Tự	
2107	ĐỖ PHƯƠNG UYÊN	30/09/2000		X	104 LÔ O Ngô Gia Tự	
2108	TRẦN NÔNG MẠNH	20/02/1930	X		147 Trần Nhân Tôn	
2109	NGUYỄN TRẦN ANH MINH	17/11/2002	X		147 Trần Nhân Tôn	
2110	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	15/05/1943		X	147 Trần Nhân Tôn	
2111	TRẦN MINH HẰNG	18/09/1970		X	147 Trần Nhân Tôn	
2112	LÊ VĂN XANH	17/03/1967	X		245/21 Hòa Hảo	
2113	NGUYỄN THỊ MỸ	25/03/1964		X	245/21 Hòa Hảo	
2114	LÊ THỊ TIẾT NHI	02/02/1998		X	245/21 Hòa Hảo	
2115	NGUYỄN MINH NGỌC	20/11/1965	X		206 lầu 1 Sư Vạn Hạnh	
2116	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	09/03/1970		X	206 lầu 1 Sư Vạn Hạnh	
2117	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG LAN	26/08/1993		X	206 lầu 1 Sư Vạn Hạnh	
2118	PHAN THỊ LỆ	06/02/1956		X	203 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2119	NGUYỄN TÙNG	15/11/1951	X		203 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2120	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	25/02/1994		X	203 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2121	NGUYỄN NGỌC TUẤN	10/12/1985	X		203 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2122	PHẠM CHÍNH NGHĨA	15/10/1963	X		46/2A Nguyễn Chí Thanh	
2123	LÊ THỊ TUYẾT THU	17/04/1963		X	46/2A Nguyễn Chí Thanh	
2124	PHẠM LÊ NHẬT ANH	20/09/1990		X	46/2A Nguyễn Chí Thanh	
2125	PHẠM LÊ THÁI	02/03/1999	X		46/2A Nguyễn Chí Thanh	
2126	LÊ TẤN ĐẠT	24/04/1963	X		308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2127	LÊ THỊ NHƯ LAN	27/01/1991		X	308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2128	NGUYỄN THỊ BÉ	18/01/1939		X	308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2129	TRẦN THỊ XẤU	07/05/1963		X	308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2130	LÊ TẤN ĐƯỢC	08/11/1989	X		308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2131	LÊ TRẦN NGỌC HUYỀN	17/05/1994		X	308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2132	LÊ THÀNH PHÚC	28/02/1965	X		8 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2133	LÊ THÀNH PHƯƠNG	22/10/1993	X		8 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2134	TRẦN PHƯƠNG HẠNH	10/08/1969		X	4 Nguyễn Chí Thanh	
2135	CHÂU MINH NGUYỆT	14/01/1954		X	101 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2136	NGUYỄN HỮU HẢI	11/08/1981	X		101 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2137	LÊ NGỌC LŨY	09/09/1957		X	012 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2138	TẠ KHẢ MÍT	10/02/1963	X		012 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2139	TẠ NGỌC GIÀU	02/01/1983		X	012 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2140	ĐẶNG TUẤN DŨNG	17/12/1970	X		90 Nguyễn Chí Thanh	
2141	ĐÌNH QUANG VIÊN	10/01/1971	X		219 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2142	VŨ XUÂN THÀNH	19/01/1967	X		230 Sư Vạn Hạnh	
2143	TRẦN THỊ KIM LOAN	09/09/1968		X	230 Sư Vạn Hạnh	
2144	VŨ NGỌC QUYỀN	14/05/1997		X	230 Sư Vạn Hạnh	
2145	VŨ NHƯ NHƯ	06/04/2000		X	230 Sư Vạn Hạnh	
2146	VŨ KIM LANG	06/09/1995		X	230 Sư Vạn Hạnh	
2147	NGÔ VĂN THANH	30/04/1965	X		240 Sư Vạn Hạnh	
2148	DIỆP THU TRANG	12/12/1970		X	240 Sư Vạn Hạnh	
2149	NGÔ THANH ANH	22/07/1993	X		240 Sư Vạn Hạnh	
2150	NGÔ THANH THUẬN	15/08/1998	X		240 Sư Vạn Hạnh	
2151	TRẦN HỒNG LONG	13/03/1959	X		141 Trần Nhân Tôn	
2152	TRẦN THỊ MẬU	18/02/1950		X	245/7 Hòa Hảo	
2153	VŨ ĐỨC TRUY	01/08/1944	X		245/7 Hòa Hảo	
2154	VŨ THỊ HOÀNG MAI	03/11/1979		X	245/7 Hòa Hảo	
2155	VŨ THỊ TỔ NGA	26/07/1976		X	245/7 Hòa Hảo	
2156	NGUYỄN THỊ KIỀU NGA	12/08/1969		X	333 LÔ M Ngô Gia Tự	
2157	DIỆP NGUYỄN TÂN SANG	19/07/1993	X		333 LÔ M Ngô Gia Tự	
2158	DIỆP NGUYỄN BAO PHÚC	04/11/2002	X		333 LÔ M Ngô Gia Tự	
2159	HÀ THỊ KIỀU OANH	29/11/1969		X	141A Trần Nhân Tôn	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2160	ĐỖ THỊ KIỀU TRÂM	26/06/1997		X	141A Trần Nhân Tôn	
2161	HỒ THỊ BÉ HAI	15/10/1950		X	141A Trần Nhân Tôn	
2162	VÕ HOÀNG SƠN	07/05/1993	X		141A Trần Nhân Tôn	
2163	HÀ THỊ MỸ LINH	13/12/1973		X	141A Trần Nhân Tôn	
2164	TRẦN THỊ THANH TRÚC	21/10/1974		X	123 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2165	LÊ TRÚCH CHI	17/12/1996		X	123 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2166	LÊ VĂN DŨNG	05/12/1969	X		245/21 Hòa Hảo	
2167	LÊ THỊ NGỌC MỸ	04/1975		X	245/21 Hòa Hảo	
2168	LÊ HOÀNG VŨ	11/05/2001	X		245/21 Hòa Hảo	
2169	LÊ THỊ NGỌC NGA	18/02/1998		X	245/21 Hòa Hảo	
2170	LÊ THỊ NGỌC THÚY	18/02/1998		X	245/21 Hòa Hảo	
2171	LÝ PHƯỚC SƠN	11/11/1970	X		206 lô P c/c Ngô Gia Tự	
2172	NGUYỄN BẢO TRINH	22/06/1986		X	119 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2173	LÊ THÀNH LONG	19/05/1988	X		119 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2174	LÊ HOÀNG VŨ	27/01/1976	X		238 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2175	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	18/05/1958		X	238 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2176	LÊ HOÀNG LONG	14/10/1997	X		238 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2177	LÊ HOÀNG TUYẾT VY	02/05/1996		X	238 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2178	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	16/10/1971	X		104 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2179	PHẠM THỊ MAI	01/01/1979		X	104 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2180	PHẠM THÚY HỒNG	04/04/1973		X	104 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2181	NGUYỄN NHẬT TIẾN	05/10/2002	X		104 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2182	NGUYỄN THÙY TRANG	08/08/1995		X	104 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2183	TRẦN THỊ KIM PHỤNG	11/11/1966		X	101 LÔ P Ngô Gia Tự	
2184	ÀU NGỌC SANG	13/05/1958		X	245/19 Hòa Hảo	
2185	ĐẶNG THỊ BÍCH TUYẾN	07/12/1967		X	216 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2186	DƯƠNG MỸ NGỌC	19/03/1959		X	217 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2187	DƯƠNG ƠN LẬP ĐỨC	07/09/1993	X		217 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2188	DƯƠNG ƠN LẬP NGHĨA	27/04/1992	X		217 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2189	DƯƠNG HÀ NỮ	23/09/1952		X	217 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2190	DƯƠNG CẨM HÙNG	05/12/1961	X		217 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2191	TRƯƠNG NHỰT HẠNG	15/10/1981		X	124 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2192	HUỲNH ĐÌNH LIÊM	11/07/1970	X		014 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2193	HUỲNH NGỌC MAI	02/07/1956		X	242A Sư Vạn Hạnh	
2194	VƯƠNG LƯƠNG PHI	15/11/1962	X		242A Sư Vạn Hạnh	
2195	VƯƠNG HOÀNG THÔNG	28/05/1992	X		242A Sư Vạn Hạnh	
2196	VƯƠNG TUẤN NGHĨA	04/03/1989	X		242A Sư Vạn Hạnh	
2197	VƯƠNG TÍN PHONG	08/02/1996	X		242A Sư Vạn Hạnh	
2198	HUỲNH LANG NỮ	06/07/1951		X	108 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2199	TRẦN NGỌC HÒA	16/12/1973	X		147 Trần Nhân Tôn	
2200	PHẠM THỊ TUYẾT	30/03/1962		X	209 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2201	NGUYỄN ĐỨC HUY	21/08/1999	X		209 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2202	NGUYỄN THỊ TỶ	13/03/1965		X	122 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2203	ĐỖ THANH TÙNG	07/10/1967	X		307 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2204	NGUYỄN THỊ XUÂN NGUYỆT	10/10/1967		X	307 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2205	ĐỖ TÙNG GIA HÙNG	26/07/2002	X		307 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2206	ĐỖ TÙNG XUÂN QUYỀN	09/07/1996		X	307 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2207	TRẦN THỊ VINH	01/12/1938		X	70 Nguyễn Chí Thanh	
2208	ĐẶNG THỊ PHƯỚC	10/10/1972		X	70 Nguyễn Chí Thanh	
2209	PHẠM QUANG HẢO	17/08/1996		X	70 Nguyễn Chí Thanh	
2210	PHẠM BẢO HÂN	13/12/2001		X	70 Nguyễn Chí Thanh	
2211	PHẠM QUANG HÙNG	15/09/1965	X		70 Nguyễn Chí Thanh	
2212	TRẦN CAO VĂN	1953	X		14 Nguyễn Chí Thanh	
2213	TRẦN LÊ NAM THIÊN	1989		X	14 Nguyễn Chí Thanh	
2214	NGUYỄN TRẦN THANH THẢO	1992		X	14 Nguyễn Chí Thanh	
2215	HUỲNH THỊ CHÍN	14/04/1971		X	211 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2216	PHAN THẠCH LONG	29/09/1965	X		211 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2217	PHAN HUỲNH NGỌC DUNG	10/10/1996		X	211 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2218	PHAN HUỲNH NGỌC TIẾN	26/08/1990		X	211 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2219	CAO BÁ PHÚC	07/11/1969	X		317 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2220	NGUYỄN THỊ THU CÚC	14/10/1978		X	322 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2221	TẮT VĂN HƯNG	23/10/1960	X		317 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2222	CHÁU NGỌC MAI	03/12/1960		X	317 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2223	TẮT GIA HÒA	15/01/1991	X		317 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2224	TẮT ĐIỂM SÂM	07/04/1986	X		317 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2225	DƯƠNG KIỆT MINH	10/11/1973	X		220 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2226	PHẠM THỊ LỢI	19/02/1976		X	220 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2227	DƯƠNG THU LINH	17/04/1997		X	220 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2228	DƯƠNG THÚY BÌNH	05/01/2002		X	220 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2229	PHẠM THANH BÌNH	15/03/1965	X		245/11 Hòa Hảo	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2230	NGUYỄN THỊ NGỌC THƠ	06/05/1967		X	245/11 Hòa Hảo	
2231	PHẠM NGUYỄN THÙY NGÂN	25/05/1993		X	245/11 Hòa Hảo	
2232	LÂM THỊ NGUYỆT	07/09/1965		X	220 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2233	LỢI DIỆU THÁI	25/12/2001		X	220 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2234	LÊ VĂN MINH	05/04/1961	X		101 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2235	LÊ THỊ TUYẾT NGÀ	11/12/1964		X	101 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2236	LÊ QUỐC BẢO	07/08/1999	X		101 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2237	NGUYỄN PHÚ ĐỨC	19/04/1979	X		033 Lô N C/C Ngõ Gia Tự	
2238	NGUYỄN VĂN HOANG	19/05/1960	X		315 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2239	ĐẶNG MINH CHÂU	09/07/1992	X		141A Trần Nhân Tôn	
2240	BÀNH TRỤ HUY	20/06/1958	X		013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2241	DƯ HUỆ NHƯ	30/12/1958		X	013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2242	BÀNH CHÂN THANH	24/04/1982	X		013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2243	BÀNH CHÂN QUYÊN	23/10/1987	X		013 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2244	NGUYỄN THU SƯƠNG	1975		X	111 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2245	NGUYỄN THỊ MAI	12/02/1959		X	107 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2246	HUỲNH THỊ KIM XUÂN	03/06/1981		X	107 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2247	NGÔ ĐẮC NGỌC	26/10/1954	X		107 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2248	NGÔ ĐẮC VĂN	10/01/1979	X		107 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2249	NGÔ THỊ PHƯƠNG	26/06/1984		X	107 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2250	NGÔ THỊ LIÊN ANH	08/04/1987		X	107 LÔ P C/C Ngõ Gia Tự	
2251	PHẠM THỊ HƯƠNG	30/06/1961		X	011 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
2252	NGUYỄN PHÚC THỊNH	11/06/1994	X		011 lô n C/C Ngõ Gia Tự	
2253	DƯƠNG CÔNG CHÁNH	20/11/1971	X		124 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2254	TRƯƠNG NHỰT HIỀN	27/02/1972		X	124 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2255	DƯƠNG THÁI HÒA	01/11/1995	X		124 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2256	THÁI THỊ NGỌC XINH	06/02/1980		X	002 lô M C/C Ngõ Gia Tự	
2257	NGUYỄN THỊ LAN	31/07/1952		X	225 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2258	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	03/02/1982		X	225 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2259	NGUYỄN THỊ THANH HỎANG	13/08/1978		X	225 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2260	NGUYỄN THỊ NHUNG	22/04/1961		X	120 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2261	NGÔ HỮU QUI	20/02/1954	X		120 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2262	DƯƠNG HIẾU NHÂN	1975	X		118 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2263	VÔ THỊ PHƯƠNG THẢO	1977		X	118 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2264	DƯƠNG XUÂN CÁC	22/12/1999		X	118 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2265	DƯƠNG XUÂN HẢO	2002		X	118 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2266	DƯƠNG QUỐC MINH	21/07/1968	X		203 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2267	NGUY MỸ KIỀU	28/09/1963		X	177 Trần Nhân Tôn	
2268	TRƯƠNG VĂN HƯƠNG	19/12/1957	X		177 Trần Nhân Tôn	
2269	TRƯƠNG TUẤN HẢO	21/09/1988	X		177 Trần Nhân Tôn	
2270	NGUYỄN THỊ KIM NGÀ	04/11/1982		X	107 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2271	NGUYỄN SƠN VŨ	04/12/1978	X		107 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2272	NGUY VĂN DŨNG	30/04/1977	X		173 Trần Nhân Tôn	
2273	HUỲNH THỊ MAI PHƯƠNG	19/04/1987		X	173 Trần Nhân Tôn	
2274	ĐOÀN NGỌC ĐIỆP	26/12/1964	X		144 Trần Nhân Tôn	
2275	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	25/07/1961		X	144 Trần Nhân Tôn	
2276	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	01/05/1968		X	46/3A Nguyễn Chí Thanh	
2277	VÔ VĂN TRỰC	04/01/1967	X		46/3A Nguyễn Chí Thanh	
2278	VÔ PHƯƠNG NGHI	03/05/2000		X	46/3A Nguyễn Chí Thanh	
2279	NGUYỄN NGỌC THỌ	22/07/1976	X		325 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2280	TRẦN THỊ LÊ NA	1975		X	325 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2281	NGUYỄN THỊ HỘI	01/10/1983		X	325 lô O C/C Ngõ Gia Tự	
2282	ĐẶNG VĂN THAI	17/11/1971	X		222/9 Sư Vạn Hạnh	
2283	TRẦN TRỌNG NGHĨA	18/12/1973	X		110 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2284	PHẠM KIM HƯỜNG	09/12/1980		X	110 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2285	TRẦN KIM LONG	05/05/2000	X		110 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2286	TRẦN KIM PHƯỚC	17/05/1996		X	110 LÔ O C/C Ngõ Gia Tự	
2287	VƯƠNG TỶ	23/07/1969	X		336 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2288	NGUYỄN THỊ NGÀ	07/11/1969		X	336 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2289	VƯƠNG ẠNH ĐÀO	07/04/1992		X	336 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2290	VŨƠNG ẠNH HOA	24/07/2000		X	336 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2291	PHẠM THỊ ĐIỆP	16/06/1967		X	235 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2292	VÔ THỊ HUỲNH NGÂN	18/09/1995		X	235 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2293	NGUYỄN MINH VŨ	17/05/1993	X		235 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2294	NGUYỄN MINH TUẤN	04/09/1991	X		235 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2295	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC TỰ	01/10/1961	X		245A Hòa Hảo	
2296	NINH THỊ BÍCH THẢO	18/08/1966		X	245A Hòa Hảo	
2297	NGUYỄN TRỌNG TÀI	14/02/1989	X		245A Hòa Hảo	
2298	LÊ THANH SƠN	18/10/1985	X		318 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	
2299	LÊ THỊ KIỀU THU	02/05/1986		X	318 LÔ N C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2300	LÊ PHƯỚC	23/10/1975	X		222/3 Sư Vạn Hạnh	
2301	MÃ HÙNG	07/09/1972	X		225 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2302	XINH MINH CHÂU	07/03/1976		X	225 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2303	TRẦN THỊ BÍCH THU	27/09/1969		X	205 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2304	NGUYỄN VĂN TRUNG	07/07/1968	X		205 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2305	NGUYỄN NGỌC ANH	29/08/1996		X	205 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2306	NGUYỄN VINH QUỐC	26/12/1971	X		171 Trần Nhân Tôn	
2307	QUAN QUẾ ANH	20/07/1972		X	171 Trần Nhân Tôn	
2308	NGUYỄN GIA LINH	04/08/2002		X	171 Trần Nhân Tôn	
2309	MÃ VĂN HẢI	19/12/1967	X		225 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2310	HÀ MINH NGUYỆT	11/11/1969		X	225 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2311	TỪ CẢNH	28/06/1962	X		125 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2312	TỔNG ÁI LINH	21/01/1964		X	125 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2313	TỪ CHÍ DỪNG	02/02/1989	X		125 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2314	TỪ CHÍ THÀNH	21/05/1995	X		125 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2315	LÂM THỊ THU THẢO	05/10/1969		X	316 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2316	TÔN THỊ NGỌC HOA	01/10/1992		X	316 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2317	TÔN THỊ NGỌC THƠM	16/09/1990		X	316 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2318	ĐIỆP TÂN QUỐC	25/06/1967	X		025 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2319	TRƯƠNG THỊ THANH TRÂM	28/02/1967		X	025 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2320	NGUYỄN VĂN QUỐC	17/03/1973	X		141/4 Trần Nhân Tôn	
2321	NGÔ THUY CHÂU	29/09/1974		X	141/4 Trần Nhân Tôn	
2322	NGUYỄN NGỌC MINH ÁNH	18/12/2000		X	141/4 Trần Nhân Tôn	
2323	LÊ VINH THÁI	29/05/1972	X		12 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2324	LÊ THỊ DUYỀN	21/06/1976		X	12 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2325	NGUYỄN THỊ KIM MY	10/07/1970		X	234 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2326	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	28/11/1999		X	234 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2327	HỒ NGỌC ĐIỆP	11/05/1971	X		234 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2328	HỒ NGUYỄN ĐĂNG KHOA	16/01/1994	X		234 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2329	NGUYỄN THỊ BẠCH YÊN	24/09/1963		X	001 LÔ m C/C Ngô Gia Tự	
2330	NGUYỄN VĂN HIỀN	03/03/1963	X		214 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2331	NGUYỄN ĐỨC HÒA	25/05/1990	X		214 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2332	CHÂU VĂN THỀM	28/02/1983	X		222/5 Sư Vạn Hạnh	
2333	LÂM NGỌC PHƯỚC THU	22/07/1974		X	206/7 Sư Vạn Hạnh	
2334	NGUYỄN QUỐC TOÀN	20/01/1972	X		206/7 Sư Vạn Hạnh	
2335	NGUYỄN TIỀN THUẬN	26/10/2000	X		206/7 Sư Vạn Hạnh	
2336	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	08/05/1968		X	127 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2337	DƯƠNG MINH TIỀN	17/01/1997	X		127 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2338	HÀN MINH CHÂU	19/01/1953	X		161 Trần Nhân Tôn	
2339	NGUYỄN THUY TRANG	19/05/1984		X	161 Trần Nhân Tôn	
2340	BÙI THUY VÂN HẢI	02/08/1982		X	161 Trần Nhân Tôn	
2341	HÀN MINH THUẬN	21/12/1979		X	161 Trần Nhân Tôn	
2342	HÀN MINH HIẾU	12/02/1982	X		161 Trần Nhân Tôn	
2343	LÊ THÀNH NAM	06/01/1976	X		225 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2344	LÂM NGUYỄN KIỀU OANH	16/07/1976		X	225 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2345	ĐẶNG VĂN SƯƠNG	03/10/1982	X		149 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2346	LÊ THỊ LỆ QUYỀN	26/01/1983		X	149 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2347	DƯƠNG KIẾN MINH	23/02/1976	X		015 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2348	BÙI PHẠM PHƯƠNG NGÀ	17/07/1977		X	015 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2349	DƯƠNG THU BÍCH	18/11/1996		X	015 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2350	DƯƠNG VĂN HÙNG	09/10/1999	X		015 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2351	HUỲNH THỊ NỮ	13/11/1967		X	334 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2352	HUỲNH VĂN HUẤN	25/03/1986	X		334 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2353	ĐÌNH THỊ PHƯỢNG	03/06/1960		X	316 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2354	TRẦN VĂN MỸ	24/01/1962	X		316 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2355	TRẦN PHƯỚC LỘC	02/06/1992	X		316 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2356	ĐỖ THỊ MỸ DUNG	13/07/1974		X	112 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2357	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	29/06/1970	X		112 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2358	NGUYỄN ĐOÀN TUẤN	19/03/2002	X		112 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2359	NGUYỄN HUỲNH TỎ UYÊN	04/06/1970		X	023 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2360	TRẦN THANH LỘC	09/05/1965	X		023 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2361	TRẦN THANH LIÊM	27/04/1993	X		023 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2362	LIU MINH TRÍ	21/05/1982	X		328 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2363	LÊ THỊ MỸ HẠNH	22/05/1984		X	328 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2364	LÝ KIM NGỌC	05/02/1960		X	228 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2365	LIU A PÁU	10/11/1960	X		228 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2366	LIU TẤN PHÁT	02/01/1987	X		228 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2367	LIU TẤN TÀI	31/12/1988	X		228 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2368	VƯƠNG YẾN YẾN	17/05/1968		X	210 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2369	TRƯƠNG VĂN DỪNG	13/04/1968	X		210 lô M C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2370	TRƯƠNG MINH HOÀNG	19/05/1994	X		210 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2371	NGUYỄN TRUNG HIỆU	07/06/1980		X	141/1 Trần Nhân Tôn	
2372	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	05/09/1984	X		141/1 Trần Nhân Tôn	
2373	TRƯƠNG THỊ LÊ ÁNH LOAN	21/05/1969		X	309 LÔ M Ngô Gia Tự	
2374	HỨA THUẬN PHÁT	12/11/1967	X		309 LÔ M Ngô Gia Tự	
2375	HỨA MỸ TRINH	26/09/1993		X	309 LÔ M Ngô Gia Tự	
2376	TRẦN THỊ MINH TRÚC	17/07/1980		X	240 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2377	NGUYỄN MINH TUẤN	30/05/1986	X		240 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2378	NGUYỄN MINH LUÂN	05/05/1989	X		240 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2379	VŨ ĐỨC HIỆP	27/10/1978	X		245/7 Hòa Hảo	
2380	HUỲNH THỊ CẨM	01/10/1979		X	245/7 Hòa Hảo	
2381	VŨ HUỲNH PHƯƠNG TRINH	05/03/2002		X	245/7 Hòa Hảo	
2382	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	29/06/1959		X	60 Nguyễn Chí Thanh	
2383	TÔ HUỆ LINH	18/07/1982		X	60 Nguyễn Chí Thanh	
2384	TRẦN QUỲNH TRÚC	19/04/2002		X	60 Nguyễn Chí Thanh	
2385	TRẦN QUỐC TÙNG	29/07/1981	X		60 Nguyễn Chí Thanh	
2386	PHẠM THỊ MỸ LIÊN	01/02/1970		X	101 LÔ O Ngô Gia Tự	
2387	PHẠM THỊ HOA	06/08/1971		X	020 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2388	LẠI QUANG TIẾN	02/08/2000	X		020 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2389	NGUYỄN QUỐC CUỖNG	18/08/1987	X		021 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2390	TRẦN NGỌC TRÂM	08/05/1984		X	009 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2391	HUỲNH VĂN LỰC	01/09/1983	X		009 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2392	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	20/03/1960		X	110 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2393	NGUYỄN VĂN TRUNG	04/06/1959	X		110 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2394	NGUYỄN ANH ĐỨC	27/02/1991	X		110 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2395	LÌU VÀ SÊNH	12/03/1956	X		322 LÔ N Ngô Gia Tự	
2396	LONG NGỌC YẾN	27/07/1980		X	322 LÔ N Ngô Gia Tự	
2397	SÍN TẮC CHÂN	16/08/1956		X	322 LÔ N Ngô Gia Tự	
2398	DUƠNG KHAI TẠC	20/01/1979	X		322 LÔ N Ngô Gia Tự	
2399	LÝ VĂN VINH	05/09/1930	X		104 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2400	LÊ VĂN HIỀN	19/05/1965	X		240 Sư Vạn Hạnh	
2401	NGÔ THỊ MAI	11/08/1971		X	240 Sư Vạn Hạnh	
2402	LÊ XUÂN QUỲNH	04/03/2000		X	240 Sư Vạn Hạnh	
2403	TẶNG MỸ DUNG	11/08/1970		X	332 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2404	TẶNG THẾ HÙNG	16/10/1996	X		332 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2405	LÊ THUY MỸ DUYÊN	19/11/1997		X	332 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2406	LÊ BẢO DUY	05/01/2002	X		332 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2407	TẶNG THỊ TIẾN	01/05/1983		X	332 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2408	NGUYỄN THỊ TRÍ	17/11/1964		X	242D Sư Vạn Hạnh	
2409	LƯƠNG CHÍ HÙNG	07/10/1965	X		222/1 Sư Vạn Hạnh	
2410	TRẦN MỸ NGỌC	27/10/1966		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
2411	LƯƠNG THANH THỦY	29/10/1995		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
2412	LƯƠNG TUYẾT THANH	27/04/1992		X	222/1 Sư Vạn Hạnh	
2413	SLÊN THANH LỢI	11/06/1994	X		222/1 Sư Vạn Hạnh	
2414	ĐIỀN QUỐC QUANG	23/02/1980	X		128/3 Hùng Vương	
2415	TRẦN THỊ BÍCH TRANG	13/05/1989		X	128/3 Hùng Vương	
2416	TỬ TRƯỞNG	12/12/1971	X		212 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2417	NGUYỄN THỊ NGỌC QUỲ	30/03/1975		X	212 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2418	TRẦN CẦU NGHIỆP	06/10/1965	X		123 LÔ O Ngô Gia Tự	
2419	VÔ VĂN TỰ	13/10/1960	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2420	HUỲNH THỊ ÁNH XUÂN	01/05/1965		X	307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2421	VÔ THANH TÂM	07/06/1985	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2422	VÔ THANH TÙNG	16/10/1990	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2423	PHẠM THỊ XUÂN	10/05/1951		X	206/2 Sư Vạn Hạnh	
2424	LÂM NGỌC PHƯỚC THẢO	07/07/1983		X	206/2 Sư Vạn Hạnh	
2425	ĐẶNG TRỌNG PHƯỚC	03/02/1974	X		326 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2426	NGÔ VĂN CHÍNH	14/06/1983	X		029 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2427	TRẦN THỊ TRANG	22/10/1987		X	029 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2428	NGUY VĂN CUỖNG	31/08/1981	X		173 Trần Nhân Tôn	
2429	NGUYỄN THỊ KIM HƯỜNG	25/06/1991		X	173 Trần Nhân Tôn	
2430	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	06/12/1981		X	170 Trần Nhân Tôn	
2431	LÊ THỊ THU THỦY	17/09/1975		X	013 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2432	NGÔ THỊ THỦY PHƯƠNG	01/03/1966		X	307 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2433	NGUYỄN HOÀNG THỦY	14/03/1992		X	307 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2434	NGUYỄN HOÀNG LÂN	16/12/1988	X		307 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2435	HUỲNH KIM THOA	11/05/1969		X	224 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2436	NGUYỄN HUỲNH THỦY TRANG	30/04/2001		X	224 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2437	LÊ THANH TÂM	10/10/1990	X		245/21 Hòa Hảo	
2438	NGUYỄN THỊ THU	12/09/1967		X	245/21 Hòa Hảo	
2439	LÊ THỊ THANH THỦY	11/07/1994		X	245/21 Hòa Hảo	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2440	LÝ THỊ TUYẾT SƯƠNG	01/10/1960		X	46/2 Nguyễn Chí Thanh	
2441	LÊ THỊ CHẴN	30/04/1952		X	318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2442	LÊ PHẠM ĐÌNH TỬ	30/08/1994	X		318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2443	LÊ THANH TÙNG	14/10/1991	X		318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2444	LÊ KIM Ý	13/12/1999		X	318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2445	LÊ TRUNG HIỆU	02/12/2000	X		318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2446	NGUYỄN LÊ THANH HẰNG	03/04/1990		X	318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2447	NGUYỄN THỊ KIM TRANG	01/02/1972		X	318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2448	NGUYỄN THỊ KIM THAO	20/01/1981		X	318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2449	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾT	19/03/1975		X	318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2450	LÊ THỊ HOA	12/04/1962		X	318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2451	LÊ THỊ NHỊ	27/08/1964		X	318 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2452	LƯƠNG NGỌC CHÁU	15/10/1975	X		006 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2453	NGUYỄN THỊ NHANH	10/10/1975		X	006 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2454	LƯƠNG NGỌC CHI	17/11/2002		X	006 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2455	PHAN THỊ HIỀN	01/02/1967		X	209 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2456	TRẦN TRUNG THÀNH	24/01/1982	X		124 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2457	TRƯƠNG THỊ LIÊN	07/05/1962		X	124 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2458	TRẦN CẦN LẬP	10/06/1956	X		124 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2459	TRẦN THỊ TRUNG TUYẾN	10/04/1983		X	124 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2460	NGUYỄN NGỌC CÚC	05/12/1962		X	002 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2461	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	29/04/1998		X	002 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2462	NGUYỄN PHƯƠNG OANH	20/12/1994		X	002 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2463	TRẦN ANH HAI	23/05/1969	X		108 Lô O c/c Ngô Gia Tự	
2464	TẶNG THỊ NGỌC OANH	28/05/1970		X	108 Lô O c/c Ngô Gia Tự	
2465	NGÔ THỦY LỢI	16/06/1968	X		307 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2466	NGUYỄN THỊ THUẬN	23/06/1967		X	307 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2467	NGÔ TRỌNG HIỆU	08/04/1996	X		307 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2468	TẠ THANH NHẢ	13/10/1974	X		126 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2469	NGUYỄN THỊ TÚOÌ	21/04/1974		X	226/10 Sư Vạn Hạnh	
2470	NGUYỄN TRUNG HIỆU	09/10/1976	X		005 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2471	PHẠM THỊ BÌNH	02/01/1978		X	005 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2472	NGUYỄN HỒNG NHUNG	01/07/1967		X	302 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2473	ĐƯƠNG MINH HIỆU	22/11/1989	X		302 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2474	PHAN HỒNG THỦY VY	26/09/1995		X	302 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2475	LÂM THỊ SANG	17/04/1951		X	25 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2476	BÙI THỊ HOAN	23/01/1983		X	25 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2477	NGUYỄN VĂN KHÔI	22/02/1943	X		25 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2478	NGUYỄN ANH DŨNG	03/06/1983	X		25 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2479	NGUYỄN DUY NAM	24/05/1965	X		46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2480	TRẦN THỊ KIM PHƯỢNG	18/06/1970		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2481	NGUYỄN TRẦN BẢO CHÁU	02/10/1996		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2482	LÂM VĂN THỀM	26/09/1968	X		307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2483	PHẠM THỊ TUYẾT HOA	29/01/1970		X	307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2484	LÂM XUÂN NGỌC	14/12/1998		X	307 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2485	TRẦN THỊ MINH NGỌC	18/08/1966		X	126 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2486	NGÔ THANH XUÂN	10/05/1998		X	126 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2487	NGÔ THANH PHƯƠNG	01/07/1991		X	126 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2488	NGUYỄN TUÔNG LONG	02/11/1983	X		026 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2489	TRẦN THỊ KIM PHỤNG	02/08/1983		X	026 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2490	PHẠM VĂN THÁI	17/09/1967	X		312 LÔ O Ngô Gia Tự	
2491	PHẠM LÊ ĐĂNG KHOA	07/12/1997	X		312 LÔ O Ngô Gia Tự	
2492	TRẦN LINH PHƯỚC	29/01/1975	X		122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2493	PHẠM THỊ THU HẠ	20/06/1977		X	122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2494	TRẦN NHẬT LINH	20/09/2000		X	122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2495	TRẦN LINH HOÀNG	15/03/1999	X		122 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2496	LÊ THÀNH NHÂN	17/07/1972	X		225 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2497	HÀ THỊ THU HUỆ	14/07/1979		X	225 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2498	HUỲNH HỮU LỢI	27/02/1967	X		229 lô N c/c Ngô Gia Tự	
2499	LÊ THỊ MỸ OANH	23/03/1969		X	229 lô N c/c Ngô Gia Tự	
2500	HUỲNH HỮU ĐỨC	08/01/1993	X		229 lô N c/c Ngô Gia Tự	
2501	NGUYỄN MINH THẮNG	1983	X		210 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2502	VĂN THỊ HẰNG	1980		X	210 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2503	NGÔ CỬU NHI	01/01/1958	X		36 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2504	NGÔ THẾ LÂM	12/09/1998	X		36 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2505	NGÔ GIA KỶ	16/10/1994		X	36 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2506	NGUYỄN VĂN HOÀNG BÀ	27/04/1955	X		36 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2507	PHAN NGỌC SƠN	20/01/1966	X		135 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2508	PHAN HOÀI ANH THU	26/08/2000		X	135 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2509	HUỲNH THỊ MAI THỊ	23/12/1989		X	19 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2510	NGUYỄN THỊ THOAN	07/05/1969		X	19 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2511	HUỲNH VĂN TRỌNG	05/03/1963	X		19 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2512	HUỲNH TRỌNG HIẾU	03/12/1991	X		19 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2513	NGUYỄN THỊ MUỐI	20/03/1955		X	245B Hòa Hảo	
2514	NGUYỄN THỊ THÂN	13/01/1957		X	245B Hòa Hảo	
2515	NGUYỄN BÁ TÂN	09/01/1956	X		332 LÔ N Ngô Gia Tự	
2516	VÕ THỊ MỸ CHI	12/08/1959		X	332 LÔ N Ngô Gia Tự	
2517	NGUYỄN BÁ PHÚC	08/11/1992	X		332 LÔ N Ngô Gia Tự	
2518	VÕ TÂN HIỆP	21/01/1970	X		18 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2519	PHAN THỊ CẨM VÂN	19/10/1977		X	18 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2520	VÕ HÒANG KHANH	20/08/2000	X		18 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2521	VÕ HÒANG TRIỀU	17/01/1998	X		18 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2522	NGUYỄN KIM BÍCH HẠNH	17/09/1978		X	209 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2523	NGUYỄN PHI YẾN	07/07/2001		X	209 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2524	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	19/07/1995		X	209 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2525	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	29/05/1975		X	209 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2526	NGUYỄN NGỌC SƯƠNG	17/04/1983		X	209 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2527	NGUYỄN HUỲNH TÁNH	17/07/1968		X	141/2 Trần Nhân Tôn	
2528	LƯƠNG NGỌC VÂN	22/05/1972		X	141/2 Trần Nhân Tôn	
2529	NGUYỄN HUỲNH NGỌC THY	15/12/1999		X	141/2 Trần Nhân Tôn	
2530	NGUYỄN HUỲNH NGỌC VY	23/10/1994		X	141/2 Trần Nhân Tôn	
2531	NGUYỄN KIM THÀNH	20/10/1968	X		245/1B Hòa Hảo	
2532	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	06/12/1967		X	245/1B Hòa Hảo	
2533	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	28/01/1997		X	245/1B Hòa Hảo	
2534	NGUYỄN NGỌC THỦY TRANG	02/07/2002		X	245/1B Hòa Hảo	
2535	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	16/03/1971		X	245/1B Hòa Hảo	
2536	DƯƠNG MINH SƠN	24/05/1992	X		245/1B Hòa Hảo	
2537	LÊ THỊ KM OANH	16/01/1971		X	245/1B Hòa Hảo	
2538	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	17/04/2000		X	245/1B Hòa Hảo	
2539	NGUYỄN THIẾT HÙNG	20/08/1969	X		119 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2540	DIỆP THỊ DI HUẤN	11/06/1968		X	119 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2541	NGUYỄN TÂN CUỒNG	29/04/2002	X		119 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2542	LÊ THỊ DIỄM HÂN	09/1979		X	141/3 Trần Nhân Tôn	
2543	NGUYỄN THỊ HỘI	29/09/1959		X	245B Hòa Hảo	
2544	HUỲNH CÔNG CHUNG	1958	X		245B Hòa Hảo	
2545	HUỲNH PHƯƠNG KHANH	09/10/1990		X	245B Hòa Hảo	
2546	HUỲNH CÔNG PHÚC	01/10/1997	X		245B Hòa Hảo	
2547	HUỲNH CÔNG ĐẠT	07/07/1987	X		245B Hòa Hảo	
2548	NGÔ HỮU HIẾU	26/04/1971	X		68 Nguyễn Chí Thanh	
2549	HUỲNH THỊ QUỲNH TRÚC	02/10/1981		X	68 Nguyễn Chí Thanh	
2550	HÀ XÂY	10/07/1945		X	231 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2551	CHÊ THÀNH VỌNG	01/05/1968	X		128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2552	NGUYỄN THỊ MỸ LAN	29/12/1967		X	128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2553	CHÊ NGUYỄN THẢO ANH	09/01/2000		X	128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2554	PHAN TÂN TÀI	15/10/1968	X		306 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2555	HUỲNH THỊ DIỆP THANH	03/03/1972		X	306 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2556	TRƯƠNG DỊCH TÙNG	07/11/1977	X		008 Lô O c/c Ngô Gia Tự	
2557	NGUYỄN NGỌC EM	20/04/1979		X	008 Lô O c/c Ngô Gia Tự	
2558	TRƯƠNG SÁI CHI	06/07/1979		X	206 LÔ M Ngô Gia Tự	
2559	LUÂN TRUNG PHÁT	12/10/1969	X		206 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2560	LÊ THỊ KIM ANH	06/09/1976		X	206 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2561	TRẦN VĂN PHƯỚC	20/06/1965	X		46/2C Nguyễn Chí Thanh	
2562	PHAN THỊ NGỌC KHƯƠNG	11/01/1966		X	46/2C Nguyễn Chí Thanh	
2563	TRẦN PHƯỚC QUỲNH NHƯ	28/01/1999		X	46/2C Nguyễn Chí Thanh	
2564	LÂM VĂN DỪNG	1963	X		121 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2565	TRƯƠNG NGỌC TRÂM TRANG	15/06/1970		X	121 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2566	LÂM NGỌC BỘI BỘI	13/08/1996		X	121 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2567	HUỲNH THỊ NGỌC LỆ	26/12/1963		X	314 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2568	PHẠM HUỲNH KHANG TRƯỜNG	15/03/2000	X		314 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2569	HUỲNH THỊ NGỌC THỦY	07/01/1965		X	314 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2570	PHẠM THỊ SÁU	10/09/1969		X	245/11 Hòa Hảo	
2571	PHẠM THỊ HẠNH	21/07/1960		X	103 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2572	PHẠM TRẦN MẠNH HÙNG	17/10/1988	X		104 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2573	LÊ THỊ MINH THƯƠNG	19/10/1989		X	104 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2574	VŨ THỊ LIÊN HOA	21/11/1972		X	245/7 Hòa Hảo	
2575	ĐÌNH VĂN HIẾU	22/04/1995	X		245/7 Hòa Hảo	
2576	TRẦN THỊ THANH NHÂN	07/05/1981		X	029 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2577	DIỆP THÀNH	17/07/1963	X		316 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2578	CHÚC TUYẾT PHỤNG	09/07/1970		X	316 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2579	DIỆP VĨNH PHỐI	02/11/1996		X	316 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2580	ĐỖ THÀNH LONG	30/08/1966	X		024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2581	DƯƠNG THỊ ÁNH LOAN	03/08/1976		X	024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2582	ĐỖ ĐỖ	07/08/1996	X		024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2583	ĐỖ ĐÌNH QUỐC	03/11/1999	X		024 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2584	TRẦN THUẬN TÀI	05/10/1985	X		226/8 Sư Vạn Hạnh	
2585	LÊ TRẦN NGỌC MỸ	01/09/1987		X	226/8 Sư Vạn Hạnh	
2586	LÊ THỊ HƯỜNG	02/03/1966		X	39 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2587	CHẾ THỊ TÂY	01/03/1954		X	211 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2588	LƯƠNG TỶ DOLLARS	27/06/1992	X		211 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2589	ĐÀO THỊ ÁNH HỒNG	27/08/1968		X	221 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2590	LONG VĨ MINH	19/05/1979	X		203 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2591	DƯƠNG THẾ MUỘI	14/03/1980		X	203 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2592	KHUUU CẨM HÙNG	11/04/1983	X		32 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2593	LÊ THỊ HỒNG DIỄM	24/07/1984		X	32 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2594	PHẠM VĂN MINH	18/09/1964	X		227 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2595	NGUYỄN PHONG HẢI	10/10/1968	X		004 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2596	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	15/04/1975		X	004 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2597	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	1973		X	004 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2598	HỒ HOÀNG TUYẾN	06/11/1983	X		312 LÔ M c/c Ngô Gia Tự	
2599	LÊ THỊ LIÊN	09/03/1989		X	312 LÔ M c/c Ngô Gia Tự	
2600	ĐÌNH LÂM SƠN	1959	X		121 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2601	ĐÌNH LÊ QUỲNH NHƯ	19/05/1999		X	121 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2602	NGUYỄN YÊN TÂM	15/10/1974	X		120 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
2603	CAO THỊ VÂN	20/08/1968		X	120 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
2604	PHAN MINH TUẤN	03/03/1991	X		120 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
2605	PHAN TUẤN TÀI	07/02/1993	X		120 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
2606	PHAN THỊ THUY TIỀN	17/11/2002		X	120 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
2607	PHAN THỊ LÊ THUY	23/05/1988		X	120 LÔ O c/c Ngô Gia Tự	
2608	HUỲNH LÊ HỒNG QUỲ	1980		X	321 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2609	NGUYỄN LÊ THUY	1947		X	321 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2610	NGUYỄN VĂN BẢO	17/07/1984	X		321 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2611	LÊ TẤN TÀI	11/02/1997	X		134 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2612	NGUYỄN VĂN NGỌC	06/08/1961	X		105 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2613	DIỆP MỸ CHU	03/02/1960		X	105 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2614	NGUYỄN DIỆP THANH THẢO	31/12/1992		X	105 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2615	NGUYỄN DIỆP HOÀNG NAM	02/08/1987	X		105 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2616	HUỲNH BAO BẢO	21/03/1977		X	008 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2617	BÙI MINH SANG	01/01/1973	X		008 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2618	HUỲNH BÙI ANH PHỤNG	07/02/1999		X	008 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2619	LÊ HOÀNG CÔNG QUỐC BẢO	15/05/1979	X		46/15 Nguyễn Chí Thanh	
2620	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	12/02/1986		X	46/15 Nguyễn Chí Thanh	
2621	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	20/01/1966		X	105 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2622	PHẠM THỊ NHỎ	12/08/1984		X	105 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2623	PHẠM VĂN LẠ	10/03/1990	X		105 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2624	PHẠM VĂN KỶ	15/12/1992	X		105 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2625	LÂM QUỐC CƯỜNG	1969	X		324-325 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2626	LÂM THỊ BÉ NỮ	29/12/1996		X	324-325 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2627	ĐOÀN THỊ CẨM VÂN	1980		X	324-325 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2628	LÂM THẾ QUẢN	11/04/1995	X		324-325 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2629	NGÔ THỊ THANH	03/01/1955		X	242D Sư Vạn Hạnh	
2630	TRƯƠNG ANH KIẾT	25/09/1978	X		313 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2631	ĐOÀN THỊ THU MÙA	06/03/1983		X	313 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2632	LÝ QUỐC THẮNG	18/11/1979	X		127 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2633	NGUYỄN THỊ KIM THUY	08/09/1989		X	127 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2634	HUỲNH LÊ NGÀ	08/05/1962		X	333 LÔ N C/C C/C Ngô Gia Tự	
2635	HUỲNH HỒNG NGỌC	30/09/2001		X	333 LÔ N C/C C/C Ngô Gia Tự	
2636	TRẦN THỊ MẦN	1979		X	333 LÔ N C/C C/C Ngô Gia Tự	
2637	LÊ HUỲNH MINH BẢO	17/09/1989	X		333 LÔ N C/C C/C Ngô Gia Tự	
2638	LÊ HUỲNH MINH KHÁNH	1986	X		333 LÔ N C/C C/C Ngô Gia Tự	
2639	HUỲNH THỊ LÊ XUÂN	26/03/1969		X	333 LÔ N C/C C/C Ngô Gia Tự	
2640	HUỲNH QUANG PHÚ	29/02/1976	X		333 LÔ N C/C C/C Ngô Gia Tự	
2641	HUỲNH LÊ THU	05/10/1964		X	333 LÔ N C/C C/C Ngô Gia Tự	
2642	PHAN THỊ HOÀ	15/07/1973		X	236 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2643	PHAN CÔNG TUẤN	14/07/1975	X		236 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2644	PHAN MINH NHỰT	07/11/2002	X		236 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2645	PHAN HỮU HIỀN	30/01/1976	X		236 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2646	HÀ THỊ MỸ LỆ	28/08/1975		X	236 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2647	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	1974		X	129 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2648	NGUYỄN THỊ PHỤNG	08/10/1963		X	118 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2649	NGUYỄN THỊ XUÂN TRANG	06/03/1993		X	118 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2650	NGUYỄN QUANG TRÍ	15/01/1962	X		81 Trần Nhân Tôn	
2651	PHÙNG THỊ CẨM GIANG	06/01/1975		X	81 Trần Nhân Tôn	
2652	NGUYỄN PHÙNG QUANG ĐẠI	31/12/2001	X		81 Trần Nhân Tôn	
2653	HUỶNH THỊ KIM LỆ	19/03/1979		X	245/1A Hòa Hảo	
2654	TRẦN NGỌC DUNG	05/05/1982		X	312 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2655	NGUYỄN MẠNH HÙNG	1972	X		312 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2656	LÊ BÁ NGUYỄN	10/01/1962	X		313 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2657	PHẠM THỊ XUÂN HƯƠNG	02/02/1963		X	313 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2658	LÊ NGỌC THẢO	29/02/1992		X	313 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2659	PHAN VĂN CHÁNH	1985	X		137 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2660	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/08/1985		X	137 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2661	NGUYỄN VĂN THÌNH	08/06/1976	X		137 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2662	NGUYỄN THỊ THU TRANG	10/09/1981		X	137 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2663	HUỶNH VĨNH LỢI	29/06/1988	X		240 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2664	LÊ THỊ HỒNG HIẾU	20/12/1986		X	240 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2665	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	12/02/1989		X	320 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2666	VÔ THỊ MINH	02/11/1962		X	320 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2667	NGUYỄN NHẬT LINH	07/07/1987	X		320 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2668	NGUYỄN VĂN KHA	19/12/1959	X		320 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2669	TRẦN NGỌC THÙNG	1961	X		14 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2670	TRẦN ĐOÀN TRƯỜNG GIANG	1998	X		14 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2671	NGUYỄN MAI THY	28/12/1983		X	332 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2672	BÙI VĂN TẤN	1982	X		332 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2673	LẠI THỊ THU XUÂN	05/08/1969		X	017 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2674	TRỊNH PHAN MINH TRÍ	20/07/2000	X		017 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2675	LẠI QUANG NGHĨA	12/03/1973		X	17 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2676	TIỂU HUỶNH THỊ NGỌC UYÊN	09/01/1974		X	17 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2677	TRẦN THỊ THANH LOAN	09/08/1972		X	232 lô M c/c Ngô Gia Tự	
2678	NGUYỄN QUANG VIỆT	17/06/1953	X		020 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2679	TRẦN THỊ CÚC	25/03/1954		X	020 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2680	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	25/10/1993		X	020 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2681	NGUYỄN TRUNG THIỆN	07/02/1990	X		020 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2682	LÝ TỔ NỮ	09/07/1965		X	113 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2683	NGÔ TÂN THÀNH	11/02/1961	X		113 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2684	NGÔ MỸ THANH	30/07/1989		X	113 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2685	NGÔ LỆ CẨM	05/12/1986		X	113 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2686	NGÔ THUẬN QUANG	19/11/1992	X		113 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2687	NGÔ THANH DUNG	31/03/1973		X	141 Trần Nhân Tôn	
2688	NGÔ THANH NHƯ	02/09/2002		X	141 Trần Nhân Tôn	
2689	LÂM SINH	06/11/1971	X		310 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2690	NGUYỄN THỊ HÒA	12/11/1974		X	310 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2691	NGUYỄN THỊ MAU	30/06/1965		X	103 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2692	LÝ THỊ TUYẾT NHI	24/01/1997		X	103 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2693	LÝ THỊ NGỌC HUYỀN	25/01/1992		X	103 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2694	LÊ MINH BIỆN	20/08/1972	X		227 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2695	TRƯƠNG THỊ KIM DUNG	15/10/1973		X	227 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2696	LÊ MINH TRUNG	11/10/1999	X		227 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2697	TRẦN DUY HAI	25/07/1963	X		106 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2698	NGUYỄN THỊ THỦY	17/12/1977		X	106 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2699	TRẦN THỊ NGỌC TUYẾT	14/07/1973		X	106 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2700	NGUYỄN NGỌC DẦN	20/10/1957	X		42 Nguyễn Chí Thanh	
2701	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	15/02/1958		X	42 Nguyễn Chí Thanh	
2702	LÊ THỊ LIÊN	07/04/1996		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2703	LÊ VĂN HIỆP	21/02/1994	X		46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2704	LÊ THỊ MỸ	14/05/1991		X	46/3 Nguyễn Chí Thanh	
2705	NGUYỄN NGỌC TỬ	05/08/1979	X		210 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2706	NGUYỄN PHƯƠNG TRÍ	23/08/1969	X		231 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2707	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	1972	X		231 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2708	TRẦN NGỌC TUẤN	02/11/1977	X		315 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2709	PHAN THỊ KIM NGUYỆT	28/01/1960		X	315 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2710	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	04/06/1977		X	315 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2711	BÙI THỊ PHIẾU	01/01/1942		X	315 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2712	PHAN VĂN PHƯỚC	05/09/1939	X		315 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2713	TRẦN NGỌC THANH VY	13/11/2002		X	315 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2714	ĐÀO THỊ PHỄ	1954		X	331 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2715	LÂM GIA BẢO	10/09/2002	X		331 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2716	TẠ PHƯỚC THÀNH	24/07/1997	X		331 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2717	TẠ THỊ YÊN DUYỀN	27/02/1995		X	331 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2718	LÂM THANH PHONG	01/01/1970	X		331 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2719	LÂM THỊ THANH HƯỜNG	01/01/1972		X	331 lô N C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2720	PHÙNG THẾ LONG	24/04/1980	X		226/52 Sư Vạn Hạnh	
2721	TRẦN NGỌC ANH ĐÀO	06/07/1982		X	226/52 Sư Vạn Hạnh	
2722	ĐOÀN ĐỨC VINH	31/01/1959	X		239 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2723	TRẦN SƠN HÀ	25/10/1977	X		211 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2724	NGUYỄN KIM PHỤNG	31/07/1979		X	211 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2725	ĐẶNG TẮT THỊNH	26/04/1980	X		002 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2726	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	25/05/1980		X	232 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2727	HUỲNH CAO NGUYỄN	27/07/1983	X		232 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2728	TRỊNH VƯƠNG BÌNH	15/04/1972	X		89 Trần Nhân Tôn	
2729	NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	09/04/1974		X	89 Trần Nhân Tôn	
2730	TRỊNH VƯƠNG AN	12/03/2002	X		89 Trần Nhân Tôn	
2731	NGUYỄN VĂN HÙNG	06/04/1967	X		46/3C Nguyễn Chí Thanh	
2732	TRẦN THỊ THUYẾT HẰNG	05/08/1973		X	46/3C Nguyễn Chí Thanh	
2733	NGUYỄN THỊ TUYẾT HẰNG	21/02/1979		X	340 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2734	NGUYỄN CHÍ ANH NHÂN	06/06/1997	X		340 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2735	NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH	30/08/1972		X	340 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2736	CHẾ KIM VUI	01/03/1966		X	128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2737	LÊ CƯỜNG	20/04/1967	X		128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2738	LÊ DUY	26/10/1990	X		128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2739	LÊ VINH TƯỜNG VI	03/10/1987		X	128 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2740	TRANG MANH KHÔI	07/01/1976	X		132 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2741	PHAN DOãn DOANH	01/01/1983		X	132 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2742	TRẦN ĐÌNH NGỌC	30/12/1958	X		317 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2743	TRẦN ĐÌNH QUỐC ANH	15/06/1988	X		317 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2744	TRẦN THỊ ANH TUYẾT	16/09/1992		X	317 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2745	BÙI NGUYỄN ANH TUẤN	05/07/1978	X		111 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2746	PHAN THỊ DẠ THU	25/09/1977		X	111 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2747	BÙI NGUYỄN KIỀU KHANH	08/07/2000		X	111 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2748	LƯƠNG LAI QUỐC	25/12/1989	X		312 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2749	PHẠM THỊ LIÊN	28/04/1954		X	327 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2750	LƯƠNG THỊ MỸ LIÊN	01/11/1979		X	317 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2751	NGUYỄN HUỲNH NGHĨA	17/07/1975	X		317 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2752	NGUYỄN HIỀN NGHĨA	27/04/1974	X		206/6 Sư Vạn Hạnh	
2753	HUỲNH THỊ THU HƯƠNG	27/03/1976		X	206/6 Sư Vạn Hạnh	
2754	NGUYỄN ANH QUẢN	18/10/2002	X		206/6 Sư Vạn Hạnh	
2755	GIANG PHONG	15/07/1969		X	034 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2756	TÂN SỬ KHÍ	06/09/1962	X		034 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2757	TÂN BỘI HIỀN	18/10/2001		X	034 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2758	HUỲNH TUẤN KIẾT	20/07/1979	X		007 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2759	BÙI THỊ TUYẾT NGÀ	11/11/1985		X	007 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2760	NGÔ THỊ DIỆU HIỀN	10/07/1977		X	007 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2761	BÙI THỊ KẾT	17/06/1976		X	163 Trần Nhân Tôn	
2762	HÀ GIÁM VIỆT	06/10/1974	X		163 Trần Nhân Tôn	
2763	NGUYỄN THỊ HOA HỒNG	17/03/1979		X	222/5 Sư Vạn Hạnh	
2764	NGUYỄN THỊ TUYẾT	1950		X	222/5 Sư Vạn Hạnh	
2765	NGUYỄN VĂN NGHỊ	25/12/1948	X		222/5 Sư Vạn Hạnh	
2766	ĐỖ MINH THỊ	05/05/1977	X		222/5 Sư Vạn Hạnh	
2767	ĐỖ NGUYỄN ANH THƯ	19/02/2002		X	222/5 Sư Vạn Hạnh	
2768	NGUYỄN TIẾN PHONG	09/03/1985	X		222/5 Sư Vạn Hạnh	
2769	NGUYỄN HUỲNH HIẾU	13/01/1978	X		141/2 Trần Nhân Tôn	
2770	NGUYỄN THỊ ỨT	06/06/1983		X	141/2 Trần Nhân Tôn	
2771	TRẦN VĂN LỘC	17/03/1973	X		46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2772	NGUYỄN THỊ NGỌC ĐẸP	09/09/1981		X	46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2773	TRẦN VĂN GIÀU	17/08/1975	X		46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2774	LỮ HUỲNH NGỌC TRẦN	23/01/1975		X	46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2775	TRẦN LỮ THIÊN ÂN	07/06/2002	X		46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2776	PHẠM THỊ HÒA	02/08/1964		X	022 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2777	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	12/04/1975		X	014 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2778	HUỲNH PHÚ KHÁNH	13/11/2001	X		014 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2779	TRƯƠNG KIM ĐỨC	25/04/1984	X		226/4 Sư Vạn Hạnh	
2780	DƯƠNG XƯƠNG MINH	28/12/1970	X		015 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2781	LÊ THỊ NGỌC HẠNH	02/10/1979		X	015 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2782	NGUYỄN THỊ KHỎE	17/05/1963		X	116 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2783	NGUYỄN TƯỜNG VY	06/05/1990		X	116 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2784	TRƯƠNG THANH TÙNG	31/03/1968	X		005 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2785	PHẠM THỊ MỘNG TRỊNH	13/10/1969		X	005 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2786	TRƯƠNG THANH HIẾU	22/10/1991	X		005 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2787	TRƯƠNG QUỐC THẢO	31/10/1993	X		005 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2788	TRẦN BÌNH	23/08/1976	X		113 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2789	VÔ HỒ HỒNG YẾN	10/03/1975		X	113 lô O C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2790	PHẠM THÚY DIỄM	09/11/1972		X	007 lô P C/C Ngô Gia Tự	
2791	LÂM HOA	29/04/1973	X		310 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2792	NGUYỄN THỊ THANH TRÂM	30/01/1980		X	310 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2793	ĐƯƠNG PHỤNG QUỲNH	06/08/1967		X	015 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2794	LỤC CHÍ KỶ	07/08/1996	X		015 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2795	LỤC THANH DUNG	23/07/1993		X	015 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2796	ĐẶNG HỮU PHƯỚC	20/05/1993	X		015 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2797	NGUYỄN TẤN ĐƯỢC	06/10/1965	X		308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2798	NGUYỄN THỊ HIỀN	20/12/1971	X		308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2799	NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	25/09/2002		X	308 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2800	TRƯƠNG NGỌC TRANG	01/06/1982		X	308 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2801	ĐINH HOÀNG PHÚC	14/06/1999	X		308 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2802	ĐỖ THANH TÙNG	15/05/1977	X		309 LÔ O Ngô Gia Tự	
2803	LÊ THỊ CẨM LINH	26/11/1977		X	309 LÔ O Ngô Gia Tự	
2804	HỒ THANH TÀI	10/06/1985	X		012 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2805	PHAN THỊ THU THẢO	25/09/1985		X	220 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2806	PHAN TRẦN TUYẾT ANH	01/03/2002		X	220 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2807	PHAN THỊ THU TRANG	19/09/1978		X	220 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2808	NGUYỄN TẤN TÀI	10/11/1963	X		019 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2809	ĐINH THỊ KIM HỒNG	28/08/1968		X	019 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2810	NGUYỄN THANH TUẤN	18/01/1991	X		019 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2811	NGUYỄN TUẤN THANH	20/05/1992	X		019 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2812	NGUYỄN THỊ MAI DUNG	18/10/1959		X	019 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2813	LẠI NGỌC ANH	11/03/1993		X	019 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2814	LƯU THỊ THANH THÚY	16/09/1992		X	213 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2815	LƯU ĐỨC QUANG	15/10/1959	X		213 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2816	PHẠM ĐÌNH THÌN	07/12/1964	X		326 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2817	VŨ THỊ DUNG TRANG	23/06/1969		X	326 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2818	PHẠM VŨ HOÀI THƯƠNG	04/09/1989		X	326 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2819	TRẦN TRỌNG PHƯƠNG	22/11/1982	X		46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2820	NGUYỄN THỊ LOAN PHƯƠNG	17/07/1982		X	46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2821	PHẠM THỊ MINH HIẾU	23/11/1971		X	46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2822	TRẦN KHÔI NGUYỄN	29/12/2000	X		46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2823	NGỘ NGỌC BỀ	13/10/1956		X	46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2824	TRẦN THỊ THU CÚC	19/05/1985		X	46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2825	TRẦN PHƯƠNG TIẾN	09/12/1988	X		46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2826	LÊ TẤN LỘC	12/03/1961	X		222/I Sư Vạn Hạnh	
2827	NGUYỄN VĂN LIÊM	14/06/1989	X		222/I Sư Vạn Hạnh	
2828	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	08/02/1955		X	222/I Sư Vạn Hạnh	
2829	ĐẶNG THỊ NHƯ MAI	25/08/1965		X	326 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2830	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	23/12/1993		X	326 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2831	LŨ THỊ THU HỒNG	22/07/1992		X	326 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2832	NGUYỄN ĐỨC QUỐC TÍN	15/05/1997	X		326 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2833	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	04/11/1986	X		326 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2834	NGUYỄN ĐỨC QUỐC THÁI	17/05/1994	X		326 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2835	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	21/11/1975		X	236 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2836	VÔ ANH TUẤN	28/05/1976	X		236 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2837	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	06/04/1952	X		170-170A Trần Nhân Tôn	
2838	CHÂU THỊ CÚC	09/08/1956		X	170-170A Trần Nhân Tôn	
2839	NGUYỄN HIẾU LÊ	09/12/1979	X		170-170A Trần Nhân Tôn	
2840	TRẦN VĂN TRÍ	07/08/1958	X		46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2841	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	20/06/1968		X	46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2842	PHẠM NGỌC HỒNG NGÀ	09/08/1987		X	46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2843	NGUYỄN ĐỨC THƠ	25/01/1985	X		46/4 Nguyễn Chí Thanh	
2844	LÊ THANH AN	08/06/1978		X	72 Nguyễn Chí Thanh	
2845	LÂM NHƠN KIẾT	20/05/1981	X		311 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2846	NGUYỄN THỊ ÁNH	29/09/1950		X	311 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2847	LŨ THỊ HỒNG HÀ	16/11/1982		X	311 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2848	LÂM MINH HIỀN	14/12/1982	X		311 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2849	LÂM YẾN NGỌC	21/10/1987		X	311 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
2850	HỒ QUANG CƯỜNG	13/04/1974	X		6 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2851	TRƯƠNG THỊ HOÀNG OANH	20/06/1974		X	6 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2852	HỒ ÁI LINH	26/06/2002		X	6 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2853	HỒ ÁI NGHI	20/01/2000		X	6 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
2854	NGUYỄN TRẦN ANH VŨ	13/10/1980	X		320 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2855	BÙI MINH TRÚC	05/02/1983		X	320 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2856	TRẦN VĂN THÀNH	13/07/1970	X		024 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2857	LÂM KIM VINH	23/01/1954	X		311 LÔ N Ngô Gia Tự	
2858	HUỲNH THỊ LẠI	02/07/1954		X	311 LÔ N Ngô Gia Tự	
2859	LÂM NGỌC TỬ	18/01/1991	X		311 LÔ N Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2860	PHẠM HỒNG LOAN	30/11/1972		X	76 Nguyễn Chí Thanh	
2861	LÊ PHẠM HUY HOÀNG	21/06/1995	X		76 Nguyễn Chí Thanh	
2862	NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG	02/04/1968		X	226/14 Sư Vạn Hạnh	
2863	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG SƠN	20/06/1970	X		226/14 Sư Vạn Hạnh	
2864	NGUYỄN HOÀNG KIM	08/08/1994	X		226/14 Sư Vạn Hạnh	
2865	NGUYỄN HOÀNG BÍCH NGÂN	16/10/1996		X	226/14 Sư Vạn Hạnh	
2866	LÝ LỆ QUYÊN	04/11/1964		X	314 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2867	TẶNG ANH PHỤNG	22/07/1989		X	314 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2868	NGUYỄN TRUNG CANG	26/10/1978	X		141/1 Trần Nhân Tôn	
2869	NGUYỄN THỊ HOÀNG QUYÊN	05/04/1983		X	141/1 Trần Nhân Tôn	
2870	LÊ KIM DOANH	01/12/1978	X		245/3 Hòa Hảo	
2871	TỬ THỊ THU PHỤNG	06/01/1981		X	245/3 Hòa Hảo	
2872	HUỖNH THỊ MAI	27/04/1964		X	022 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2873	HOÀNG ĐỨC TUÂN	13/09/1998	X		022 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2874	TRẦN ANH TUYẾT	14/09/1991		X	022 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2875	LÊ THỊ THẨM	23/10/1971		X	039 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2876	LÊ THỊ MINH CHÂU	18/06/1987		X	039 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2877	LƯU NGỌC SANG	18/08/1999	X		039 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2878	LƯU VĂN LỘC	01/01/1992	X		039 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2879	LƯU NGỌC GIÁU	06/04/2001		X	039 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2880	LÊ THỊ HỒNG	12/01/1970		X	039 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2881	LÊ THỊ THU TRANG	04/02/1994		X	039 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2882	LÊ THỊ THU THUY	12/01/1989		X	039 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2883	NGUYỄN LÊ BÌNH PHƯƠNG	26/02/1980		X	245 Hòa Hảo	
2884	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	21/12/1979	X		245 Hòa Hảo	
2885	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	06/01/1972	X		138 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2886	TRƯƠNG THỤY DẠ THẢO	1983		X	138 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2887	HUỖNH BÀ CƯỜNG	12/06/1985	X		245/5 Hòa Hảo	
2888	TRƯƠNG THỊ KIỀU QUYÊN	1985		X	245/5 Hòa Hảo	
2889	ĐÌNH THỊ THU HỒNG	1977		X	324-325 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2890	LÂM BÍCH LIÊN	19/10/1998		X	324-325 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2891	VÔ MỘNG TIỀN	11/09/1979	X		316 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2892	NGUYỄN QUỐC PHÚ	11/06/1973	X		115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2893	PHAN THỊ CẨM SƠN	30/07/1976		X	115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2894	NGUYỄN QUỐC VINH	12/09/1999	X		115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2895	NGUYỄN NGỌC DUNG	27/11/1995		X	115 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2896	PHAN THỊ THU THẢO	23/07/1982		X	311 Tầng 4, Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2897	NGÔ THANH HOÀNG	23/10/1968	X		141 Trần Nhân Tôn	
2898	PHAN THỊ MỸ	02/02/1972		X	141 Trần Nhân Tôn	
2899	NGÔ MỸ PHƯƠNG	14/10/1994		X	141 Trần Nhân Tôn	
2900	NGÔ MỸ TRINH	27/02/1998		X	141 Trần Nhân Tôn	
2901	TRẦN THỊ THANH TRANG	08/07/1980		X	025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2902	CHU HOÀI MY	17/06/1996		X	025 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2903	HỒ THỊ LIẾNG	09/09/1968		X	028 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2904	NGUYỄN VIỆT HÙNG	14/03/2002	X		028 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2905	LƯƠNG NGỌC LAN	15/10/1966		X	123 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2906	ĐUỖNG THUỖNG ĐỨC	23/09/1987	X		123 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2907	ĐUỖNG THUỖNG MÃN	15/07/1989	X		123 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2908	LIÊN KIM YẾN	09/02/1993		X	222/3 Sư Vạn Hạnh	
2909	LIÊN TRẦN HÙNG	20/07/1957	X		222/3 Sư Vạn Hạnh	
2910	HUỖNH THỊ BÍCH VÂN	09/09/1970		X	107 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2911	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	30/11/1967		X	245/1C Hòa Hảo	
2912	LÝ QUỐC HUNG	13/06/1978	X		127 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2913	TÔN THỊ BÍCH VÂN	20/08/1987		X	127 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
2914	HUỖNH THỊ BẢO TRẦN	31/10/1981		X	3.11 Tầng 4 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2915	HUỖNH NGỌC TUYẾT	24/07/1972		X	038 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2916	NGUYỄN THỊ HUỆ TÂM	23/04/1979		X	52 + 54/2 Nguyễn Chí Thanh	
2917	NGUYỄN PHÚC DUY	04/07/1980	X		52 + 54/2 Nguyễn Chí Thanh	
2918	NGUYỄN PHƯỚC NGỌC THOA	29/03/1984		X	337 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2919	NGUYỄN VĂN ĐẠI	13/04/1988	X		337 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2920	CHU NGUYỄN CHỈ TRÂM	23/12/1980	X		111 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2921	NGUYỄN THỊ THU THỦY	30/04/1984		X	111 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
2922	THÁI QUỐC VƯƠNG	10/12/1979	X		307 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2923	PHẠM THỊ THUỖY LINH	25/06/1979		X	307 Lô N c/c Ngô Gia Tự	
2924	CHÂU KIÊN LÂM	27/10/1977	X		62 Nguyễn Chí Thanh	
2925	TRẦN ĐỨC HIỆP	13/01/1977	X		222 Sư Vạn Hạnh	
2926	HUỖNH THỊ TUYẾT NHUNG	13/09/1979		X	222 Sư Vạn Hạnh	
2927	LỤC YẾN NHI	27/12/1988		X	035 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2928	PHẠM PHÚ KHANH	01/03/1985	X		035 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2929	NGUYỄN NGÔ HUY	29/11/1974	X		029 Lô N C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2930	NGUYỄN NGÔ LAN ANH	04/11/2000		X	029 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2931	LÝ THỊ CẢNH	30/10/1960		X	313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2932	PHẠM THỊ TUYẾT MAI	29/05/1994		X	313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2933	PHẠM VĂN THÔNG	08/03/1984	X		313 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2934	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	25/01/1977	X		139 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2935	VÕ THỊ KIM YẾN	20/08/1984		X	018 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2936	LÊ VĂN	24/12/1965	X		018 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2937	HOÀNG ANH VŨ	03/08/1972	X		313 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2938	NGUYỄN THỊ MAI	24/01/1970		X	313 lô N C/C Ngô Gia Tự	
2939	LƯƠNG HỮU HÀ	10/01/1991	X		006 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2940	NGUYỄN VĂN KHOA	07/01/1971	X		46/3-3A Nguyễn Chí Thanh	
2941	TRƯƠNG THỊ MINH LOAN	03/04/1976		X	46/3-3A Nguyễn Chí Thanh	
2942	NGUYỄN THẾ THIÊN	01/11/2002	X		46/3-3A Nguyễn Chí Thanh	
2943	NGUYỄN TRƯỞNG TUYẾT MAI	11/02/1997		X	46/3-3A Nguyễn Chí Thanh	
2944	THÁI ANH TÚ	30/03/1979	X		109 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2945	NGÔ CẨM HỒNG	24/08/1978		X	109 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2946	LÊ ANH TUẤN	14/09/1984	X		46/3E Nguyễn Chí Thanh	
2947	HUỲNH THỊ HỒNG YẾN	01/01/1986		X	46/3E Nguyễn Chí Thanh	
2948	NGÔ THANH DIJU	26/06/1973		X	141 Trần Nhân Tôn	
2949	NGUYỄN THỊ CẨM HẠNG	30/04/1985		X	242D Sư Vạn Hạnh	
2950	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	25/08/1992		X	242D Sư Vạn Hạnh	
2951	TRẦN THỊ MỸ DUYỀN	10/08/1990		X	242D Sư Vạn Hạnh	
2952	CHÂU QUỐC HƯNG	1979	X		134 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2953	NGUYỄN THỊ BẾ ÁI	1981		X	134 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2954	CHÂU NGỌC THANH VY	1999		X	134 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2955	TRƯƠNG THANH HẢI	01/12/1982		X	74 Nguyễn Chí Thanh	
2956	NGUYỄN THỊ HUỆ	10/07/1968		X	029 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2957	NGUYỄN PHÁP AN	28/08/1989	X		029 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2958	HỒ VĂN TÂN	02/09/1959	X		312 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2959	CAO THỊ LỢI	24/07/1962		X	312 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2960	HỒ THỊ BẠCH TUYẾT	07/05/1981		X	312 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
2961	TRỊNH TUYẾT ẨM	11/01/1983		X	130 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2962	LIU TRƯỜNG SƠN	28/05/1977	X		130 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2963	LÊ THANH LIÊM	15/03/2001	X		130 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2964	NGUYỄN VĂN TÂN	01/04/1972	X		104 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2965	NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN	09/12/1973		X	104 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2966	NGUYỄN PHƯỚC THẮNG	01/02/1996	X		104 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2967	ĐUỜNG VĂN BIÊN	25/02/1983	X		209 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2968	LÊ THỊ ẨMH TUYẾT	04/01/1992		X	209 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2969	NGUYỄN THỊ TUỐT	01/01/1960		X	104 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2970	ĐƯƠNG THỊ NGỌC XUÂN	11/11/1980		X	104 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2971	NGUYỄN VĂN CHỨC	09/10/1969	X		104 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2972	TRẦN NGỌC TUẤN	01/01/1971	X		308 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2973	TRẦN THỊ Y LINH	01/01/1998		X	308 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2974	LÊ THỊ KHAN	12/10/1954		X	245/21 Hòa Hảo	
2975	PHAN VĂN DƯ	06/06/1959	X		209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2976	TRẦN THỊ LÊN	16/05/1962		X	209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2977	PHAN THANH HUY	02/09/1992	X		209 lô O C/C Ngô Gia Tự	
2978	NGÔ THANH PHƯỢNG	20/10/1966		X	141 Trần Nhân Tôn	
2979	TRẦN HỒNG HẢI	03/08/1987	X		141 Trần Nhân Tôn	
2980	TRẦN HỒNG SƠN	27/03/1998	X		141 Trần Nhân Tôn	
2981	TRỊ KIM CÚC	28/08/1957		X	122 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2982	BÙI THANH PHONG	18/08/1985	X		105 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2983	BÙI ANH TUẤN	21/08/1984	X		105 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2984	LÊ HỒNG VĨ PHƯỢNG	08/01/1985		X	118 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2985	NGÔ THỊ BẾ	12/06/1962		X	118 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2986	NGUYỄN QUANG TAM	20/01/1992	X		209 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2987	TẶNG QUỐC HUY	26/03/1980	X		108 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2988	MAI THỊ KIM CHI	14/09/1981		X	108 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2989	TẶNG TÍN ĐẠT	09/04/2002	X		108 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
2990	LÊ THỊ NHỰT THANH	12/08/1982		X	211 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2991	LÂM MINH HOÀNG	11/05/1978	X		211 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2992	TRẦN ĐĂNG KHOA	1976	X		119 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2993	TRẦN NGUYỄN ANH TUẤN	01/11/1998	X		119 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
2994	TRỊNH VĂN HƯƠNG	24/09/1974	X		338 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2995	HUỲNH THỊ LÀI EM	09/06/1975		X	338 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2996	TRỊNH HUỲNH HƯƠNG DUYỀN	27/11/2002		X	338 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2997	NGUYỄN CAO CƯỜNG	14/09/1990	X		127 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
2998	ĐẶNG HUỆ ANH	19/08/1981	X		133 lô M C/C Ngô Gia Tự	
2999	TRẦN VIỄN CỰ	15/01/1977	X		133 lô M C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
3000	HUỖNH HỮU PHƯỚC	30/09/1987	X		229 lô N c/c Ngô Gia Tự	
3001	TRƯƠNG THỊ BÍCH QUỲNH	23/04/1983		X	229 lô N c/c Ngô Gia Tự	
3002	PHAN THỊ THU VÂN	14/03/1956		X	222/11 Sư Vạn Hạnh	
3003	NHƯ THỊ PHƯƠNG DUNG	14/03/1988		X	222/11 Sư Vạn Hạnh	
3004	HUỖNH VĂN XUÂN	17/07/1972	X		334 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3005	ĐINH THỊ MỸ HẠNH	03/06/1978		X	334 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3006	HUỖNH THỊ MỸ LINH	23/03/2000		X	334 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3007	LÊ VĂN RÂM	01/01/1940	X		1.19 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
3008	LƯƠNG TIÊU LAN	20/08/1974		X	157 Trần Nhân Tôn	
3009	TRƯƠNG MINH THẢO	05/02/1972	X		157 Trần Nhân Tôn	
3010	TRƯƠNG KIM HOÀNG	19/07/2001	X		157 Trần Nhân Tôn	
3011	LƯƠNG THỊ THU HIỀN	12/09/1981		X	125 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3012	TRỊNH HOÀI ĐỨC	06/01/1982	X		117 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3013	NGUYỄN THỊ THUY AN	04/05/1982		X	117 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3014	TRỊNH TUYẾT ANH	30/09/2000		X	117 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3015	NGUYỄN THỊ HỒNG XUÂN	05/04/1963		X	242B Sư Vạn Hạnh	
3016	NGUYỄN PHÚC TIẾN	20/04/1960	X		242B Sư Vạn Hạnh	
3017	CHÁNH HỒNG NGÂN	23/08/1988	X		033 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
3018	NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	24/06/1989		X	033 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
3019	NGÔ HOÀNG HUY	17/08/1994	X		030 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
3020	NGÔ VĂN SƠN	26/06/1956	X		030 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
3021	LÊ THỊ HIẾU GIANG	04/11/1992		X	226/6 Sư Vạn Hạnh	
3022	PHẠM MINH HOÀNG	21/09/1969	X		231 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
3023	LÝ THỊ TUYẾT PHƯỢNG	03/11/1968		X	231 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
3024	NGUYỄN THỊ BÈ	20/01/1957		X	222 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3025	LIÊN KIM NGA	03/10/1985		X	222 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3026	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	26/06/1965		X	0.20 tầng 1 lô N C/C Ngô Gia Tự	
3027	ĐẶNG THỊ CẨM LINH	01/01/1985		X	0.20 tầng 1 lô N C/C Ngô Gia Tự	
3028	ĐẶNG THIÊN PHÚC	25/02/2001	X		0.20 tầng 1 lô N C/C Ngô Gia Tự	
3029	NGUYỄN ĐỖ THUY TIẾN	12/08/1993		X	208 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
3030	NGUYỄN ĐỖ NGỌC THẠCH	12/09/1997	X		208 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
3031	NGÔ TRỌNG TÀI	08/10/1986	X		127 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3032	NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	25/08/1973		X	124 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
3033	PHÙNG VĂN KHÁNH	30/11/1966	X		216 lô O C/C Ngô Gia Tự	
3034	NGUYỄN THỊ GÁI ÚT	01/01/1969		X	216 lô O C/C Ngô Gia Tự	
3035	PHÙNG THỊ KHÁNH TUYỀN	17/07/1994		X	216 lô O C/C Ngô Gia Tự	
3036	LÂM NGỌC	24/06/1968		X	212 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
3037	NGUYỄN NGỌC QUANG MINH	20/06/1998	X		212 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
3038	NGUYỄN VINH QUANG	25/03/1965	X		209 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
3039	NGUYỄN VINH TÂM	11/03/1989	X		209 Lô O C/C Ngô Gia Tự	
3040	ĐINH QUANG HIỆP	28/10/1994	X		127 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3041	PHẠM NGỌC HẰNG	25/03/1975		X	46/7A Nguyễn Chí Thanh	
3042	PHẠM NGỌC THUY OANH	17/08/2001		X	46/7A Nguyễn Chí Thanh	
3043	NGUYỄN THỊ THANH ĐÀO	28/02/1992		X	226/3 Sư Vạn Hạnh	
3044	ĐẶNG THỊ LỆ NGA	14/06/1967		X	226/3 Sư Vạn Hạnh	
3045	VƯƠNG HIỀN GIANG	08/03/1989	X		226/3 Sư Vạn Hạnh	
3046	TỬ HẠ	21/08/1966	X		201 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3047	HUỖNH THỊ HUỖNH NHƯ	12/04/1975		X	201 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3048	TỬ DƯƠNG KIM NGỌC	30/03/2001		X	201 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3049	TỬ HẠ	15/06/1970		X	201 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3050	TRẦN NGỌC QUYÊN	07/04/1993		X	201 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3051	TRẦN THỊ THUY TIẾN	21/03/1990		X	201 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3052	HỒ NGỌC LONG NHI	23/01/1993		X	005 LÔ P C/C Ngô Gia Tự	
3053	BÙI THỊ THANH THUY	26/07/1983		X	126 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3054	ĐẶNG VĂN HẢI	01/06/1973	X		119 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3055	NGUYỄN THỊ THU DUNG	16/06/1972		X	119 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3056	NGÔ BÍCH VÂN	20/12/1965		X	037 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
3057	LÊ HOÀNG KHÔI	03/04/1990	X		037 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
3058	TRƯƠNG THY THANH MAI	26/01/1975		X	201 LÔ N C/C Ngô Gia Tự	
3059	PHẠM HỒNG THANH TUYỀN	09/05/1981		X	226/4 Sư Vạn Hạnh	
3060	TRẦN HỮU KHA	03/04/1981	X		226/4 Sư Vạn Hạnh	
3061	PHẠM HỒNG XUÂN THƯƠNG	06/12/1982		X	226/4 Sư Vạn Hạnh	
3062	LÂM QUỐC THÁI	19/08/1977	X		226/4 Sư Vạn Hạnh	
3063	PHẠM HỒNG THANH TRÚC	11/01/1979		X	226/4 Sư Vạn Hạnh	
3064	NGUYỄN NGỌC THIẾT	14/07/1970	X		314 lô O C/C Ngô Gia Tự	
3065	VÔ THỊ NGỌC TRỊNH	24/06/1977		X	314 lô O C/C Ngô Gia Tự	
3066	NGUYỄN HOÀNG HUỖNH	06/07/1971	X		117 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3067	NGUYỄN THỊ KIM HOÀNG	07/12/1975		X	117 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3068	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	04/04/1997		X	117 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3069	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	15/06/1995		X	102 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
3070	LÊ THỊ HANH	31/01/1972		X	245/21 Hòa Hảo	
3071	PHẠM NGỌC THUY DƯƠNG	21/06/1996		X	245/21 Hòa Hảo	
3072	PHẠM NGỌC THUY TRẦN	03/12/1994		X	245/21 Hòa Hảo	
3073	LÊ THỊ HIẾU	18/12/1970		X	245/21 Hòa Hảo	
3074	VÕ KIM HẢO	31/12/1993		X	245/21 Hòa Hảo	
3075	BÙI VĂN LONG	04/12/1966	X		245/21 Hòa Hảo	
3076	BÙI LÊ QUỐC BẢO	27/12/1994	X		245/21 Hòa Hảo	
3077	BÙI LÊ NGỌC KIM TRANG	28/09/2001		X	245/21 Hòa Hảo	
3078	PHẠM THỊ THUY TRANG	02/10/1997		X	127 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3079	ĐẶNG VĂN TRUNG	29/12/1979	X		222/11 Sư Vạn Hạnh	
3080	VŨ THỊ NHIÊN	06/09/1978		X	222/11 Sư Vạn Hạnh	
3081	ĐẶNG VĂN THUẬN	02/04/1975	X		222/7 Sư Vạn Hạnh	
3082	TRƯƠNG THỊ HẰNG	24/10/1970		X	222/7 Sư Vạn Hạnh	
3083	ĐẶNG TRƯƠNG THUY TIỀN	07/05/1997		X	222/7 Sư Vạn Hạnh	
3084	ĐẶNG TRƯƠNG TÂN ĐẠT	06/11/2001	X		222/7 Sư Vạn Hạnh	
3085	TRẦN ĐÌNH KHUÔNG	29/01/1991	X		54/3 Nguyễn Chí Thanh	
3086	VÕ NGUYỄN HANH THẢO	04/12/1990		X	54/3 Nguyễn Chí Thanh	
3087	TRỊNH THỊ THU THẢO	20/04/1985		X	209 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3088	PHAN THỊ ĐIỀU	08/08/1956		X	209 LÔ O C/C Ngô Gia Tự	
3089	TRẦN THỊ YÊN VÂN	20/10/1976		X	031 Tầng 1 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
3090	QUÁCH THỊ HÀ	30/04/1943		X	031 Tầng 1 Lô M C/C Ngô Gia Tự	
3091	NGUYỄN HỮU LANG	08/02/1967	X		330 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3092	ĐỒNG THỊ CANG	02/09/1963		X	330 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3093	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	02/02/1996		X	330 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3094	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	25/12/1992	X		330 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3095	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	22/08/1999		X	330 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3096	TRỊNH VĂN HÓA	05/08/1964	X		338 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3097	TRỊNH TRẦN HẢI LÂM	16/12/2000	X		338 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3098	TRẦN ĐÌNH SƠN	16/07/1973	X		317 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3099	TRẦN KIM NGÂN	07/05/1989		X	317 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3100	NGÔ TIÊU CẨM	20/04/1977		X	006 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3101	TRẦN NAM VÂN	22/01/1983	X		329 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3102	NGUYỄN THỊ NGỌC THI	15/05/1983		X	329 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3103	TRẦN NAM HẢI	20/11/1984	X		329 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3104	BÙI THỊ KIM OANH	08/02/1987		X	329 Lô N C/C Ngô Gia Tự	
3105	YÊN CHI VĨ	31/10/1985	X		302 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
3106	TRỊNH NGỌC HƯƠNG	1993		X	302 Lô P C/C Ngô Gia Tự	
3107	TÓNG QUỐC HUY	06/09/1991	X		226/6 Sư Vạn Hạnh	
3108	NGUYỄN HOÀNG CƯỜNG	02/09/1988	X		127 lô O C/C Ngô Gia Tự	
3109	NGUYỄN THỊ LAN	27/07/1962		X	153 Trần Nhân Tôn	
3110	NGUYỄN THỊ HẢI UYÊN	22/04/1981		X	153 Trần Nhân Tôn	
3111	NGUYỄN KHÁI HÙNG	27/11/1987	X		153 Trần Nhân Tôn	
3112	HOÀNG MINH THẮNG	03/12/1968	X		145(1 Phần Trệt+ Lầu 2) Trần Nhân Tôn	
3113	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	17/12/1965		X	116 lô M C/C Ngô Gia Tự	
3114	NGUYỄN THÀNH LỘC	16/07/1987	X		024 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	
3115	LƯU THỊ BẠCH PHƯỢNG	31/12/1988		X	024 LÔ M C/C Ngô Gia Tự	

Tổng số cử tri: 3115 người.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Thiện